

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Số: 4106/BKHĐT-TH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

V/v khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch  
phát triển kinh tế - xã hội năm 2012

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2011

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và các cơ quan trung ương khác;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty 91, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Thực hiện Chỉ thị số 922/CT-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2012, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin gửi đến Quý cơ quan Khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2012 (bao gồm các phụ lục và mẫu biểu báo cáo kèm theo).

Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, để thực hiện tiết kiệm chi tiêu ngân sách, năm nay Bộ Kế hoạch và Đầu tư không tổ chức Hội nghị toàn quốc để triển khai xây dựng kế hoạch năm 2012.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các bộ, ngành và địa phương căn cứ vào Chỉ thị số 922/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các tài liệu hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và tình hình cụ thể của bộ, ngành, địa phương, khẩn trương xây dựng kế hoạch năm 2012 của bộ, ngành, địa phương mình và gửi Báo cáo bằng văn bản về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2 bản), Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 07 năm 2011 để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ (xin gửi kèm file theo địa chỉ: [lamtanvth@mpi.gov.vn](mailto:lamtanvth@mpi.gov.vn))./. *M*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- VPCP (để b/c TTCP);
- Các Sở KH&ĐT;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, TH.

N<sub>230</sub>

**BỘ TRƯỞNG**



**Võ Hồng Phúc**

*Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2011***KHUNG HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG  
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2012***(Kèm theo công văn số 4406 /BKHĐT-TH ngày 24 tháng 6 năm 2011)***Phần thứ nhất****TÌNH HÌNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM  
VÀ KHẢ NĂNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI  
VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2011**

Tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XII đã thông qua Nghị quyết số 51/2010/QH12 ngày 08/11/2010 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011, Nghị quyết số 52/2010/QH12 ngày 10/11/2010 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2011 và Nghị quyết số 53/2010/QH12 ngày 15/11/2010 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2011.

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 23/11/2010 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 và Quyết định số 2145/QĐ-TTg ngày 23/11/2010 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2011.

Về vốn trái phiếu Chính phủ, căn cứ Nghị quyết số 52/2010/QH12 ngày 10/11/2010 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2011, ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại văn bản số 415/UBTVQH12 ngày 15/01/2011 về việc phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ năm 2011 và chuẩn bị danh mục dự án, công trình giai đoạn 2011-2015, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 184/QĐ-TTg ngày 28/01/2011 về việc giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2011.

Về phân bổ và triển khai kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, thực hiện Nghị quyết số 52/2010/QH12 của Quốc hội, ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại văn bản số 416/UBTVQH12 ngày 15/01/2011 về phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2011 và chuẩn bị danh mục CTMTQG giai đoạn 2011-2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 196/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 về việc giao dự toán chi các CTMTQG năm 2011.

Bước vào năm 2011, trên cơ sở các đánh giá, dự báo và nhận thức rõ về những thuận lợi và khó khăn, thách thức đặt ra đối với nền kinh tế, quán triệt các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị và Ban Bí thư

Trung ương Đảng, Chính phủ đã chỉ đạo, điều hành tập trung, quyết liệt để thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về nhiệm vụ năm 2011 với mục tiêu tổng quát là: *Tăng tính ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế; phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2010, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; giữ vững ổn định chính trị; tiếp tục củng cố quốc phòng; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.*

Ngay từ đầu năm, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2011 về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2011; tập trung vào các giải pháp tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, bảo đảm an sinh xã hội, hoàn thiện hệ thống thể chế, đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại. Trong đó, Chính phủ đã xác định rõ cần tập trung bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô để tạo môi trường và điều kiện phát triển sản xuất kinh doanh và bảo đảm đời sống.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế xã hội trong nước và quốc tế trong những tháng đầu năm 2011 đã xuất hiện nhiều yếu tố đáng lo ngại, tiềm ẩn những yếu tố gây bất ổn kinh tế vĩ mô, nhất là lạm phát có xu hướng tăng cao. Trước tình hình đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2011 về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội với các nội dung chủ yếu: thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng; thực hiện chính sách tài khóa thắt chặt, cắt giảm đầu tư công, giảm bội chi ngân sách nhà nước; thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, khuyến khích xuất khẩu, kiểm chế nhập siêu, sử dụng tiết kiệm năng lượng; điều chỉnh giá điện, xăng dầu gắn với hỗ trợ hộ nghèo; tăng cường bảo đảm an sinh xã hội; tăng cường tổ chức thực hiện, đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền.

Chính phủ đã báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến chỉ đạo và ra Kết luận số 02/KL-TW ngày 16 tháng 3 năm 2011 của Bộ Chính trị về tình hình kinh tế - xã hội trong năm 2011, trong đó nêu rõ chủ trương: Tập trung ưu tiên hàng đầu cho việc kiềm chế lạm phát; ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an sinh xã hội; coi đây vừa là nhiệm vụ cấp bách trong năm 2011, vừa là nhiệm vụ quan trọng của một vài năm tiếp theo. Trong năm 2011 và một vài năm đầu của kế hoạch 5 năm 2011 - 2015, không quá chú trọng mục tiêu đạt tốc độ tăng trưởng GDP năm 2011 cao hơn năm 2010 để tránh tạo ra lạm phát cao, tạo tiền đề vững chắc cho tăng trưởng cao hơn ở những năm cuối của kế hoạch 5 năm. Tại Kết luận



này, Bộ Chính trị cũng chỉ đạo thực hiện những giải pháp đối với các vấn đề quan trọng, bao gồm tiền tệ, tín dụng; tài chính và đầu tư; thị trường bất động sản; nhập siêu; cải cách doanh nghiệp nhà nước; vấn đề điện; bảo đảm an sinh xã hội; công tác tuyên truyền; tổ chức chỉ đạo, điều hành.

Chính phủ đã báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ chín, Quốc hội khóa XII (từ ngày 21-29/3/2011) về việc triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, NSNN những tháng đầu năm 2011 và Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 59/2011/QH12, trong đó yêu cầu Chính phủ tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới nhằm thực hiện mục tiêu ưu tiên hàng đầu là kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.

Thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội và các Nghị quyết của Chính phủ, Chính phủ thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo, tổ chức giao ban định kỳ về tình hình triển khai thực hiện kế hoạch năm 2011. Thường trực Chính phủ cũng đã tổ chức nhiều cuộc họp để phân tích, đánh giá tình hình, kịp thời đề ra những chủ trương, giải pháp trong điều hành kinh tế vĩ mô.

Các bộ, ngành và địa phương đã nghiêm túc triển khai thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ, ban hành các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể; ra các văn bản hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện, thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị cơ sở, đồng thời theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hoặc báo cáo lên các cấp có thẩm quyền để xử lý những vấn đề phát sinh.

Các bộ, ngành, địa phương đã triển khai thực hiện khẩn trương, đồng bộ các giải pháp, tập trung vào các nhiệm vụ cụ thể, như thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng; quản lý hoạt động kinh doanh ngoại tệ và kinh doanh vàng; tăng cường quản lý thị trường và giá cả, đấu tranh phòng chống buôn lậu qua biên giới; các giải pháp về tăng thu, chống thất thu, giảm chi tiêu ngân sách đối với các khoản chi tiêu chưa thật cần thiết; thực hiện nghiêm túc chủ trương không kéo dài thời hạn giải ngân kế hoạch vốn đầu tư năm 2010, không ứng trước vốn kế hoạch năm 2012; đồng thời tiến hành rà soát cắt giảm, điều chuyển vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ, vốn đầu tư của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh trên địa bàn; bảo đảm an sinh xã hội và đời sống nhân dân...

Qua báo cáo của các bộ ngành, địa phương, các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Kết luận số 02/KL-TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 59/2011/QH12 của Quốc hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ đạt được sự nhất trí và đồng thuận cao của tất cả các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và toàn dân,



được sự hoan nghênh, ủng hộ của các tổ chức tài chính quốc tế như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB),... và nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Việc ban hành Kết luận và các Nghị quyết nêu trên được đánh giá là rất cần thiết, kịp thời, đúng đắn, đáp ứng các mục tiêu và yêu cầu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội trong tình hình hiện nay. Việc triển khai khẩn trương và những kết quả tích cực bước đầu trong việc thực hiện các Kết luận, Nghị quyết đã củng cố thêm niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, Quốc hội, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ trước những khó khăn, thách thức hiện nay.

Các ngành, các cấp, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đang tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016 đã thành công tốt đẹp. Nhân dân và cử tri phấn khởi, tin tưởng vào sự thành công của cuộc bầu cử. Công tác bầu cử được thực hiện dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, ngày bầu cử đã trở thành ngày hội của toàn dân.

Dưới đây là tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và dự báo khả năng hoàn thành kế hoạch cả năm 2011:

## **I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2011**

### **1. Về ổn định kinh tế vĩ mô, bình ổn thị trường và kiềm chế lạm phát**

Với sự chỉ đạo tập trung, quyết liệt của Chính phủ, sự nỗ lực triển khai đồng bộ các giải pháp chính sách tình hình kinh tế vĩ mô đã có chuyển biến, đạt được một số kết quả bước đầu.

#### **a) Thu chi ngân sách nhà nước**

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ, các cấp, các ngành và đơn vị cơ sở đã triển khai các biện pháp tăng thu, chống thất thu, đồng thời tiết kiệm chi tiêu, cắt giảm các khoản chi chưa thật cần thiết, như mua sắm ô tô, trang thiết bị có giá trị lớn, giảm hội, họp,... Trên cơ sở đó giảm bội chi NSNN và tăng tính chủ động trong điều hành NSNN. Đồng thời đang gấp rút chuẩn bị để trình các cấp có thẩm quyền quyết định các giải pháp về thuế và tài chính để giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp và dân cư.

Về kết quả thu chi Ngân sách nhà nước:

*Tổng thu ngân sách nhà nước* 6 tháng đầu năm 2011 ước đạt khoảng 327,8 nghìn tỷ đồng, bằng 55,1% dự toán năm, cao hơn nhiều so với tiến độ thu của năm trước; trong đó: thu nội địa ước khoảng 202,5 nghìn tỷ đồng, bằng 53%

dự toán năm; thu từ dầu thô ước đạt 47 nghìn tỷ đồng, bằng 67,9% dự toán năm; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 75,45 nghìn tỷ đồng, bằng 54,4% dự toán năm.

*Tổng chi ngân sách nhà nước* 6 tháng đầu năm 2011 ước khoảng 355,6 nghìn tỷ đồng, bằng 49% dự toán năm; trong đó: chi đầu tư phát triển ước khoảng 74,46 nghìn tỷ đồng, bằng 51% dự toán năm; chi sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể (bao gồm cả chi cải cách tiền lương) ước khoảng 232,2 nghìn tỷ đồng, bằng 49,5% dự toán.

Thực hiện các biện pháp tiết kiệm và chi tiêu ngân sách, ngoài việc quyết định không kéo dài thời hạn giải ngân của dự toán năm trước, không ứng trước kế hoạch năm sau, so với dự toán NSNN năm 2011, đến nay, các bộ, ngành và địa phương đã cắt giảm 9.413,7 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư phát triển giảm 5.556 tỷ đồng, chi thường xuyên giảm 3.857,7 tỷ đồng.

Nhờ tăng cường công tác thu và kiểm soát chặt chẽ chi tiêu, bội chi NSNN đã giảm xuống đáng kể. Ước thực hiện 6 tháng đầu năm, bội chi ngân sách nhà nước khoảng 27,7 nghìn tỷ đồng, bằng 23,0% mức bội chi ngân sách nhà nước cả năm được Quốc hội thông qua.

#### **b) Đầu tư phát triển**

Nhằm góp phần giảm tổng cầu, kiềm chế lạm phát, căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ, các cấp, các ngành đã thực hiện đồng loạt các giải pháp để cắt giảm vốn đầu tư phát triển của nhà nước như kiên quyết không cho phép kéo dài thời gian giải ngân của dự toán năm trước, không ứng trước vốn đầu tư phát triển của kế hoạch năm 2012. Đối với nguồn vốn nhà nước trong kế hoạch năm 2011, đã tiến hành rà soát tất cả các dự án theo các nguồn vốn: ngân sách nhà nước, trái phiếu chính phủ, tín dụng đầu tư, vốn doanh nghiệp nhà nước và các nguồn vốn khác của nhà nước.

Tổng hợp kết quả rà soát, cắt giảm vốn đầu tư của các bộ, ngành, địa phương và các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, đến nay đã cắt giảm vốn kế hoạch năm 2011 là 80.550 tỷ đồng<sup>1</sup> bằng khoảng 9% tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2011; trong đó: số vốn trái phiếu Chính phủ năm 2011 giảm 15.000 tỷ đồng so với thực hiện năm 2010; giảm khoảng 15.000 tỷ đồng do không ứng vốn đầu tư năm 2012, không kéo dài thời gian giải ngân vốn kế hoạch năm 2010; số vốn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2011 cắt giảm để điều chuyển cho các dự án hoàn thành, các dự án cấp bách cần đẩy

<sup>1</sup> Chưa tính số vốn đầu tư giảm từ NSNN của năm 2011 so với thực hiện năm 2010 do nền kinh tế đang biến động chưa ước tính được số thực hiện năm 2011.



nhanh tiến độ là 8.333 tỷ đồng, trong đó, ngân sách nhà nước giảm 5.556 tỷ đồng (2.048 dự án), trái phiếu Chính phủ giảm 2.777 tỷ đồng (126 dự án); số vốn các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước cắt giảm là 39.212 tỷ đồng (907 dự án); số vốn tín dụng kế hoạch năm 2011 giảm 10% là 3.000 tỷ đồng.

Đồng thời với các biện pháp cắt giảm vốn đầu tư của nhà nước, đã thực hiện các biện pháp để tháo gỡ vướng mắc, hỗ trợ cho các thành phần kinh tế ngoài nhà nước, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa vượt qua khó khăn do lạm phát gây ra.

*Về kết quả huy động vốn đầu tư phát triển ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2011:*

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 6 tháng đầu năm 2011 ước đạt khoảng 420 nghìn tỷ đồng, bằng khoảng 46% kế hoạch cả năm. Nếu trừ trượt giá thì tổng vốn đầu tư toàn xã hội thấp hơn cùng kỳ năm trước. Trong đó:

*Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước* ước đạt xấp xỉ 81 nghìn tỷ đồng, bằng 53,3% kế hoạch năm.

*Vốn tín dụng của Nhà nước (nguồn trong nước)* 6 tháng đầu năm 2011 ước giải ngân được 11,5 nghìn tỷ đồng, bằng 46% kế hoạch năm.

*Vốn ODA* trong 6 tháng đầu năm 2011 giải ngân ước đạt 1.350 triệu USD, bằng 56,25% kế hoạch năm; trong đó: vốn vay ước đạt 1.265 triệu USD, viện trợ không hoàn lại ước đạt 85 triệu USD.

*Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài* thực hiện 6 tháng đầu năm 2011 ước đạt 5,1 tỷ USD, bằng 94% so với cùng kỳ năm 2010; tổng vốn đăng ký mới và tăng thêm ước đạt 8 tỷ USD, bằng 95% so với cùng kỳ năm trước.

### ***c) Tiền tệ, tín dụng***

Chính phủ đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp, chính sách tiền tệ, tín dụng, chặt chẽ và thận trọng; điều hành linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở với khối lượng và lãi suất hợp lý nhằm kiểm soát và ổn định tiền tệ.

Tăng cường quản lý thị trường ngoại tệ và kinh doanh vàng, khắc phục tình trạng đô la hóa, góp phần ổn định giá trị đồng tiền Việt Nam. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc kinh doanh vàng và bước đầu đã đạt kết quả; giá vàng trong nước đã dần đi vào ổn định, không có đột biến giá như trước.

Tiếp tục triển khai, tăng cường công tác thanh tra giám sát hoạt động của các tổ chức tín dụng, nhất là trong các lĩnh vực dịch vụ, như: các hoạt động cho vay đầu tư, kinh doanh chứng khoán, cho vay lĩnh vực bất động sản và các lĩnh vực phi sản xuất khác.

Việc triển khai thực hiện nghiêm túc Kết luận số 02-KL/TW ngày 16/3/2011 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ bước đầu đã đem lại những kết quả tích cực trong việc kiểm soát chặt chẽ tiền tệ, tín dụng, cụ thể:

*Tổng phương tiện thanh toán* tính đến cuối tháng 6 năm 2011 ước tăng khoảng 2,5% so với tháng 12/2010; tín dụng ước tăng khoảng 7,5% so với tháng 12/2010.

*Lãi suất:* Lãi suất vốn huy động VNĐ bình quân đang ở mức 15,5%/năm và tăng khoảng 3%/năm so với cuối năm 2010. Các tổ chức tín dụng cạnh tranh bằng công cụ lãi suất để giữ thị phần huy động vốn thông qua việc thỏa thuận trả thêm chi phí cho người gửi tiền vượt mức lãi suất trần. Lãi suất cho vay VNĐ bình quân 18,6%/năm, tăng 3,2%/năm so với cuối năm 2010; lãi suất cho vay nông nghiệp, nông thôn và xuất khẩu phổ biến khoảng 16-19%; lãi suất cho vay đối với lĩnh vực sản xuất - kinh doanh khác khoảng 18-21%/năm; lãi suất cho vay đối với lĩnh vực phi sản xuất khoảng 20-25%/năm. Chênh lệch giữa lãi suất cho vay và huy động VNĐ bình quân thực tế khoảng 3%/năm.

*Về tỷ giá:* Trong 6 tháng đầu năm, để phù hợp với tình hình thực tế và khuyến khích xuất khẩu, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh tỷ giá tăng 9,3%, giảm biên độ giao dịch xuống 1%, đồng thời, thực hiện đồng bộ các giải pháp quy định trần lãi suất tiền gửi ngoại tệ tối đa với cá nhân ở mức 3%, nâng tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi ngoại tệ thêm 2%, thị trường ngoại hối đã chuyển biến theo chiều hướng tích cực hơn, các ngân hàng đã mua được một khối lượng khá lớn ngoại tệ từ người dân và doanh nghiệp. Tỷ giá ngoại tệ giao dịch trên thị trường đang giảm dần và ổn định ở mức thấp hơn tỷ giá trần cho phép của Ngân hàng Nhà nước. Dự trữ ngoại tệ của Nhà nước tăng gần 3 tỷ USD so với trước.

#### ***d) Xuất, nhập khẩu***

Cùng với việc điều chỉnh tăng tỷ giá ngoại tệ, đã thực hiện nhiều biện pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy xuất khẩu và đã đạt được nhiều kết quả; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng gấp 3 lần so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

*Tổng kim ngạch xuất khẩu* 6 tháng đầu năm 2011 ước đạt 42,3 tỷ USD, tăng 30,3% so với cùng kỳ năm trước; trong đó kim ngạch xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) ước đạt 19,6 tỷ USD, tăng gần 29%.

Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ yếu ước đạt hoặc cao hơn so với kế hoạch chung của ngành, như: dầu thô ước tăng



26,2%; dệt may ước tăng 28,4%; da giày ước tăng 31%; linh kiện điện tử ước tăng 6,3%; thủy sản ước tăng 28%; gạo ước tăng 13,4%; cà phê ước tăng 102,8%; cao su ước 90,6%;...

Xu hướng tăng giá của nhiều mặt hàng xuất khẩu cũng góp phần vào sự tăng trưởng xuất khẩu của 6 tháng đầu năm<sup>2</sup>. Riêng yếu tố tăng giá làm kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 2,7 tỷ USD.

Trong 6 tháng đầu năm, ước xuất khẩu vào thị trường Mỹ tăng 21,3% và chiếm tỷ trọng 18,1%; xuất khẩu vào EU tăng khoảng 49,1% và chiếm tỷ trọng 17,4%; xuất khẩu vào ASEAN tăng 16,2% và chiếm tỷ trọng 14,5%; xuất khẩu vào Nhật Bản tăng 32,4% và chiếm tỷ trọng hơn 10,9%; xuất khẩu vào Trung Quốc tăng hơn 56,6% và chiếm tỷ trọng gần 11%.

*Tổng kim ngạch nhập khẩu* 6 tháng đầu năm 2011 ước khoảng 49 tỷ USD, tăng 25,8% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: nhập khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xấp xỉ 21,4 tỷ USD, tăng 29,4%.

Trong 6 tháng đầu năm, kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng chủ yếu so với cùng kỳ năm 2010 như sau: xăng dầu ước tăng 67,7% (tăng khoảng 16,5% về lượng); thép các loại ước tăng 7,04% (giảm khoảng 15,5% về lượng); máy móc thiết bị ước tăng 10,9%;...

Cũng như xuất khẩu, xu hướng tăng giá của nhiều mặt hàng trên thị trường so với cùng kỳ là một trong những nguyên nhân khiến kim ngạch nhập khẩu tăng cao<sup>3</sup>. Trong 6 tháng đầu năm, các thị trường nhập khẩu chủ yếu vẫn là: Trung Quốc (ước tăng 20,5%; chiếm tỷ trọng khoảng 22,4%); ASEAN (ước tăng 36,1%; tỷ trọng khoảng 21,1%); Hàn Quốc (ước tăng 41%; tỷ trọng khoảng 12,1%); Nhật Bản (ước tăng 10,8%; tỷ trọng 9,2%) và EU (ước tăng 17,4%, chiếm tỷ trọng 7,1%).

*Nhập siêu* 6 tháng đầu năm 2011 ước khoảng 6,7 tỷ USD, bằng 15,8% kim ngạch xuất khẩu.

#### ***đ) Giá cả, lạm phát***

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2011 so với tháng 12/2010 ước tăng khoảng 13%; trong đó: mức tăng chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2011 tăng khoảng 1% so với tháng trước và giảm đáng kể so với các tháng đầu năm<sup>4</sup>. Tính

<sup>2</sup> Ước giá hạt điều tăng 37,1%, hạt tiêu tăng 63,4%, than đá tăng 30%, dầu thô tăng 41,5%, cao su tăng 60,7%, cà phê tăng 53,7%...

<sup>3</sup> So với cùng kỳ năm trước, giá xăng dầu các loại ước tăng 40%; khí đốt hóa lỏng ước tăng 21,7%; chất dẻo nguyên liệu ước tăng 18,6%; sợi các loại ước tăng 38,2%; phôi thép ước tăng 32,6%;...

<sup>4</sup> CPI tháng 01/2011-6/2011: 1,74%; 2,09%; 2,17%; 3,32%; 2,21% và khoảng 1%.

bình quân, chỉ số giá 6 tháng đầu năm 2011 ước tăng khoảng 16% so với cùng kỳ năm 2010.

Nguyên nhân chủ yếu khiến chỉ số giá tiêu dùng trong thời gian qua tăng là do: (1) Giá hàng hóa trên thị trường thế giới, đặc biệt là giá xăng dầu, lương thực, thực phẩm tăng mạnh cùng với nguy cơ lạm phát diễn ra ở nhiều nền kinh tế trên thế giới đã gây áp lực tăng giá thị trường hàng hóa trong nước; (2) Việc điều chỉnh tăng một số mặt hàng thiết yếu, như: giá xăng, điện, ga, than bán cho điện,... và điều chỉnh tăng tỷ giá USD/VND, tăng lãi suất liên ngân hàng đã làm tăng chi phí đầu vào sản xuất, làm tăng giá hàng hóa tiêu dùng; (3) Việc tăng giá ở nhiều mặt hàng thiết yếu cũng đã tác động đến tâm lý người tiêu dùng, gây phản ứng tăng giá dây chuyền lên nhiều mặt hàng khác và hình thành mặt bằng giá mới cao hơn trước; (4) Cùng với những khó khăn, thiệt hại trong sản xuất nông nghiệp do đợt rét đậm, rét hại kéo dài ở miền Bắc, hạn hán ở một số tỉnh miền Trung và Tây Nguyên trong những tháng đầu năm, cùng với những khó khăn về lương thực ở một số nước trong khu vực cũng đã làm cho giá lương thực, thực phẩm trong nước tăng lên cao.

Tuy nhiên, nhờ sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, việc thực hiện nghiêm túc Kết luận số 02-KL/TW và Nghị quyết số 11/NQ-CP của các bộ ngành Trung ương và địa phương như: kiểm soát chặt chẽ tốc độ tăng trưởng tiền tệ, hỗ trợ bình ổn giá, tăng cường kiểm soát thị trường giá cả,... nên tốc độ tăng giá đã giảm dần. Chỉ số giá tháng 6 đã xuống mức thấp nhất kể từ đầu năm đến nay.

## **2. Về tăng trưởng kinh tế và phát triển các ngành, lĩnh vực**

### ***a) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP)***

Do tập trung mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô nên tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2011 đạt thấp hơn so với kế hoạch đề ra. Tốc độ tăng GDP 6 tháng đầu năm 2011 ước đạt 5,57%, thấp hơn tốc độ tăng 6 tháng đầu năm 2010 (6,16%); trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,08%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,49%; dịch vụ tăng 6,12%.

### ***b) Sản xuất công nghiệp***

Giá trị sản xuất công nghiệp (GTSXCN) 6 tháng đầu năm 2011 ước đạt 419 nghìn tỷ đồng, tăng 14,3%<sup>5</sup> so với cùng kỳ năm 2010; trong đó: khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng 17,1%, chiếm tỷ trọng 36,3%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 17,0%, chiếm tỷ trọng 43%.

<sup>5</sup> Công nghiệp khai thác tăng 0,8%; công nghiệp chế biến tăng 15,2%; công nghiệp điện, ga và nước tăng 10,3%.

Trong 6 tháng đầu năm, một số sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn trong GTSXCN có mức tăng trưởng so với cùng kỳ, như: xi măng ước tăng 14%; thép cán các loại ước tăng 27%; xăng dầu các loại ước tăng 36,7%; vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo ước tăng 15%; quần áo người lớn ước tăng 17,9%;...

Nhìn chung, sản xuất công nghiệp tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng khá nhanh và cao hơn chỉ tiêu kế hoạch năm 2011. Tuy nhiên, do chi phí đầu vào trong những tháng gần đây tăng cao nên đã làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm của toàn ngành ngày càng thấp so với tốc độ tăng giá trị sản xuất.

### ***c) Sản xuất nông nghiệp***

Sản xuất nông nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2011 có gặp một số khó khăn như rét đậm rét hại kéo dài ở miền Bắc; khô hạn ở miền Trung và Tây Nguyên; xâm nhập mặn ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long;...nhưng nhìn chung thời tiết, khí hậu và thị trường, giá xuất khẩu năm nay thuận lợi cả đối với sản xuất nông, lâm nghiệp và khai thác nuôi trồng thủy sản. Vì vậy, sản xuất nông nghiệp trong 6 tháng đầu năm tiếp tục phát triển ổn định. Ước giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,74% so với cùng kỳ năm 2010; tổng sản lượng lương thực ước đạt 22,3 triệu tấn, trong đó, sản lượng lúa ước đạt 19,1 triệu tấn; sản lượng thủy sản ước đạt 2,5 triệu tấn, diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 946 nghìn ha.

*Lúa đông xuân:* Diện tích gieo cấy lúa đông xuân ở các tỉnh phía Bắc ước đạt 1.149,8 nghìn ha, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm 2010. Đến ngày 15/5/2011, các tỉnh phía Nam đã thu hoạch được 1.973,3 nghìn ha lúa đông xuân, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước.

*Lúa hè thu:* Tính đến ngày 15/5/2011, các tỉnh phía Nam đã gieo cấy 1.251,7 nghìn ha lúa hè thu, bằng xấp xỉ cùng kỳ năm trước, trong đó, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.150,8 nghìn ha, tăng 3%.

*Chăn nuôi:* Tiếp tục phục hồi về số đầu con gia súc, gia cầm; dịch bệnh cơ bản đã được khống chế. Ngoài ra, giá cả các loại thịt gia súc, gia cầm trên thị trường tăng cũng khuyến khích người nuôi đầu tư tái đàn.

*Về lâm nghiệp:* Thời tiết trong những tháng gần đây khá thuận lợi, nhiều địa phương Bắc bộ và Trung bộ có mưa, nên các địa phương đã tập trung trồng rừng vụ xuân và chăm sóc diện tích rừng mới trồng và khoanh nuôi, tái sinh



rừng<sup>6</sup>. Tuy một số tỉnh Tây Nguyên và Nam bộ vẫn còn đang khô hạn và nắng nóng, nguy cơ cháy rừng cao nhưng nhìn chung thiệt hại về cháy rừng và chặt phá rừng trên cả nước cũng đã giảm so với cùng kỳ<sup>7</sup>.

#### ***d) Khu vực dịch vụ***

*Hoạt động thương mại:* Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 6 tháng đầu năm 2011 ước đạt 914 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 22,6% so với cùng kỳ năm 2010.

*Hoạt động du lịch* trong 6 tháng đầu năm 2011 diễn ra sôi động do thời gian này nằm trong mùa lễ hội chung của cả nước, như: dịp Tết Nguyên đán kéo dài cùng với nhiều lễ hội đón Tết và vui Xuân; kỳ nghỉ lễ 30-4 và 1-5;... Việt Nam được lọt vào top 13 điểm đến của tour du lịch châu Á tốt nhất trong năm 2011 và top 50 điểm đến của tour du lịch tốt nhất thế giới<sup>8</sup> và Sapa được bình chọn là 10 điểm đến tuyệt vời trên thế giới cho du lịch đi bộ cũng đã góp phần thu hút được một số lượng lớn khách du lịch trong và ngoài nước.

Lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2011 ước đạt khoảng 3 triệu lượt khách, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước. Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam chủ yếu từ một số thị trường như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Pháp, Campuchia,...

*Hoạt động vận tải hàng hoá và hành khách:* Trong 6 tháng đầu năm 2011, khối lượng vận chuyển hàng hoá ước tăng khoảng 11,1% so với cùng kỳ năm 2010; khối lượng luân chuyển hàng hóa ước tăng 5,4%. Khối lượng vận chuyển hành khách ước tăng 12,8%; khối lượng luân chuyển hành khách ước tăng 11,6%.

*Bưu chính, viễn thông:* Tổng số thuê bao điện thoại cả nước tính đến hết tháng 5/2011 ước đạt 128,1 triệu thuê bao, bằng 88,0% so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 15,5 triệu thuê bao cố định, bằng 94,8%. Số thuê bao internet băng rộng trên cả nước tính đến hết tháng 5/2011 ước đạt xấp xỉ 3,9 triệu thuê bao, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước. Do thực hiện chính sách thắt chặt quản lý thuê bao trả trước nên những thuê bao điện thoại đăng ký sai thông tin, thuê bao không còn hoạt động và sim điện thoại rác sẽ bị ngừng hoạt động, làm giảm

<sup>6</sup> Tính chung 5 tháng đầu năm 2011, trồng rừng mới tập trung ước đạt 45,1 nghìn ha, bằng xấp xỉ 92% so với cùng kỳ năm trước.

<sup>7</sup> Tính chung 5 tháng đầu năm 2011, diện tích rừng thiệt hại 354,9 ha, giảm 89,6% so cùng kỳ năm 2010; trong đó: cháy rừng 200,4 ha, giảm 93,5%; phá rừng 154,5 ha, giảm 52,9%.

<sup>8</sup> Bình chọn của Tạp chí du lịch danh tiếng của Hiệp hội Địa lý quốc gia Mỹ - National Geographic.

tổng số điện thoại trên toàn mạng<sup>9</sup>.

### ***đ) Về phát triển doanh nghiệp***

Trong 6 tháng đầu năm 2011 ước khoảng 39 nghìn doanh nghiệp đăng ký kinh doanh với số vốn đăng ký đạt khoảng 232 nghìn tỷ đồng, so với cùng kỳ năm 2010 tăng 4% về số doanh nghiệp đăng ký mới nhưng giảm 5,4% về số vốn đăng ký.

Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh việc tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước; thực hiện cổ phần hóa các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty nhà nước; dự thảo và chuẩn bị ban hành Nghị định về thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;... Các doanh nghiệp nhà nước đang thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, cắt giảm đầu tư, tập trung vào ngành nghề sản xuất kinh doanh chính, đổi mới quản trị doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo đảm giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ ở mức hợp lý.

## **3. Về giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ, an sinh xã hội, y tế, văn hóa và các lĩnh vực xã hội khác**

### ***a) Giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ***

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt các đề án để nhân lực trở thành nền tảng cho phát triển bền vững và lợi thế cạnh tranh quốc gia: Đề án quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020, Đề án nâng cao tầm vóc và thể lực người Việt Nam, quy hoạch phát triển văn hoá Việt Nam 2011-2020, Đề án bảo tồn và phát huy văn hoá các dân tộc thiểu số 2011-2020.

Ngành giáo dục và đào tạo đã tập trung triển khai chương trình phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi, kiên cố hoá trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên, xây dựng ký túc xá cho sinh viên, thực hiện nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, như: phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, đổi mới phương pháp giảng dạy, phong trào thi đua xây dựng trường học thân thiện - học sinh tích cực... Triển khai quyết liệt dạy nghề cho lao động nông thôn. Đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu xã hội, hỗ trợ và khuyến khích các nhóm nghiên cứu trẻ tiềm năng trong các trường đại học nhằm đẩy mạnh hoạt động ươm tạo công nghệ, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Công tác quy hoạch, nâng cao chất lượng nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ được triển khai tích cực. Huy động mọi nguồn lực và

<sup>9</sup> Tính đến hết tháng 5/2011, ước giảm 379 nghìn máy điện thoại, giảm 131% so với cùng kỳ năm trước.

tiến hành xã hội hóa nguồn lực vào các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ, nhiều tổ chức đã hoạt động hiệu quả theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm hoặc cơ chế doanh nghiệp. Công tác hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ được chú trọng và thực hiện dưới nhiều hình thức. Thị trường công nghệ ngày càng phát triển thông qua việc tổ chức và duy trì thường xuyên các hội chợ công nghệ và thiết bị ở cả Trung ương và địa phương<sup>10</sup>. Hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ tiếp tục được đẩy mạnh dưới nhiều hình thức. Tích cực triển khai thực hiện Chiến lược Ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình và các biện pháp bảo đảm an ninh trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

***b) Về lao động, việc làm, bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo***

Trong 6 tháng đầu năm 2011 ước tạo việc làm khoảng 755 nghìn người, bằng xấp xỉ so với cùng kỳ năm 2010, trong đó xuất khẩu lao động khoảng 43 nghìn người. Công tác tạo và giải quyết việc làm đã có nhiều chuyển biến tích cực. Thị trường lao động ngày càng phát triển. Đã xuất hiện nhiều mô hình<sup>11</sup> tạo việc làm mới có hiệu quả từ nguồn vốn vay của Quỹ Quốc gia về việc làm, lồng ghép với chương trình tổ nhóm giúp nhau làm kinh tế của thanh niên, phụ nữ, nông dân;... Các bộ, ngành và địa phương đã chủ động lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội để phát triển, tạo thêm việc làm mới; đẩy mạnh hoạt động dự báo và thông tin thị trường lao động trong và ngoài nước; kết nối cung - cầu lao động thông qua nhiều hình thức như tổ chức sàn giao dịch việc làm<sup>12</sup> nhằm tạo việc làm cho người dân, đặc biệt là cho các nhóm đối tượng yếu thế như lao động là người tàn tật, lao động là người dân tộc, lao động vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp,...

Các Bộ, ngành Trung ương và địa phương tiếp tục thực hiện tốt các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo; bảo đảm thực hiện đầy đủ các chính sách, như: hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho vay hộ nghèo, cho vay xuất khẩu lao

<sup>10</sup> Đã tổ chức thành công chợ công nghệ và thiết bị tại Quảng Ngãi; các sàn giao dịch công nghệ tại Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh; chợ công nghệ và thiết bị áo;...

<sup>11</sup> Như: mô hình kinh tế trang trại; mô hình cho người khiếm thị vay vốn mở cơ sở vật lý trị liệu tại Thanh Hóa, làm các sản phẩm từ mây tre tại Đà Nẵng;...

<sup>12</sup> Cả nước có 41 Trung tâm giới thiệu việc làm đã tổ chức sàn giao dịch việc làm, bình quân mỗi phiên giao dịch thu hút từ 30-100 doanh nghiệp, có 1.300-1.500 người lao động tham gia. Số lao động bình quân được tuyển dụng thông qua sàn giao dịch từ 400-500 người, trong đó số được tuyển trực tiếp qua sàn chiếm 70%, số được hẹn phỏng vấn tại doanh nghiệp sau phiên giao dịch chiếm 30%. Số lao động được tư vấn về việc làm, học nghề, pháp luật lao động tại sàn từ 600-700 người; số lao động đăng ký học nghề tại sàn từ 400-500 người.



động, cho vay và hỗ trợ làm nhà ở<sup>13</sup>,... cấp thẻ bảo hiểm y tế; miễn, giảm học phí cho con em hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số; hướng dẫn, hỗ trợ người nghèo, người dân tộc phát triển sản xuất; đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, các huyện nghèo thuộc Chương trình 30a;... Tiến hành rà soát và hoàn thành tổng điều tra hộ nghèo trên toàn quốc làm cơ sở để thực hiện chính sách an sinh xã hội cũng như các chính sách phát triển kinh tế xã hội khác<sup>14</sup>; tích cực triển khai chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; tăng cường phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, góp phần nhanh chóng khôi phục sản xuất và bảo đảm đời sống cho nhân dân<sup>15</sup>...

Triển khai cơ chế hỗ trợ giá điện cho các hộ nghèo trên toàn quốc bảo đảm kịp thời, đúng đối tượng và đúng quy định. Đã thực hiện điều chỉnh tiền lương, bảo hiểm xã hội theo kế hoạch đối với cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang, người về hưu và các đối tượng chính sách; điều chỉnh tăng lương tối thiểu vùng đối với các doanh nghiệp và dự kiến sẽ tiếp tục điều chỉnh trong năm 2011. Thực hiện trợ cấp cho những đối tượng hưởng lương và lương hưu từ NSNN có mức lương thấp, người hưởng trợ cấp ưu đãi, người có công và hộ nghèo đời sống khó khăn; nâng mức tiền ăn cho chiến sĩ lực lượng vũ trang, nâng mức cho sinh viên vay để học tập.

### ***c) Về chăm sóc sức khỏe nhân dân***

Ngành y tế đã phối hợp chặt chẽ với các ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh công tác y tế dự phòng kiểm soát an toàn thực phẩm; tích cực triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh; giám sát, theo dõi và khống chế, xử lý kịp thời không để dịch bệnh bùng phát, lây lan; tăng cường giám sát tại các cửa khẩu nhằm sớm phát hiện các trường hợp xâm nhập, giảm thiểu việc lây truyền dịch bệnh...

Mạng lưới khám chữa bệnh từ trung ương đến địa phương được tập trung đầu tư; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được nâng cấp; chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh được cải thiện đáng kể; quan tâm và triển khai thực hiện các chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, đồng bào dân

<sup>13</sup> Tính đến 30/6/2011, tổng số vốn vay của chương trình tín dụng chính sách đối với hộ nghèo, học sinh, sinh viên và các đối tượng khác ước đạt trên 100 nghìn tỷ đồng, tăng 8.500 tỷ đồng so với cuối năm 2010; dư nợ cho vay học sinh, sinh viên tăng 4.500 tỷ đồng.

<sup>14</sup> Theo báo cáo của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, tỷ lệ hộ nghèo cả nước là 14,42% với tổng số hộ là trên 3 triệu hộ; Tỷ lệ hộ cận nghèo là 7,69% với tổng số hộ là trên 1,6 triệu hộ.

<sup>15</sup> Trong 6 tháng đầu năm đã xuất dự trữ quốc gia cứu trợ gần 55 ngàn tấn gạo và các vật tư, thiết bị thiết yếu với tổng giá trị gần 500 tỷ đồng.

tộc thiểu số, các đối tượng hưởng chính sách xã hội, người có công. Tình trạng quá tải ở các bệnh viện tuyến trên từng bước được khắc phục, việc luân phiên cán bộ, chuyển giao công nghệ cho tuyến dưới đã đạt những kết quả tích cực.

Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em cũng được các bộ, ngành, địa phương hết sức quan tâm. Nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em nói chung, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới hải đảo nói riêng được nâng lên rõ rệt, bảo đảm cho mọi trẻ em có môi trường sống an toàn, lành mạnh để phát triển.

*Tình hình dịch bệnh:* Lũy kế 5 tháng đầu năm 2011, trên địa bàn cả nước có 13.681 người mắc bệnh sốt xuất huyết, giảm 6,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó 08 người tử vong; 473 bệnh nhân mắc mới bệnh cúm A (H1N1), trong đó có 13 trường hợp tử vong; 131 người mắc bệnh thương hàn, giảm 20,1%; 2.416 người mắc bệnh viêm gan virút, tăng 29,6%, trong đó có 01 trường hợp tử vong. Tính đến 16/5/2011, cả nước có trên 237,8 nghìn người nhiễm HIV/AIDS, trong đó hơn 95,6 nghìn người đã chuyển sang giai đoạn AIDS và trên 50,1 nghìn người đã tử vong do AIDS.

*Về vệ sinh an toàn thực phẩm:* Hệ thống tổ chức quản lý an toàn thực phẩm trên cả nước được hoàn thiện, công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường, tại các đô thị lớn đã triển khai các cơ sở giết mổ tập trung, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2011, cả nước xảy ra 32 vụ ngộ độc thực phẩm, làm 1.576 người mắc, 1.482 người phải nhập viện và tử vong 6 người (so với cùng kỳ năm 2010, số vụ ngộ độc thực phẩm giảm 18 vụ, 50 người mắc, tử vong giảm 19 người).

#### ***d) Về văn hóa, thông tin, thể dục thể thao***

Các hoạt động văn hóa, tuyên truyền các sự kiện chính trị xã hội tiếp tục được tổ chức trên toàn quốc, đặc biệt là việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI; tình hình triển khai thực hiện Kết luận số 02-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 59/2011/QH12 của Quốc hội và Nghị quyết 11/NQ-CP của Chính phủ; đưa tin về cuộc bầu cử Quốc hội khóa XIII và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016; về triển khai thi đua “học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; về các hoạt động ngoại giao; đưa tin về tình hình chính trị, kinh tế thế giới;...

Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện và chủ trì các buổi giao ban với các cơ quan báo, đài hàng tuần, hàng tháng, thông tin về các chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; quán triệt các nội dung thông tin, không đưa những thông tin bất lợi, sai lệch, không đúng sự thật, có tính kích động, gây

tâm lý bất an trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội. Triển khai có hiệu quả các biện pháp đấu tranh, chống lại các thông tin không đúng sự thật, đồng thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong lĩnh vực thông tin truyền thông.

Ngành Văn hóa phối hợp với các ngành, địa phương tiếp tục chỉ đạo công tác tổ chức kiểm tra, giám sát việc tổ chức các hoạt động văn hóa, các lễ hội ở các địa phương; bảo vệ, tu bổ và xử lý các hành vi vi phạm và xâm phạm các di tích, di sản văn hóa. Triển khai tổng kết và đánh giá 10 năm thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư;...

Các hoạt động thể dục thể thao đã được triển khai tích cực và thường xuyên, nhận được sự hưởng ứng và tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân. Nhiều hoạt động thi đấu thể thao quần chúng được triển khai, như: hoạt động thi đấu thể dục thể thao hưởng ứng Năm Thanh niên; Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc lần thứ VII khu vực I tại Điện Biên; các hoạt động thể thao thành tích cao, như: tổ chức giải vòng I Vô địch Bóng rổ tại Khánh Hòa, cúp Kick-boxing tại Đắk Lắk; tham dự giải Pencak Silat vô địch châu Á tại Thái Lan; tổ chức giải bóng đá vô địch quốc gia, giải hạng Nhất quốc gia;...

Tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao chào mừng các ngày lễ lớn, các sự kiện trọng đại của đất nước; tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; tiến hành các hoạt động tập huấn các đội tuyển trẻ quốc gia, đội tuyển quốc gia chuẩn bị tham dự SeaGame 26 tại Indonesia, tham dự vòng loại Olympic London 2012, ASIAD 17 tại Incheon, Hàn Quốc; tổ chức giải siêu cúp quốc gia 2011;...

#### ***đ) Về trật tự an toàn giao thông***

Trong bốn tháng đầu năm 2011, trên địa bàn cả nước đã xảy ra 4.581 vụ tai nạn giao thông, giảm 0,65% so với cùng kỳ năm 2010; trong đó: làm chết 3.858 người, tăng 1,26% và làm bị thương 3.529 người, tăng 4,1%. Bình quân một ngày trong bốn tháng đầu năm 2011, cả nước xảy ra 38,2 vụ tai nạn giao thông, làm chết 32,2 người và làm bị thương 29,4 người.

***Từ sự phân tích tình hình nêu trên, đánh giá tổng quát về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2011 và kết quả bước đầu thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ như sau:***

*Những kết quả chủ yếu đạt được:*

- Thị trường ngoại tệ và kinh doanh vàng đã ổn định; tỷ giá đã được kiểm soát trong biên độ cho phép; dự trữ ngoại tệ của nhà nước tăng gần 3 tỷ USD so với mức thấp nhất trong những tháng đầu năm; tăng trưởng tín dụng được kiểm



soát; thanh khoản của hệ thống ngân hàng đang dần được cải thiện.

- Thu ngân sách đạt khá; bội chi giảm; thực hiện nghiêm túc tiết kiệm chi để dành cho các mục tiêu an sinh xã hội; việc cắt giảm và điều chuyển, dẫn tiền độ đầu tư công được thực hiện nghiêm, theo đúng tinh thần Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ.

- Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng đã chậm lại trong thời gian gần đây và tiếp tục có chiều hướng giảm dần.

- Nền kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng; sản xuất công nghiệp tiếp tục đà tăng trưởng cao hơn chỉ tiêu kế hoạch đề ra; sản xuất nông nghiệp tuy chịu ảnh hưởng khắc nghiệt của thiên tai, dịch bệnh nhưng vẫn phát triển ổn định; kim ngạch xuất khẩu tiếp tục tăng cao gấp hơn 3 lần chỉ tiêu kế hoạch.

- An sinh xã hội được quan tâm và có những chuyển biến tích cực; công tác cải cách hành chính, đấu tranh phòng, chống tham nhũng tiếp tục được đẩy mạnh. Quốc phòng được tăng cường; an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Công tác đối ngoại đạt kết quả tốt.

Những kết quả tích cực trên khẳng định các giải pháp chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội đề ra trong Kết luận số 02-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 59/2011/QH12 của Quốc hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ là đúng hướng và phù hợp với tình hình thực tế của đất nước, đồng thời đã củng cố thêm niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ trước những khó khăn, thách thức hiện nay.

Đạt được những kết quả trên đây là nhờ sự đồng tâm, nhất trí của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự chỉ đạo, điều hành tập trung quyết liệt của Chính phủ, sự triển khai khẩn trương, nghiêm túc Kết luận của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ, sự giám sát có hiệu quả của Quốc hội và Đại biểu Quốc hội, sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên của Mặt trận, sự nỗ lực của tất cả các ngành, các cấp, các doanh nghiệp và toàn dân.

*Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, tình hình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm vẫn còn một số tồn tại, hạn chế chủ yếu như sau:*

- Lạm phát tuy có giảm nhưng vẫn ở mức cao, nhất là trong bối cảnh tiếp tục chịu ảnh hưởng tiêu cực của giá nhiên liệu, lương thực tăng và lạm phát cao ở nhiều nước trên thế giới; nhập siêu còn cao.

- Sản xuất, kinh doanh còn khó khăn, tốc độ tăng trưởng đạt thấp, ảnh hưởng đến việc làm và giảm thu nhập; mặt bằng lãi suất tuy đã có dấu hiệu giảm

nhưng còn cao ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh; thu hút đầu tư nước ngoài giảm.

- Thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản trầm lắng và đang gặp nhiều khó khăn.

- Số vụ tai nạn giao thông tuy giảm nhưng tình trạng tai nạn giao thông còn khá nghiêm trọng; vệ sinh an toàn thực phẩm vẫn đang là vấn đề bức xúc, số vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra còn nhiều.

- Đời sống của người nghèo, người thu nhập thấp gặp nhiều khó khăn...

Những hạn chế, yếu kém nêu trên, nhất là tình trạng lạm phát cao, nhập siêu còn lớn một mặt do những tác động của những bất ổn về kinh tế, chính trị, sức ép tăng giá, lạm phát và nợ công cao ở nhiều nước trên thế giới và ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh; mặt khác do cơ cấu của nền kinh tế còn chưa hợp lý và chậm được điều chỉnh, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu, ý thức chấp hành pháp luật và trách nhiệm với cộng đồng của một bộ phận người dân chưa cao, yếu tố tâm lý còn tác động mạnh đến tình hình giá cả, thị trường.

Tình hình trên đòi hỏi các cấp, các ngành phải tiếp tục thực hiện nghiêm túc và đồng bộ các chủ trương, chính sách của Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội, các biện pháp chỉ đạo, điều hành của Chính phủ để thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội trong thời gian tới.

## **II. DỰ BÁO KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2011 VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM.**

### **1. Dự báo khả năng thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011.**

Kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi nhờ sự tăng trưởng của các nền kinh tế mới nổi và những dấu hiệu tích cực từ sự phục hồi của các nền kinh tế phát triển, đặc biệt là liên minh châu Âu (EU)<sup>16</sup>. Điều này có thể tạo thêm nhiều cơ hội cho kinh tế Việt Nam, nhất là hoạt động xuất khẩu đến các thị trường lớn và truyền thống. Sự tăng giá trở lại của đồng USD cùng với xu hướng tăng giá ổn định của đồng Nhân dân tệ và xu hướng hạ nhiệt của một số mặt hàng trên thế giới đang là những dấu hiệu tích cực cho hoạt động xuất khẩu của Việt Nam cũng như nỗ lực kiềm chế lạm phát trong nước.

Tuy nhiên, những diễn biến gần đây cho thấy đà tăng trưởng của nền

<sup>16</sup> GDP trong quý I/2011 của khu vực Eurozone tăng 0,8% so với quý IV/2010 và 2,5% so với cùng kỳ năm trước. Kinh tế Pháp, Đức là đầu tàu tăng trưởng của khu vực này với tốc độ tăng lần lượt là 1% (so với cùng kỳ năm trước) ở Pháp và 1,5% (so với quý IV/2010) ở Đức.

kinh tế thế giới có dấu hiệu chững lại<sup>17</sup>; tỷ lệ thất nghiệp tại một số nền kinh tế lớn vẫn đang ở mức cao và chưa có chiều hướng giảm<sup>18</sup>; những dấu hiệu bất ổn từ nền kinh tế toàn cầu do ảnh hưởng của khủng hoảng chính trị kéo dài ở các nước Bắc Phi và Trung Đông; hậu quả nặng nề của khủng hoảng kép động đất - sóng thần tại Nhật Bản. Bên cạnh đó, khủng hoảng nợ công và sự cắt giảm chi tiêu ngân sách tại EU cùng với thâm hụt ngân sách và nợ công gia tăng tại Mỹ<sup>19</sup> và Nhật<sup>20</sup> Bản, cũng sẽ có những ảnh hưởng đến nền kinh tế nước ta, đặc biệt là hoạt động xuất khẩu.

Về tình hình kinh tế trong nước, khu vực công nghiệp tiếp tục đạt tăng trưởng nhanh, cao hơn chỉ tiêu Quốc hội thông qua. Trong thời gian tới, với sự ổn định dần kinh tế vĩ mô, lạm phát được kiểm chế, lãi suất giảm, đồng thời từng bước tháo gỡ khó khăn, ưu tiên nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư chiều sâu, nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, mở rộng thị trường, ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến có triển vọng sẽ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao. Dự báo tốc độ tăng trưởng GTSX công nghiệp cả năm 2011 ước đạt khoảng 14,3-14,8%, cao hơn mức bình quân 6 tháng đầu năm 2011 (ước đạt 14,2%).

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trong 6 tháng cuối năm tiếp tục có nhiều thuận lợi cả về thị trường trong nước và xuất khẩu, giá xuất khẩu nông sản đang có chiều hướng tăng và khá ổn định. Dự báo tốc độ tăng trưởng GTSX ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản cả năm 2011 ước đạt khoảng 3,6%, cao hơn mức bình quân 6 tháng đầu năm 2011 (ước đạt 3,4%).

Khu vực dịch vụ, du lịch, hoạt động xuất khẩu, với đà phục hồi và phát triển mạnh mẽ trong thời gian qua, cùng với những điều kiện thuận lợi cả ở thị trường trong nước và thế giới, đặc biệt là những dấu hiệu tích cực từ sự phục hồi của các thị trường lớn, truyền thống như: EU, Nhật Bản... sẽ có nhiều triển vọng tiếp tục phát triển nhanh trong thời gian tới.

Với xu hướng phát triển các ngành, lĩnh vực như trên, dự báo tốc độ tăng trưởng GDP 6 tháng cuối năm có thể đạt cao hơn 6 tháng đầu năm 2011, ước cả năm 2011 có thể tăng khoảng 6%. Đây là mức tăng trưởng hợp lý để vừa bảo

<sup>17</sup> GDP của nền kinh tế lớn nhất thế giới (Mỹ) chỉ tăng 1,8% trong quý I/2011, thấp hơn nhiều so với mức 3,1% trong quý IV/2010; GDP của Nhật Bản giảm 0,9% trong quý I/2011 so với quý trước đó.

<sup>18</sup> Tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ từ mức 8,8% vào tháng 3/2011 đã tăng lên 9,1% vào tháng 5/2011.

<sup>19</sup> Nợ công tại Mỹ đã đạt mức kịch trần 14.294 tỷ USD mà Quốc hội Mỹ cho phép vào ngày 16/5/2011, tương đương với GDP của nước này trong năm 2010 và hiện là khoản nợ công lớn nhất thế giới.

<sup>20</sup> Nợ công hiện nay tại Nhật Bản là 11.000 tỷ USD và dự báo sẽ tăng lên 12.000 tỷ USD sau khi hậu quả động đất và sóng thần cơ bản được khắc phục.



đảm duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, vừa tập trung ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.

Bên cạnh những mặt thuận lợi nêu trên, nền kinh tế cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, cụ thể là:

- Việc thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, tăng lãi suất liên ngân hàng nhằm kiềm chế lạm phát cũng gây khó khăn nhất định cho các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc vay vốn tín dụng để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Nhập siêu ở mức khá cao, trong khi tỷ giá và giá cả hàng hóa nhập khẩu diễn biến phức tạp có thể ảnh hưởng đến khả năng cải thiện cán cân thanh toán.

- Nguy cơ lạm phát và việc thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt tại nhiều nước trên thế giới cùng với việc tăng giá dây chuyền và tăng giá do tâm lý sau khi có sự điều chỉnh tăng giá một số mặt hàng thiết yếu trong nước tiếp tục làm tăng chi phí đầu vào sản xuất và tăng giá cả hàng hóa tiêu dùng trong nước, thiết lập mặt bằng giá mới cao hơn trước, gây khó khăn trong việc kiềm chế lạm phát, bình ổn giá cả thị trường cũng như phát triển sản xuất kinh doanh.

Do vậy, để đạt được những mục tiêu đã đề ra, cần tiếp tục thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, có hiệu quả Kết luận số 02-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 59/2011/QH12 của Quốc hội, các Nghị quyết số 02/NQ-CP và số 11/NQ-CP của Chính phủ nhằm bình ổn giá cả thị trường, kiềm chế lạm phát, thắt chặt tiền tệ, tiết kiệm chi tiêu ngân sách, bảo đảm an sinh xã hội; ưu tiên nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư chiều sâu nhằm nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa, đồng thời, tìm kiếm, mở rộng thị trường, thúc đẩy xuất khẩu và kiềm chế nhập siêu góp phần cải thiện cán cân thanh toán quốc tế, duy trì tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý.

Trên cơ sở đánh giá tình hình 6 tháng đầu năm và phân tích các yếu tố trong và ngoài nước tác động đến sự phát triển của nền kinh tế, dự báo nền kinh tế nước ta tiếp tục phát triển; khu vực công nghiệp tiếp tục đạt tăng trưởng nhanh; sản xuất nông, lâm nghiệp sẽ tiếp tục phát triển ổn định; khu vực dịch vụ, du lịch, hoạt động xuất khẩu, với đà phục hồi và phát triển mạnh mẽ trong thời gian qua, cùng với những điều kiện thuận lợi cả ở thị trường trong nước và thế giới, đặc biệt là những dấu hiệu tích cực từ sự phục hồi của các thị trường lớn, truyền thống sẽ có nhiều triển vọng tiếp tục phát triển nhanh trong thời gian tới.

Dưới đây là dự báo khả năng hoàn thành kế hoạch trên các chỉ tiêu chủ yếu:

STT	Chi tiêu	Đơn vị	Chi tiêu Quốc hội	Ước TH năm 2011
1.	Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	7-7,5	Khoảng 6
2.	Tổng kim ngạch xuất khẩu	%	10	17,7
3.	Tỷ lệ nhập siêu (so với kim ngạch xuất khẩu)	%	Không quá 18	16,5
4.	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so với GDP	%	40	34
5.	Chỉ số giá tiêu dùng	%	Không quá 7	Khoảng 15
6.	Tuyển mới đại học, cao đẳng	%	6,5	6
7.	Tuyển mới trung cấp chuyên nghiệp	%	10	7
8.	Tuyển mới cao đẳng nghề và trung cấp nghề	%	16,5	16,7
9.	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0,2	0,37
10.	Tạo việc làm	Triệu người	1,6	1,56
	Trong đó: lao động đưa đi làm việc ở nước ngoài	Vạn người	8,7	8
11.	Tỷ lệ hộ nghèo	%	Giảm 2% theo chuẩn mới; riêng 62 huyện nghèo giảm 4%	2
12.	Số xã đạt các tiêu chí nông thôn mới	%	4	1
13.	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	17,3	17
14.	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường bệnh	21	21
15.	Diện tích sàn nhà ở đô thị bình quân đầu người	m <sup>2</sup>	19	17,3
16.	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	86	86
17.	Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch	%	78	78
18.	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	69	76
19.	Tỷ lệ chất thải rắn y tế được xử lý	%	82	82
20.	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	55	55

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu Quốc hội	Ước TH năm 2011
21.	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	83	83
22.	Tỷ lệ che phủ rừng	%	40	40

Như vậy, trong tổng số 22 chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch 2011, có 13 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch. Ba chỉ tiêu đạt xấp xỉ kế hoạch là tuyển mới đại học, cao đẳng, tạo việc làm và tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giảm mạnh góp phần giảm tổng cầu, kiềm chế lạm phát.

### III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM

Trong 6 tháng cuối năm 2011, cần tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các giải pháp đề ra trong Kết luận số 02/KL-TW ngày 16/3/2011 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 09/01/2011, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 và các Nghị quyết phiên họp thường kỳ hàng tháng của Chính phủ nhằm đạt kết quả cao nhất trong kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội; tập trung chỉ đạo, điều hành để phấn đấu kiểm soát lạm phát (CPI) năm 2011 ở mức khoảng 15%, tăng trưởng GDP đạt 6%, tiết kiệm chi thường xuyên 10%, giảm bội chi ngân sách Nhà nước xuống dưới 5%, nhập siêu không quá 16%.

Để thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu nêu trên, thời gian tới cần tập trung thực hiện tốt các giải pháp chủ yếu sau đây:

#### 1. Tiếp tục tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô

- Các Bộ, ngành và địa phương cần tập trung thực hiện hiệu quả các biện pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội. Tiếp tục theo dõi sát và dự báo kịp thời diễn biến của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, tăng cường sự phối hợp, cung cấp thông tin giữa các cơ quan, các ngành để tổng hợp, xử lý các thông tin nhanh chóng và hiệu quả, kịp thời tham mưu cho các cấp lãnh đạo trong chỉ đạo, điều hành kinh tế vĩ mô, đề ra các giải pháp thích ứng với tình hình.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện các biện pháp bình ổn giá cả, thị trường, tăng cường quản lý thị trường, chủ động phương án ứng phó trước những biến động của tình hình thị trường hàng hóa thế giới và trong nước, không để xảy ra đột biến giá các mặt hàng thiết yếu, liên quan đến đời sống, ổn định nguồn cung trong nước, bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa. Kiên trì và nhất quán trong điều hành giá điện, xăng dầu, than theo cơ chế thị trường trên cơ sở tính toán lộ trình, thời điểm phù hợp với tình hình và mục tiêu kiềm chế lạm phát, bảo đảm



an sinh xã hội. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định về đăng ký, kê khai, niêm yết giá, hạn chế tình trạng đầu cơ, găm hàng, thao túng thị trường, tăng giá bất hợp lý, buôn lậu qua biên giới. Quản lý tốt thị trường xăng dầu, lương thực thực phẩm.

Hạn chế tác động của chi phí đẩy đến giá cả, lạm phát. Rà soát bãi bỏ các khoản chi phí, lệ phí, thủ tục hành chính không hợp lý giúp doanh nghiệp cắt giảm chi phí đầu vào. Có bước đi thận trọng, xem xét kỹ các tác động đến giá cả trong trường hợp cần điều chỉnh tỷ giá VNĐ/USD và giá cả một số đầu vào thiết yếu. Chỉ đạo điều hành xuất khẩu bảo đảm hiệu quả, gắn với ổn định giá cả trong nước. Quán triệt các ngân hàng thương mại tạo sự đồng thuận, tiết kiệm chi phí hoạt động để bảo đảm lãi suất cho vay ở mức hợp lý, từng bước giảm lãi suất cho vay phục vụ sản xuất để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hạ thấp chi phí. Khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Công khai, minh bạch và có lộ trình cụ thể trong quá trình thực hiện chủ trương nhất quán điều hành giá cả theo cơ chế thị trường để các doanh nghiệp và người dân hiểu rõ, có sự chuẩn bị về tâm lý và ứng xử tích cực.

- Tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng; điều hành chủ động, linh hoạt các công cụ lãi suất, kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng và tổng phương tiện thanh toán phù hợp với diễn biến thị trường. Bảo đảm tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng năm 2011 dưới 20% và tốc độ tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán năm 2011 khoảng 15-16%; trong đó điều hành phân bổ hợp lý theo quý, tháng phù hợp với diễn biến thị trường, đặc biệt là vào các thời điểm mùa vụ sản xuất, kinh doanh khi nhu cầu vốn tăng cao. Trong trung hạn và dài hạn, cần xác định mục tiêu chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là kiềm chế lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền để tạo nền tảng cho việc kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

Tiếp tục theo dõi sát diễn biến thị trường ngoại tệ, vàng để có giải pháp điều hành thích hợp; triển khai có hiệu quả các biện pháp quản lý tỷ giá, thị trường ngoại tệ và hoạt động kinh doanh vàng; tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định về thu đổi ngoại tệ, kinh doanh vàng. Bảo đảm cân đối ngoại tệ cho nhu cầu nhập khẩu các mặt hàng thiết yếu và nhu cầu ngoại tệ chính đáng của người dân và bảo toàn dự trữ ngoại hối Nhà nước.

Đẩy mạnh thu hút các nguồn vốn từ nước ngoài, đồng thời kiểm soát chặt chẽ hoạt động đầu tư và mang ngoại tệ ra nước ngoài để từng bước cải thiện cán cân thanh toán, tăng dự trữ ngoại hối, chủ động điều hành tỷ giá và thị trường ngoại hối.

Kiểm soát nợ xấu, giám sát chặt chẽ chất lượng tín dụng của các tổ chức tín dụng, bảo đảm thanh khoản của hệ thống ngân hàng; tăng cường thanh tra, kiểm tra tính tuân thủ, chấp hành kỷ cương của các tổ chức tín dụng và xử lý nghiêm khi phát hiện vi phạm; tránh hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh và duy trì an toàn hệ thống. Xây dựng đề án tái cơ cấu hệ thống ngân hàng để nâng cao chất lượng, hiệu quả và an toàn hệ thống.

- Thực hiện chính sách tài khóa thắt chặt gắn với việc thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng để kiềm chế lạm phát. Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát chặt chẽ việc cắt giảm, điều chuyển vốn đầu tư sử dụng nguồn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ theo đúng Nghị quyết số 11/NQ-CP; kiên quyết cắt giảm nguồn đầu tư vào những công trình, dự án không hiệu quả, chưa thật sự cần thiết, tiến độ chậm, kéo dài; ưu tiên và tập trung vốn cho các công trình đã đầu tư dở dang và sắp hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2011; kiểm soát chặt đầu tư của doanh nghiệp nhà nước. Điều hành linh hoạt công cụ thuế bảo đảm thu đúng, thu đủ, tăng thu ngân sách Nhà nước; phấn đấu hoàn thành vượt 7-8% dự toán thu NSNN năm 2011 và kiên trì giảm bội chi. Tăng cường quản lý, giám sát nợ nước ngoài của khu vực doanh nghiệp; tăng cường kiểm soát nợ chính phủ, nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia, bảo đảm trong giới hạn an toàn, phù hợp.

Quản lý, sử dụng nguồn dự phòng NSNN, tăng thu ngân sách năm 2011 và nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2011 theo đúng quy định; tập trung để xử lý khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện chính sách an sinh xã hội. Các bộ, ngành và địa phương chủ động sắp xếp, bố trí trong phạm vi dự toán được giao để xử lý các nhiệm vụ phát sinh đột xuất trong năm.

## **2. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, khuyến khích xuất khẩu, kiềm chế nhập siêu**

- Tập trung tháo gỡ các khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất, bảo đảm cân đối cung cầu trên thị trường, đặc biệt là các khó khăn do chi phí đầu vào tăng. Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội phương án miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Ưu tiên tín dụng và tạo điều kiện thuận lợi về vay vốn cho nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, sản xuất hàng xuất khẩu, những ngành sản xuất đang có thị trường thuận lợi. Tiếp tục hạn chế cho vay đối với khu vực phi sản xuất, nhất là lĩnh vực bất động sản, chứng khoán, để tập trung cho sản xuất, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp khuyến khích, đẩy mạnh xuất khẩu, kiên quyết kiểm soát và hạn chế nhập khẩu các mặt hàng tiêu dùng xa xỉ, không

thiết yếu để giảm tỷ lệ nhập siêu. Xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể mang tầm quốc gia, tập trung vào cơ cấu và thúc đẩy xuất khẩu, sử dụng hàng trong nước sản xuất và kiểm soát nhập khẩu đối với từng loại mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu có kim ngạch lớn để thực hiện được mục tiêu kiểm soát nhập siêu không quá 16% kim ngạch xuất khẩu cho cả năm 2011.

Tiếp tục tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu, khai thác các điều kiện thuận lợi về giá và thị trường để gia tăng kim ngạch xuất khẩu; đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa sang Nhật Bản khi nền kinh tế này phục hồi và tái thiết sau thảm họa động đất và sóng thần. Thực hiện các biện pháp phù hợp để hạn chế nhập khẩu các mặt hàng không thiết yếu, không để nhập siêu tăng cao hơn so với mục tiêu đề ra.

Đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động xúc tiến thương mại cấp cao để thúc đẩy hợp tác, đầu tư và buôn bán giữa Việt Nam với các nước, thu hút các tập đoàn đa quốc gia đầu tư vào Việt Nam để từ đó tạo nên những làn sóng chuyển dịch đầu tư vào Việt Nam trong các lĩnh vực sản xuất hàng xuất khẩu có nhiều tiềm năng.

Nâng cao vai trò của các Hiệp hội ngành hàng, xây dựng cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành quản lý với các Hiệp hội ngành hàng để tạo sự thống nhất trong chỉ đạo điều hành, phối hợp tổ chức mạng lưới thông tin dự báo tình hình thị trường, giá cả, cung cầu hàng hóa ở thị trường trong nước và nước ngoài cung cấp cho các hội viên và doanh nghiệp.

Chủ động rà soát những mặt hàng nhập khẩu tăng mạnh do việc cắt giảm thuế quan theo cam kết WTO và AFTA mà trong nước có khả năng sản xuất để có biện pháp hạn chế nhập khẩu và khuyến khích sản xuất trong nước nhưng không vi phạm các qui định và cam kết WTO và AFTA.

Điều chỉnh chính sách thuế theo hướng khuyến khích sản xuất các mặt hàng trong nước có khả năng thay thế nhập khẩu và hạn chế nhập khẩu, nhất là đối với các mặt hàng xa xỉ, không thiết yếu.

- Các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 494/CT-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án sử dụng vốn nhà nước.

- Ngành điện cần thực hiện các biện pháp huy động tối đa công suất các nhà máy điện để đáp ứng nhu cầu phụ tải điện trong mùa khô, ưu tiên bảo đảm điện cho sản xuất; thực hiện kế hoạch phân phối điện hợp lý đáp ứng cho các nhu cầu thiết yếu của sản xuất và đời sống. Áp dụng các biện pháp phù hợp để



khuyến khích, khuyến cáo các doanh nghiệp, nhân dân sử dụng tiết kiệm năng lượng. Tăng cường huy động vốn và đẩy nhanh tiến độ xây dựng, đưa vào vận hành các nhà máy điện và hệ thống truyền tải điện, khuyến khích khai thác phát triển các nguồn điện mặt trời, phong điện.

- Phân tích, đánh giá về tình hình hoạt động của thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán, đề ra các giải pháp tổ chức, quản lý phù hợp nhằm phát triển ổn định, có hiệu quả hai thị trường này, góp phần vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế.

### **3. Thực hiện đồng bộ các biện pháp bảo đảm đời sống, an sinh xã hội và hỗ trợ các hộ nghèo, các đối tượng chịu ảnh hưởng của việc điều chỉnh giá điện, xăng dầu và chịu tác động của giá cả tăng lên**

- Thực hiện các chính sách an sinh xã hội theo các chương trình, dự án, kế hoạch đã được phê duyệt; đẩy mạnh thực hiện các giải pháp bảo đảm an sinh xã hội theo Nghị quyết 02/NQ-CP và Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ. Tập trung nguồn lực thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia hướng đến vùng nghèo, địa bàn huyện, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, người nghèo và đối tượng khó khăn trong xã hội; tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các ngành, các cấp thực hiện các Chương trình đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp thuê, Chương trình đầu tư xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp tại khu vực đô thị, Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở, Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long (giai đoạn 2), Chương trình xây dựng ký túc xá sinh viên, Chương trình xây dựng nông thôn mới,...

- Tích cực hỗ trợ để duy trì việc làm ổn định cho người lao động, tăng thu nhập và bảo đảm phúc lợi xã hội, nhất là đối với người nghèo, các đối tượng chính sách và người làm công ăn lương. Tăng cường xúc tiến, mở rộng thị trường xuất khẩu lao động trong bối cảnh nhiều nước trên thế giới đang trong tình trạng bất ổn về chính trị và chịu hậu quả của thảm họa thiên nhiên. Nghiên cứu xây dựng và thực hiện phương án điều chỉnh lương tối thiểu theo vùng đối với người lao động trong các doanh nghiệp. Theo dõi, hỗ trợ kịp thời đối với người lao động gặp khó khăn, mất việc làm, lao động tự do.

- Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ giá điện cho các hộ nghèo, trợ cấp đột xuất cho những người có thu nhập thấp. Đảm bảo đủ kinh phí để thực hiện các chính sách an sinh xã hội theo chuẩn nghèo mới.

- Tích cực, chủ động phòng chống lụt bão, thiên tai, sớm khắc phục thiệt hại để bảo đảm ổn định đời sống nhân dân.

#### **4. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế**

- Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong từng ngành, lĩnh vực, từng vùng, từng địa phương để nâng cao chất lượng phát triển, phát huy các thế mạnh, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh, có tiềm năng phát triển.

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm sự phù hợp và tính liên kết giữa quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội với các quy hoạch phát triển ngành, vùng, lĩnh vực.

- Phát triển cơ sở hạ tầng, tăng cường huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và có biện pháp phù hợp để tăng cường thu hút các nguồn lực xã hội cho đầu tư cơ sở hạ tầng, khuyến khích các hình thức đầu tư đối tác công - tư (PPP), đầu tư tư nhân và đầu tư nước ngoài vào cơ sở hạ tầng.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách cơ cấu và quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế ngoài Nhà nước, nhất là về nguồn nhân lực, đất đai, vốn tín dụng, huy động vốn và hỗ trợ pháp lý. Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội phương án miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đẩy mạnh thực hiện thí điểm các hình thức bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, tín dụng nông nghiệp, tín dụng doanh nghiệp vừa và nhỏ với biện pháp hỗ trợ phù hợp để tạo điều kiện mở rộng và khơi thông nguồn vốn tín dụng cho sản xuất kinh doanh, nhất là các doanh nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu vực nông nghiệp, nông thôn. Các ngành, các cấp, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc và có kết quả việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước Chỉ thị số 1568/CT-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ triển khai thực hiện Kết luận số 78-KL/TW ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Bộ Chính trị.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Hoàn thiện chế độ thông tin, báo cáo, tăng cường quản lý, giám sát, kiểm tra và đánh giá hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài. Không cấp giấy phép hoặc thu hồi giấy phép đối với các dự án đầu tư nước ngoài sử dụng lãng phí đất đai, năng lượng, tài nguyên, khoáng sản hoặc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Khẩn trương xây dựng, thực hiện các cơ chế, chính sách phù hợp khuyến

khích nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, chú trọng các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp thuộc các ngành công nghiệp hỗ trợ.

### **5. Tiếp tục nâng cao chất lượng nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ**

- Hoàn thành xây dựng và phê duyệt đề án tổng thể Phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020 để thực hiện khâu đột phá về nhân lực theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của các bậc học trên cơ sở thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo. Tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới cơ chế tài chính giáo dục và đào tạo giai đoạn 2010-2015, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012.

- Phê duyệt Chiến lược phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020. Đổi mới căn bản cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cấp quốc gia và tại các đơn vị hoạt động khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ trong phát triển sản xuất nông nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, nghiên cứu, làm chủ các công nghệ nhập ngoại, tiến tới sáng tạo công nghệ, ưu tiên công nghệ tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm.

### **6. Nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe, bảo đảm đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân**

- Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe thông qua việc khuyến khích mở các cơ sở khám chữa bệnh bán công, tư nhân và cơ sở đầu tư bằng vốn nước ngoài với cơ chế, chính sách hợp lý. Mở rộng việc áp dụng chế độ luân phiên cán bộ y tế giúp tuyến dưới nâng cao chất lượng khám chữa bệnh.

- Tăng cường quản lý nhà nước về sản xuất, nhập khẩu, cung ứng thuốc chữa bệnh, đặc biệt là giá thuốc chữa bệnh; thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ chất lượng hoạt động khám chữa bệnh, nhất là khu vực tư nhân.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình phát triển văn hóa gắn với phát triển du lịch và các hoạt động kinh tế. Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản.



## **7. Tăng cường công tác phòng chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu**

- Chủ động ứng phó có hiệu quả với thiên tai bão lũ, dịch bệnh trên gia súc, gia cầm; đồng thời có biện pháp kịp thời, hiệu quả chống hạn phục vụ sản xuất và đời sống. Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Tập trung giải quyết các vấn đề bảo vệ môi trường ở các làng nghề, khu công nghiệp, khu đô thị. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội về bảo vệ môi trường.

## **8. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tăng cường phòng, chống tham nhũng**

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương, bảo đảm quản lý thống nhất của Trung ương và phát huy chủ động, sáng tạo, sát thực tế của địa phương và cơ sở. Sửa đổi, bổ sung cơ chế phân cấp quản lý đầu tư theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội của cả nước, của ngành, vùng, địa phương cả trong ngắn, trung và dài hạn.

- Tăng cường hiệu quả, hiệu lực của công tác xây dựng và thực hiện các chiến lược, kế hoạch, quy hoạch, chính sách.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan nhằm hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Chính phủ khóa XIII; tổng kết, sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của Chính phủ.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính; chú trọng cải cách về thủ tục hành chính. Nâng cao chất lượng tham vấn người dân và doanh nghiệp trong các hoạt động cải cách thủ tục hành chính. Đẩy nhanh tiến độ triển khai đăng ký kinh doanh qua mạng trên phạm vi toàn quốc, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc đăng ký kinh doanh.

- Xây dựng và thực hiện các chương trình tuyên truyền, vận động, tạo chuyển biến mạnh mẽ cả trong nhận thức và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tăng cường đấu tranh phòng, chống tham nhũng gắn với việc thực hiện "Cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh". Tăng cường công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

**9. Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, đẩy mạnh công tác tư tưởng, thông tin tuyên truyền**

- Bảo đảm nguồn lực tăng cường tiềm lực quốc phòng, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đặc biệt là trên các vùng biển, đảo của Việt Nam. Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

- Tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của người dân về thế trận an ninh nhân dân kết hợp với nền quốc phòng toàn dân, đấu tranh, phòng ngừa, phòng chống tội phạm.

- Thực hiện các giải pháp đồng bộ để giảm thiểu tai nạn và ùn tắc giao thông ở các thành phố lớn; tăng cường phòng chống cháy nổ và các hành vi vi phạm pháp luật về vệ sinh, an toàn thực phẩm.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp, chính sách để đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả của hội nhập quốc tế. Tiếp tục chủ động và tích cực tham gia vận động và tạo khuôn khổ, môi trường quốc tế thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế.

- Đẩy mạnh công tác tư tưởng, thông tin, tuyên truyền, bám sát các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là về các giải pháp điều hành kinh tế vĩ mô, các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, chính sách hỗ trợ các hộ nghèo và các đối tượng xã hội khác khi thực hiện điều hành giá cả theo cơ chế thị trường,... để tạo sự đồng thuận, ổn định tâm lý của các tổ chức kinh tế, người dân.

- Các Bộ, cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo và chủ động cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời, công khai, minh bạch cho các cơ quan thông tin, truyền thông về các hoạt động của bộ, ngành, địa phương; phối hợp xây dựng và tham gia các chuyên mục, chương trình truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thông tin, tuyên truyền, giải thích về các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các giải pháp chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và bộ máy hành chính các cấp có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công.

- Xử lý nghiêm, kịp thời theo thẩm quyền các hành vi đưa tin sai sự thật, không đúng định hướng của Đảng và Nhà nước, tạo đồng thuận xã hội trong việc thực hiện chủ trương kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.

\*

## Phần thứ hai

### KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2012

#### I. BỐI CẢNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

##### 1. Tình hình thế giới:

Mặc dù Kinh tế thế giới năm 2012 được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh hơn so với năm 2011, còn nhiều yếu tố bất ổn đe dọa đà phục hồi và thậm chí khiến kinh tế thế giới rơi vào suy thoái. IMF (6/2011) dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2012 sẽ đạt 4,5%, cao hơn so với tốc độ tăng trưởng năm 2011 là 4,3%<sup>21</sup> và tăng trưởng cao hơn tại các nền kinh tế phát triển (2,7% năm 2012 so với 2,5% năm 2011) sẽ là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế thế giới trong năm 2012. Tuy nhiên, nhiều rủi ro đang hiện hữu đe dọa triển vọng kinh tế thế giới 2012 như những bất ổn tài chính tại Mỹ, tăng trưởng chậm lại tại Trung Quốc và Ấn Độ, khủng hoảng nợ công tại châu Âu, kinh tế chững lại tại Nhật Bản và bất ổn chính trị tại Trung Đông-Bắc Phi.

*Triển vọng dòng vốn FDI toàn cầu* tiếp tục được cải thiện năm 2012 trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tiếp tục hồi phục, giá trị thị trường chứng khoán và lợi nhuận của các công ty xuyên quốc gia đang gia tăng. Quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp và ngành, làn sóng tư nhân mới ở một số nước khiến cho nhu cầu đầu tư của khu vực nhà nước sau khủng hoảng tài chính tăng đang tạo ra những cơ hội đầu tư mới cho các nước giàu tiền mặt tại các nền kinh tế phát triển và đang phát triển. UNCTAD (7/2010) dự báo dòng vốn FDI toàn cầu đạt 1,6-2 nghìn tỉ USD năm 2012. Theo Ngân hàng Thế giới (WB), giá trị tính theo USD của dòng vốn FDI vào các nước đang phát triển dự báo tăng đến năm 2012 sẽ đạt 604 tỉ USD, gần bằng mức cao trước khủng hoảng tài chính (615 tỉ USD năm 2008).

Đối với nguồn vốn ODA, tình trạng thâm hụt ngân sách và nợ công cao tại các nước phát triển và cuộc khủng hoảng nợ công tại khu vực Eurozone có tác động mạnh đến dòng vốn ODA thế giới năm 2012. Dựa vào việc khảo sát các kế hoạch chi tiêu sắp tới của các nhà tài trợ, OECD dự báo khối lượng viện trợ theo chương trình quốc gia toàn cầu sẽ tăng với tốc độ thực tế 2% từ năm 2011 đến năm 2013, so với tốc độ tăng trung bình 8% trong ba năm qua.

*Về triển vọng thương mại thế giới*, bảo hộ thương mại đang có xu hướng ngày càng gia tăng trên phạm vi toàn cầu. Xu hướng này đi ngược lại với những cam kết do các nền kinh tế công nghiệp hoá và mới nổi hàng đầu thế giới đưa ra

<sup>21</sup> OECD (5/2011) dự báo kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng 4.6% trong năm 2012 so với 4,2% năm 2011, trong khi WB dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ tăng lên 3,6% năm 2012 từ 3,2% năm 2011.



nhằm chống lại chủ nghĩa bảo hộ và ứng phó với những tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu mới đây.<sup>22</sup> Theo Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF), tốc độ tăng trưởng khối lượng thương mại thế giới năm 2012 đạt 6,7% (giảm 0,2% so với mức dự báo trước).

*Về tình hình tài khóa thế giới*, ưu tiên hàng đầu của các nền kinh tế phát triển, đặc biệt là Mỹ và Nhật Bản là thực hiện chương trình củng cố tài khóa tin cậy tập trung vào việc cải thiện tình hình nợ công trong trung hạn. Tại nhiều nền kinh tế khu vực Eurozone thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế để tăng cường cạnh tranh và tái tạo việc làm mới. Chính sách tài khóa thắt chặt được dự báo sẽ được thực hiện tại phần lớn các quốc gia trên thế giới trong thời gian tới. Theo IMF, thâm hụt ngân sách của các nước phát triển trong năm 2011 được dự báo sẽ ở mức 7,1% song năm 2012 giảm xuống còn 5,2%. Tại các nền kinh tế đang phát triển, thâm hụt ngân sách được dự báo ở mức 2,6% GDP năm 2011, nhưng sang năm 2012 giảm còn 2,2% GDP.

*Về biến động các đồng tiền chính*, đồng USD được dự báo vẫn tiếp tục xu hướng giảm giá trong 2012 do nhiều khả năng FED sẽ thực hiện gói nới lỏng định lượng lần 3 (QE3) vào cuối năm nay. Theo đó, tỷ giá đồng EUR/USD tính đến tháng 5/2012 sẽ ở mức 0,69EUR/1USD với mức độ chính xác dao động ở mức +/-0,06. Tỷ giá YEN/USD tính đến 5/2012 là 78YEN/1USD với độ dao động là +/-7,7. Trong khi đó, đồng NDT vẫn tiếp tục xu hướng lên giá so với các đồng tiền khác, nhưng với mức độ từ từ. Tỷ giá NDT/USD được dự báo sẽ ở mức 6,50 NDT/USD vào tháng 5/2012. Bất ổn tiền tệ trong đó có sự thay thế vai trò của đồng USD<sup>23</sup> là nguyên nhân dẫn đến một loạt các thay đổi trong chính sách dự trữ ngoại hối của các nước, trong đó đi đầu là NHTW các nước châu Á. 13 nước châu Á sẽ lên kế hoạch giảm vai trò tài sản dự trữ thống trị của đồng USD.

*Về giá cả hàng hóa*, hiện tại cuộc khủng hoảng nợ công tại Hy Lạp đã làm xuất hiện dự báo rằng tăng trưởng toàn cầu sẽ suy yếu và cắt giảm nhu cầu đối với các nguyên vật liệu thô khiến giá cả hàng hóa nhất là nguyên liệu thô sẽ giảm mạnh, song nhiều khả năng vấn đề nợ công của Hy Lạp sẽ được IMF và EU giải cứu. Theo đó, kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi mạnh hơn trong năm 2012 làm tăng nhu cầu về hàng hóa khiến giá cả hàng hóa tiếp tục gia tăng, cùng các cú sốc cung do những điều kiện thời tiết khó lường, sự tăng trưởng quá nóng

<sup>22</sup> Các quốc gia trên thế giới đang gia tăng bảo hộ mậu dịch sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nhằm hạn chế xuất khẩu các mặt hàng lương thực và nguyên liệu thô, cũng như thiết lập các rào cản nhập khẩu mới. Đây cũng là một trong những nguyên nhân gây sức ép tăng giá cả hàng hóa thế giới.

<sup>23</sup> Với vị thế kinh tế chính trị ngày càng vững chắc, đồng NDT của Trung Quốc đang dần thay thế đồng USD trong vai trò là đồng tiền dự trữ quốc tế.

của các nền kinh tế châu Á (trừ Nhật Bản), chính sách bảo hộ thương mại của các nước... sẽ gây áp lực lạm phát tăng cao tại các nước. Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) dự báo lạm phát đối với các nước đang phát triển ở châu Á năm 2012 là 6,5%, Trung Quốc là 4,6% và 4,2%, Ấn Độ 6,3% và 5,8%. Đối với giá dầu thô, Standard Bank kỳ vọng cầu về dầu thô sẽ tăng do yếu tố mùa vụ cùng với hạn chế cung sẽ khiến giá dầu thô tăng trong trung hạn.

Mặt khác, đồng USD đang có xu hướng tăng giá trở lại, cùng với xu hướng hạ nhiệt của một số mặt hàng trên thế giới đang là những dấu hiệu tích cực cho hoạt động xuất khẩu của Việt Nam cũng như nỗ lực kiềm chế lạm phát trong nước.

## **2. Tình hình trong nước**

Những thành tựu to lớn rất quan trọng của 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 và kế hoạch 5 năm 2006-2010 đã đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình.

Bước vào kế hoạch năm 2012, nền kinh tế nước ta có những thuận lợi căn bản, đó là những thành tựu to lớn của hơn 25 năm đổi mới; cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã hình thành, ngày càng hoàn thiện; năng lực của nền kinh tế và hệ thống cơ sở hạ tầng được tăng cường. Diện mạo của đất nước có nhiều thay đổi. Chính trị, xã hội ổn định; thế và lực của đất nước mạnh thêm nhiều; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên, tạo ra những tiền đề quan trọng để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Các cân đối kinh tế vĩ mô, như thu chi ngân sách nhà nước, tiền tệ, tín dụng đang diễn biến theo chiều hướng tích cực, các chính sách về kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô đã bước đầu phát huy hiệu quả. Bội chi ngân sách nhà nước giảm dần, xuất khẩu tăng nhanh góp phần giảm thâm hụt cán cân thanh toán quốc tế. Đó là những điều kiện rất quan trọng để tạo ra xu thế phát triển mới, tạo đà tăng trưởng cao hơn và bền vững trong năm 2012 và các năm tiếp theo. Mặt khác, kinh tế thế giới tiếp tục được phục hồi trong năm 2012, trong đó các nền kinh tế phát triển được dự báo có mức tăng trưởng mạnh hơn năm 2011 sẽ là nền tảng tốt cho việc thúc đẩy hoạt động xuất khẩu của Việt Nam trong năm nay. Tuy nhiên, chính sách bảo hộ thương mại của các nước sẽ đem lại những tác động tiêu cực đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam. Bên cạnh đó diễn biến phức tạp của các đồng tiền mạnh trên thế giới sẽ có những tác động đan xen trái chiều tới triển vọng thương mại Việt Nam năm 2012.

Sự hồi phục của dòng vốn FDI toàn cầu sẽ là yếu tố tác động tích cực tới dòng vốn FDI vào Việt Nam. Bên cạnh đó, chi phí nhân công đang ngày càng tăng cao tại Trung Quốc sẽ thúc đẩy các nhà đầu tư nước ngoài di chuyển hoạt động sản xuất sang các nước láng giềng như Việt Nam, nơi có chi phí nhân công cao hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi như trên, năm 2012, nền kinh tế nước ta cũng gặp phải một số khó khăn: Việc thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, tăng lãi suất liên ngân hàng nhằm kiềm chế lạm phát trong năm 2011 cũng gây khó khăn nhất định cho các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc vay vốn tín dụng để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Nhập siêu đang có xu hướng tăng, trong khi tỷ giá và giá cả hàng hóa nhập khẩu diễn biến phức tạp có thể ảnh hưởng đến khả năng cải thiện cán cân thanh toán.

Nguy cơ lạm phát và nợ công tại nhiều nước trên thế giới cùng với việc tăng giá dây chuyền và tăng giá do tâm lý sau khi có sự điều chỉnh tăng giá một số mặt hàng thiết yếu trong nước tiếp tục làm tăng chi phí đầu vào sản xuất và tăng giá cả hàng hóa tiêu dùng trong nước, thiết lập mặt bằng giá mới cao hơn trước, gây khó khăn trong việc kiềm chế lạm phát, bình ổn giá cả thị trường cũng như phát triển sản xuất kinh doanh.

## **II. MỤC TIÊU NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH NĂM 2012**

### **A. Mục tiêu tổng quát**

Mục tiêu tổng quát của năm 2012 là tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2011 gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, tăng cường củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

### **B. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2012**

#### *1. Các chỉ tiêu kinh tế*

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,5% so với năm 2011; GDP theo giá thực tế khoảng 2.953,8 nghìn tỷ đồng. Trong đó: Giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng khoảng 2,3%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng khoảng 7,5%; khu vực dịch vụ tăng khoảng 7,1%.

Dự kiến tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2012 đạt khoảng 95,2-97 tỷ USD,



tăng 12-14% so với năm 2011. Giảm nhập siêu xuống dưới 16%.

Tỷ lệ bội chi so với GDP dưới 5%.

Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm khoảng 34,9% GDP.

Chỉ số tăng giá tiêu dùng dưới 10%.

## **2. Các chỉ tiêu xã hội**

Tuyển mới đại học, cao đẳng tăng 6%; trung cấp chuyên nghiệp tăng 7%; cao đẳng nghề và trung cấp nghề tăng 16%.

Mức giảm tỷ lệ sinh là 0,2‰.

Tạo việc làm cho khoảng 1,6 triệu lao động, trong đó đưa 8,7 vạn lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Giảm 2% tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới), riêng 62 huyện nghèo giảm 4%.

Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 17%.

Số giường bệnh trên 1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã): 21,5 giường.

Diện tích nhà ở đô thị bình quân đầu người: 19,3 m<sup>2</sup>.

## **3. Các chỉ tiêu môi trường**

Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh: 88%.

Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch: 80%.

Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý: 78%.

Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế được xử lý: 82%.

Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là: 60%.

Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom: 83%

Tỷ lệ che phủ rừng: 40,5%.

## **III. DỰ KIẾN MỘT SỐ CÂN ĐỐI LỚN CỦA NỀN KINH TẾ TRONG KẾ HOẠCH NĂM 2012**

### **1. Lao động và việc làm**

Năm 2012, lực lượng lao động cả nước có khoảng 58,3 triệu người, trong đó số lao động làm việc trong nền kinh tế quốc dân khoảng 51,3 triệu người.

Dự kiến năm 2012 giải quyết việc làm cho 1,6 triệu người, trong đó đưa

lao động đi làm việc ở nước ngoài 87 nghìn người. Tỷ lệ thất nghiệp thành thị giảm xuống dưới 4,5% trên tổng số lao động trong độ tuổi. Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp 47%, công nghiệp và xây dựng 25%, dịch vụ 28%.

## **2. Cân đối thu, chi ngân sách nhà nước**

Dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2012 như sau:

Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước năm 2012 là 730 nghìn tỷ đồng, bằng khoảng 24,7% GDP, tăng 17,3% so với ước thực hiện 2011; trong đó thu nội địa (không kể thu từ dầu thô) là 475 nghìn tỷ đồng; thu từ dầu thô 88 nghìn tỷ đồng; thu từ xuất nhập khẩu 162 nghìn tỷ đồng; thu viện trợ không hoàn lại và quỹ dự trữ tài chính 5 nghìn tỷ đồng.

Tổng chi ngân sách nhà nước năm 2012 là 874,7 nghìn tỷ đồng; trong đó chi đầu tư phát triển là 200 nghìn tỷ đồng.

Bội chi ngân sách nhà nước dự kiến khoảng 144,7 nghìn tỷ đồng, bằng 4,9% GDP.

## **3. Cân đối vốn đầu tư phát triển**

Trên cơ sở cân đối tích lũy tiêu dùng, đồng thời với việc triển khai đồng bộ các giải pháp để thu hút nguồn vốn trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển, dự báo khả năng huy động nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2012 vào khoảng 1.030 nghìn tỷ đồng, bằng khoảng 34,9% GDP. Dự kiến huy động các nguồn vốn như sau:

Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước khoảng 200 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 19,4% tổng nguồn vốn đầu tư xã hội.

Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ 45 nghìn tỷ đồng, chiếm 4,4% tổng nguồn vốn đầu tư xã hội.

Nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước khoảng 45 nghìn tỷ đồng, chiếm 4,4% tổng nguồn vốn đầu tư xã hội.

Nguồn vốn từ khu vực doanh nghiệp nhà nước khoảng 82 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 8,0% tổng nguồn vốn.

Nguồn đầu tư của dân cư và doanh nghiệp tư nhân khoảng 450 nghìn tỷ đồng, chiếm 39,2% tổng nguồn vốn, tăng 17,1% so với ước thực hiện năm 2011.

Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài dự kiến khoảng 200 nghìn tỷ đồng, chiếm 43,7% tổng nguồn vốn.

Nguồn vốn khác dự kiến khoảng 8 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,8% tổng nguồn vốn.

#### **4. Cân đối xuất nhập khẩu**

Dự kiến tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2012 đạt khoảng 95,2 - 97 tỷ USD, tăng 12-14% so với năm 2011, trong đó xuất khẩu của khu vực đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) đạt khoảng 44,3 - 45 tỷ USD, chiếm khoảng 46,5% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Năm 2012 tổng kim ngạch nhập khẩu dự kiến khoảng 110,4-112,5 tỷ USD, tăng 11,5-13,6% so với năm 2011. Nhập khẩu của khu vực đầu tư nước ngoài đạt khoảng 47,5-48,4 tỷ USD, chiếm 43% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Nhập siêu năm 2012 dự kiến khoảng 15 tỷ USD, chiếm dưới 16% tổng kim ngạch xuất khẩu.

#### **5. Cán cân thanh toán quốc tế**

Cán cân vãng lai dự báo năm 2012 thâm hụt khoảng 7.500 -8.000 triệu USD do cán cân thương mại vẫn có xu hướng thâm hụt tương đối cao; nhưng được bù lại do thặng dư của cán cân vốn 10.0000 triệu USD. Cán cân tổng thể năm 2012 có thể thặng dư khoảng 1.500 - 2.000 triệu USD.

#### **6. Cân đối về điện**

Về nguồn điện, năm 2012 với dự kiến sẽ đưa vào vận hành trên 2000 MW nguồn điện mới và khả năng nguồn điện có đến hết năm 2011 có thể đạt 24000MW, điện năng sản xuất và mua có thể đạt trên 130 tỷ kWh.

Năm 2012, với mục tiêu tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 6,5%, nhu cầu điện năm 2012 tăng khoảng 13%, nhu cầu điện thương phẩm năm 2012 khoảng 111 tỷ kWh, điện sản xuất và mua năm 2012 là 125 tỷ kWh (trong đó nhập khẩu khoảng 4,8 tỷ kWh).

Như vậy, nếu các dự án nguồn điện thực hiện đúng tiến độ và các biện pháp tiết kiệm điện có hiệu quả thì có thể đáp ứng đủ nhu cầu điện năm 2012. Tuy nhiên do việc sản xuất và tiêu dùng điện có tính chất thời điểm nên cần có biện pháp đảm bảo cung cấp điện trong mùa khô khi khả năng sản xuất của các nhà máy thủy điện bị hạn chế, đề phòng tình trạng thiếu điện nếu nhu cầu sử dụng điện tăng đột biến.

#### **7. Cân đối về lương thực**

Năm 2012, dự kiến sản lượng lúa đạt 40,5 triệu tấn, được sử dụng cho các nhu cầu trong nước khoảng 27,5 triệu tấn, bao gồm để giống 0,85 triệu tấn, hao hụt và chăn nuôi 5,2 triệu tấn và nhu cầu ăn của dân cư là 21,5 triệu tấn; còn lại khoảng 13 triệu tấn lúa (tương đương 6,5 triệu tấn gạo) có thể chế biến để xuất khẩu.



#### IV. NHIỆM VỤ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

Nhằm đạt được các mục tiêu nêu trên, năm 2012 phải tập trung thực hiện các nhiệm vụ quan trọng: tập trung chuyển đổi cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Triển khai thực hiện các đột phá lớn trong kế hoạch 5 năm 2011-2015 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020 là: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh, bình đẳng và cải cách hành chính; phát triển nhanh nguồn nhân lực nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ theo hướng hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn..

Dưới đây là những nhiệm vụ, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực chủ yếu:

##### 1. Về phát triển kinh tế:

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh; tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế khoảng 6,5%.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu, phát triển ngành công nghiệp và xây dựng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, có nhiều sản phẩm xuất khẩu. Chú trọng phát triển công nghiệp hỗ trợ, năng lượng tái tạo, công nghệ cao, công nghiệp cơ khí trọng điểm. Áp dụng công nghệ tiết kiệm nguyên, nhiên, vật liệu và năng lượng.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản. Đẩy mạnh xuất khẩu nông sản có chất lượng, giá trị gia tăng cao, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực. Tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhất là đối với các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a và chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển mạnh các lĩnh vực dịch vụ có tiềm năng và lợi thế, có hàm lượng trí tuệ, hàm lượng công nghệ mang lại giá trị gia tăng cao.

- Đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là những mặt hàng có giá trị gia tăng cao. Giảm dần tỷ trọng hàng xuất khẩu là nguyên liệu thô và sơ chế. Hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng không thiết yếu, thiết bị công nghệ lạc hậu, hàng hóa vật tư trong nước đã sản xuất được. Tích cực, chủ động mở rộng thị trường, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ với các đối tác.

- Đẩy mạnh cải cách doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hóa các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty nhà nước; rà soát, sắp xếp các dự án đầu tư, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; tăng cường quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

- Tăng cường thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng. Tập trung vốn Nhà nước để đầu tư đồng bộ các công trình, dự án trọng yếu; ưu tiên đầu tư cho các công trình, dự án lớn quan trọng quốc gia, phòng chống thiên tai, thủy điện, phát triển nguồn nhân lực, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và các công trình hoàn thành trong năm 2012. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá việc quản lý và sử dụng vốn của các dự án đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước.

- Cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh cải cách, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp. Đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

## 2. Về phát triển giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ:

a) Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của các bậc học trên cơ sở thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo, Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới cơ chế tài chính giáo dục và đào tạo giai đoạn 2010 - 2015, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010 - 2012; hướng tới việc xây dựng chuẩn hóa nền giáo dục Việt Nam. Mở rộng quy mô đi đôi với nâng cao chất lượng dạy nghề nhằm tăng cường đội ngũ lao động qua đào tạo cả về số lượng và chất lượng. Phát triển các hình thức dạy nghề cho lao động nông thôn theo Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tăng cường công tác xã hội hóa trong giáo dục và đào tạo và dạy nghề.

b) Đổi mới mạnh mẽ cơ chế chính sách phát triển khoa học và công nghệ, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung nguồn lực thực hiện các chương trình phát triển sản phẩm quốc gia, phát triển công nghệ cao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, phát triển tài sản trí tuệ, hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, tăng cường hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ.

## 3. Về an sinh xã hội và các lĩnh vực xã hội khác:

a) Đẩy mạnh phát triển thị trường lao động; tăng cường giám sát và điều tiết quan hệ cung - cầu lao động. Xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm giai đoạn 2011 - 2015. Chú trọng tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao

động. Tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu lao động. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 - 2020. Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn lao động; thực hiện Chương trình quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động giai đoạn 2011-2015.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 - 2020; tiếp tục thực hiện đồng bộ và hiệu quả các chương trình, dự án về giảm nghèo nhằm bảo đảm giảm nghèo nhanh và bền vững. Xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011 - 2015. Tiếp tục thực hiện tốt Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo.

b) Nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Mở rộng việc áp dụng chế độ luân phiên cán bộ y tế xuống các tuyến dưới. Đổi mới cơ chế tài chính, cơ chế quản lý trong các cơ sở y tế công lập. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động y tế.

Chủ động, tích cực triển khai công tác y tế dự phòng, không để dịch bệnh lớn xảy ra; đẩy mạnh công tác quản lý và phòng chống các bệnh không lây nhiễm trong cộng đồng dân cư; nâng cao sức khỏe và tăng tuổi thọ. Lồng ghép các mục tiêu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số. Nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh, đặc biệt là HIV/AIDS và các dịch bệnh mới phát sinh.

Tăng cường quản lý nhà nước về sản xuất, nhập khẩu, lưu thông, cung ứng thuốc chữa bệnh; có cơ chế kiểm soát chặt chẽ giá thuốc chữa bệnh; thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ chất lượng hoạt động khám chữa bệnh. Ban hành cơ chế, chính sách nhằm phát triển công nghiệp dược, nâng cao năng lực sản xuất trong nước; đẩy mạnh nghiên cứu và sản xuất vắc xin, sinh phẩm y tế; quy hoạch và phát triển các vùng dược liệu. Củng cố mạng lưới lưu thông, phân phối và cung ứng thuốc để ổn định thị trường thuốc.

c) Tiếp tục xây dựng nền văn hóa nước ta theo hướng phát huy các giá trị tốt đẹp và truyền thống văn hóa dân tộc, đồng thời tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, nhằm dần bắt kịp sự phát triển của thời đại. Xây dựng kế hoạch, chương trình phát triển văn hoá gắn với phát triển du lịch và các hoạt động kinh tế. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Đẩy mạnh công tác xã hội hóa văn hóa, thể dục thể thao.

Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hoá, thể thao, bảo đảm tiết kiệm, an ninh trật tự xã hội; huy động các nguồn lực xã hội để tổ chức các lễ



hội, hạn chế tối đa việc sử dụng ngân sách để tổ chức lễ hội. Tiếp tục nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản; tăng phủ sóng phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc thiểu số tới các vùng sâu, vùng xa miền núi.

d) Tiếp tục thực hiện các Chương trình, đề án bảo vệ, phát triển trẻ em; xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện với trẻ em; thực hiện Chương trình Hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2011-2020; Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011- 2015.

Tập trung triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011-2020 nhằm xây dựng môi trường phát triển toàn diện cho thanh niên đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới.

Từng bước bảo đảm bình đẳng giới trong mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; thu hẹp khoảng cách giới, xóa dần định kiến về giới trong đời sống xã hội; tập trung triển khai Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020.

e) Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc như: bảo đảm trật tự an toàn giao thông, xử lý ùn tắc giao thông ở các thành phố lớn, tệ nạn xã hội. Kiểm chế và ngăn chặn có hiệu quả tội phạm xuất phát từ tệ nạn ma túy, mại dâm. Tập trung triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống ma túy ở Việt Nam giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020; tổ chức phòng ngừa, ngăn chặn quyết liệt nguồn ma túy từ nước ngoài vào Việt Nam, nhất là ở các tỉnh biên giới và các tỉnh trọng điểm về ma túy.

#### 4. Về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững

Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ sở pháp lý về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường. Khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn và triển khai thực hiện Luật khoáng sản; hoàn thành Luật Tài nguyên nước, quy hoạch sử dụng đất 5 năm 2011-2015; thúc đẩy hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật, tăng cường năng lực đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội gắn với việc ứng phó với biến đổi khí hậu; thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu mà Việt Nam đã ký kết.

Nâng cao năng lực dự báo thời tiết, khí tượng thủy văn phục vụ sản xuất và đời sống. Tiếp tục tập trung tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng, ưu tiên nguồn lực cho các vùng xung yếu, ven biển. Nghiên cứu, khảo sát và đánh giá tác động của biến đổi khí hậu để đưa vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch,

chương trình phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, vùng, địa phương và trên phạm vi cả nước.

Triển khai có hiệu quả các chương trình nâng cấp đê biển, đê sông, giải pháp chống ngập úng cho các thành phố lớn; chủ động chỉ đạo ứng phó có hiệu quả với thiên tai bão lũ; đồng thời có giải pháp kịp thời, hiệu quả chống hạn phục vụ sản xuất và đời sống; thực hiện tốt chương trình bố trí dân cư, di dân ra khỏi những vùng có nguy cơ cao về thiên tai.

Tăng cường kiểm tra, thanh tra, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Tập trung giải quyết các vấn đề bảo vệ môi trường ở các làng nghề, khu công nghiệp, khu đô thị.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội về bảo vệ môi trường. Chủ động đẩy mạnh hợp tác quốc tế, nhất là việc quản lý, khai thác các dòng sông với các nước có liên quan.

Kiểm soát chặt chẽ việc cấp phép và quản lý khai thác tài nguyên, khoáng sản; không gia hạn, bổ sung hoặc cấp mới giấy phép khai thác tài nguyên, khoáng sản cho các doanh nghiệp không bảo đảm đúng các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý, khai thác tài nguyên, khoáng sản.

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Chương trình chống thất thoát, thất thu nước sạch, xử lý chất thải rắn; xây dựng quy hoạch hệ thống thoát nước, nước thải, trước hết là các khu dân cư, khu công nghiệp.

Kiểm tra, rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung phù hợp, kịp thời các quy định, cơ chế, chính sách, quy hoạch phát triển xi măng, quy hoạch vật liệu xây dựng, bảo đảm mục tiêu bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm khoáng sản, năng lượng.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng; tăng cường bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; khuyến khích phát triển nhanh rừng sản xuất. Có cơ chế, chính sách phù hợp để bảo đảm quyền lợi và khuyến khích nhân dân tham gia trồng, bảo vệ và khai thác rừng một cách hợp lý, hiệu quả. Phối hợp chỉ đạo, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý và bảo vệ rừng.

5. Tăng cường quốc phòng, bảo đảm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia. Nâng cao chất lượng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trong tình hình mới. Giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

Bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, quan tâm đặc biệt đến

các vùng, địa bàn trọng điểm về an ninh chính trị.

Thực hiện tốt đường lối đối ngoại, tăng cường hợp tác quốc tế, tạo môi trường hòa bình, ổn định và tranh thủ mọi nguồn lực từ bên ngoài để phát triển đất nước.

## **V. NHỮNG GIẢI PHÁP CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU**

### **1. Ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát**

Kiểm soát lạm phát, bảo đảm ổn định thị trường thông qua việc điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt và thận trọng; kết hợp hài hòa giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa để kiểm soát tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán, tín dụng và bảo đảm lãi suất ở mức hợp lý; điều hành tỷ giá chủ động, linh hoạt theo tín hiệu thị trường;

Thực hiện chính sách tài khóa thắt chặt, kiểm soát chặt chẽ và minh bạch hoá chi tiêu của Ngân sách nhà nước và đầu tư công, nhất là đầu tư từ Ngân sách nhà nước, trái phiếu chính phủ và đầu tư của khu vực doanh nghiệp nhà nước.

Tăng cường năng lực phân tích, dự báo, chủ động điều chỉnh lượng cung tiền để bảo đảm tính thanh khoản của hệ thống ngân hàng, góp phần kiểm soát lạm phát. Về quản lý giá, có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả các hiện tượng đầu cơ nâng giá; tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện quy định kiểm soát giá đối với những mặt hàng thuộc diện bình ổn giá ở các Bộ/ngành, địa phương. Xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý giá. Đối với thuốc chữa bệnh và sữa, áp dụng các biện pháp đồng bộ, hiệu quả để kiểm soát và bảo đảm giá ở mức hợp lý, bảo đảm hạn chế tối đa tình trạng tăng giá bất hợp lý, ảnh hưởng đến người tiêu dùng.

Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phân tích, dự báo, theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường trong và ngoài nước, các yếu tố ảnh hưởng tới giá cả hàng hóa để kịp thời áp dụng các biện pháp điều tiết cung - cầu và bình ổn thị trường, nhất là những mặt hàng thuộc diện bình ổn giá, những mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống, không để xảy ra thiếu hàng, sốt giá. Đẩy mạnh sản xuất, tăng cường kiểm soát cung - cầu các mặt hàng thiết yếu và các mặt hàng thuộc diện bình ổn giá.

Tiếp tục thực hiện lộ trình điều chỉnh giá theo cơ chế thị trường đối với những mặt hàng thuộc diện Nhà nước đang quản lý như than, nước sạch,..., bảo đảm khuyến khích đầu tư sản xuất và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả; dự báo tác động do biến động giá của các mặt hàng này đối với chỉ số giá tiêu dùng để có giải pháp kiểm soát phù hợp.



Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách thích hợp để từng bước điều chỉnh giá theo cơ chế thị trường đối với các dịch vụ giáo dục, y tế kết hợp với chính sách hỗ trợ hợp lý cho người nghèo, đối tượng chính sách; tăng cường xã hội hoá nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả các dịch vụ này.

Về kiểm soát nhập siêu, cải thiện cán cân thanh toán, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương xác định các sản phẩm, ngành hàng xuất khẩu chủ lực, có lợi thế và khả năng cạnh tranh để có biện pháp hỗ trợ phù hợp đẩy mạnh xuất khẩu; chú trọng công tác kiểm định chất lượng hàng xuất khẩu. Tiếp tục đẩy mạnh quy hoạch và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, bến bãi vận tải, giao nhận, kho tập kết hàng hoá tại các cửa khẩu.

Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác dự báo thị trường, thường xuyên cập nhật, phổ biến kịp thời thông tin về thị trường thế giới, nhất là những thị trường và mặt hàng xuất khẩu trọng điểm, những thay đổi về chính sách, việc áp dụng các biện pháp bảo hộ của nước ngoài; có các giải pháp cụ thể nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thương vụ; đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại và củng cố, mở rộng hoạt động của các cơ quan xúc tiến thương mại tại nước ngoài; tăng cường hoạt động quảng bá và bảo hộ thương hiệu xuất khẩu của Việt Nam tại nước ngoài; cảnh báo sớm nguy cơ hàng xuất khẩu của Việt Nam bị kiện chống phá giá, chống trợ cấp, tự vệ để chủ động đối phó, ngăn chặn.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động quốc gia về phát triển sản xuất hàng thay thế nhập khẩu. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích các doanh nghiệp, các dự án đầu tư sản xuất hàng thay thế nhập khẩu, bảo đảm chất lượng và khả năng cạnh tranh để sớm đi vào sản xuất và đưa sản phẩm ra thị trường.

Về quản lý các nguồn vốn đầu tư: tăng cường thu hút, đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Tăng cường kiểm tra và giám sát các luồng vốn vào - ra, đặc biệt là vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài (FII); tạo điều kiện thuận lợi để thu hút kiều hối; đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác phân tích, dự báo các luồng vốn vào - ra để chủ động điều hành thị trường ngoại hối, ổn định cán cân thanh toán và tăng dự trữ ngoại hối một cách hợp lý.

Đối với hệ thống tiền tệ, tín dụng, ngân hàng: Ngân hàng Nhà nước điều hành có hiệu quả các công cụ chính sách tiền tệ; kiểm soát tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán và tín dụng ở mức hợp lý, có biện pháp điều tiết để giảm mặt bằng lãi suất kinh doanh của các tổ chức tín dụng nhằm đáp ứng yêu cầu

bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh và ổn định đời sống nhân dân; có biện pháp hỗ trợ để các ngân hàng thương mại ưu tiên cho vay phát triển khu vực nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp thuộc các ngành công nghiệp hỗ trợ. Hạn chế tối đa sử dụng các biện pháp hành chính.

Tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý về quản lý ngoại hối; điều hành thị trường ngoại hối và tỷ giá chủ động, linh hoạt, phù hợp với tình hình cung - cầu ngoại tệ, bảo đảm tăng tính thanh khoản của thị trường, khuyến khích xuất khẩu, giảm nhập siêu, cải thiện cán cân thanh toán quốc tế và góp phần tăng dự trữ ngoại hối.

Tiếp tục rà soát, sửa đổi các quy định an toàn về tín dụng, ngân hàng theo lộ trình phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện kinh tế - xã hội nước ta; chỉ đạo các tổ chức tín dụng cơ cấu lại tài sản và nguồn vốn theo hướng an toàn, bền vững. Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách nhằm nâng cao chất lượng tín dụng, tăng cường kiểm tra, giám sát, cảnh báo sớm rủi ro hệ thống; hỗ trợ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng trong phòng chống rủi ro, bảo đảm an toàn hệ thống.

Hoàn thiện khung khổ pháp lý, tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát, công khai minh bạch thông tin của thị trường tài chính, nhất là các thị trường trái phiếu, chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản để nâng cao hiệu quả hoạt động của các thị trường này và thúc đẩy huy động vốn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Điều hành kế hoạch huy động vốn cho ngân sách nhà nước và đầu tư phát triển sử dụng trái phiếu Chính phủ, bảo đảm hiệu quả, phù hợp với khả năng của thị trường, tiến độ giải ngân, sử dụng vốn.

Tăng cường kỷ luật tài chính, phấn đấu giảm bội chi ngân sách, bảo đảm dư nợ Chính phủ, nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia trong giới hạn an toàn. Phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi để giảm bội chi ngân sách nhà nước năm 2011 xuống dưới mức Quốc hội thông qua và giảm dần trong những năm tiếp theo. Phối hợp chặt chẽ chính sách tài khoá với chính sách tiền tệ và các chính sách khác để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2011.

Chỉ đạo quyết liệt, tăng cường quản lý thu ngân sách nhà nước, chống thất thu, nợ đọng thuế, nhất là thất thu đối với các khoản thu liên quan đến đất đai, tài nguyên và thất thu từ gian lận kê khai thuế thông qua chuyển giá; thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về đấu giá tài sản công. Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán các khoản chi trong cân đối ngân sách nhà nước và các khoản chi được quản lý qua ngân sách nhà nước; vay về cho vay lại; bảo lãnh vay của Chính phủ; các khoản chi từ các quỹ tài chính Nhà nước; các khoản

vay, tạm ứng của các Bộ, địa phương. Tiếp tục bổ sung và hoàn thiện các chế tài xử lý nghiêm minh các vi phạm pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước.

## **2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ**

Tiếp tục triển khai quy hoạch phát triển nhân lực giai đoạn 2011 – 2020. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các khu kinh tế trọng điểm, khu công nghiệp, khu công nghệ cao chủ động làm việc với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Xây dựng để đào tạo và cung ứng, đáp ứng nhu cầu nhân lực về số lượng, chất lượng theo ngành nghề của doanh nghiệp hoạt động tại các khu này; đồng thời quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động trong làm việc và sinh hoạt.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011 - 2020. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của các bậc học trên cơ sở thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo, triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo, Chương trình phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, Chương trình kiên cố hoá trường, lớp học, nhà công vụ cho giáo viên; đổi mới, nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên.

Tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới cơ chế tài chính giáo dục và đào tạo giai đoạn 2010 - 2015, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010 - 2012.

Triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển dạy nghề giai đoạn 2011 - 2020 và Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Mở rộng quy mô đi đôi với nâng cao chất lượng dạy nghề nhằm tăng cường đội ngũ lao động qua đào tạo cả về số lượng và chất lượng; xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp khuyến khích phát triển các hình thức liên kết giữa cơ sở sử dụng lao động, cơ sở đào tạo; tăng cường đào tạo thông qua hợp đồng đào tạo; điều chỉnh cơ cấu đào tạo phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội.

Đẩy nhanh tiếp độ xây dựng ký túc xá sinh viên theo Chương trình xây dựng ký túc xá cho sinh viên.

Triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020. Đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia. Đẩy mạnh chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ trong phát triển sản xuất nông nghiệp.



Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ hợp lý thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ nghiên cứu, làm chủ các công nghệ nhập ngoại, tiến tới sáng tạo công nghệ, ưu tiên công nghệ tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm.

Có biện pháp đẩy mạnh phát triển các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, đặc biệt là dịch vụ thông tin, tư vấn, môi giới, đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Phát triển và kiện toàn hệ thống các trung tâm thông tin khoa học và công nghệ, các trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, các quỹ phát triển khoa học và công nghệ; thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ, các loại hình chợ công nghệ và thiết bị, các sàn giao dịch điện tử; hình thành các trung tâm giao dịch công nghệ tại các vùng kinh tế lớn.

### **3. Đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp**

Điều chỉnh cơ cấu ngành kinh tế nhằm đáp ứng yêu cầu của đổi mới mô hình tăng trưởng đi đôi với nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh và chuyển dịch cơ cấu theo hướng CNH, HĐH. Theo đó, cần tiến hành phân loại đánh giá các ngành theo quan điểm mới để tìm ra các ngành nước ta có lợi thế cạnh tranh hoặc tiềm năng sẽ có lợi thế cạnh tranh. Cần chú ý đến những ngành được bảo hộ, chưa mở cửa thị trường, những ngành tập trung vốn, những ngành gia công, gây ô nhiễm và dự báo cho ít nhất 20 năm tới.

Định hướng điều chỉnh cơ cấu ngành là lấy chuyển dịch cơ cấu nội bộ các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ theo hướng tăng dần tỷ trọng phân ngành có giá trị gia tăng cao, có khả năng cạnh tranh dựa vào lợi thế so sánh để chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa và xuất khẩu.

*Đối với ngành nông nghiệp:* chuyển dịch nội bộ ngành nhằm phát triển các ngành nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp sạch; kết hợp nông nghiệp với du lịch sinh thái và phát triển nghề truyền thống phục vụ du lịch thân thiện với môi trường. Ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp nhằm sản xuất một số mặt hàng nông nghiệp trước hết để tiêu thụ trong nước thay vì nhập khẩu và để xuất khẩu.

*Đối với ngành công nghiệp:* chuyển dịch nội bộ ngành công nghiệp nhằm giảm tỷ trọng ngành gia công, chế biến sử dụng đầu vào nhập khẩu, đòi hỏi cơ sở hạ tầng lớn mà giá trị gia tăng thấp. Tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp có giá trị tăng thêm cao hơn thông qua điều chỉnh chính sách thu hút FDI.

*Đối với ngành dịch vụ:* Cần phát triển dịch vụ một cách có lựa chọn nhằm tạo ra nhiều ngành có giá trị tăng thêm cao, nhưng không đòi hỏi nhiều vốn đầu tư, không đòi hỏi cơ sở hạ tầng kỹ thuật quy mô lớn.

Hạn chế phát triển các ngành khai thác, giảm tỷ trọng sử dụng nhiều yếu tố đầu vào tài nguyên.

Điều chỉnh chính sách đầu tư nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng theo hướng khuyến khích phát triển các cụm công nghiệp và hình thành chuỗi giá trị trong nước và xuất khẩu nhằm tạo sự liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp. Khuyến khích phát triển các KCN, KCX và KKT theo hướng các khu này làm hạt nhân cho hình thành các cụm công nghiệp (CCN).

Điều chỉnh chính sách thu hút FDI nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng với mục tiêu tận dụng tối đa nguồn lực này. Để tận dụng FDI đòi hỏi phải kết hợp chặt chẽ chính sách thu hút FDI với các chính sách điều chỉnh khác, bao gồm chính sách đầu tư, chính sách KCN.

Điều chỉnh chính sách phát triển kinh tế vùng theo hướng hình thành một số điểm tăng trưởng mới ngoài hai cực tăng trưởng phía Bắc (Hà Nội) và phía Nam (TP Hồ Chí Minh). Các điểm tăng trưởng mới này trước hết là những điểm có lợi thế vừa thu hút nguồn lực, vừa có khả năng hấp thụ tác động lan tỏa của các cực tăng trưởng và lan tỏa tăng trưởng cho các khu vực xung quanh. Để thực hiện điều chỉnh thì cần tiến hành rà soát, đánh giá đồng bộ các chính sách phát triển vùng hiện hành, trước hết là chính sách vùng kinh tế trọng điểm, chính sách xây dựng cơ sở hạ tầng và chính sách ưu đãi đầu tư.

Tiếp tục dành một phần ngân sách để cấp học bổng đào tạo ở nước ngoài trên cơ sở cấp học bổng cạnh tranh và minh bạch. Quy định bắt buộc những người được đào tạo quay trở về phục vụ cho các cơ quan nhà nước.

Khuyến khích các doanh nghiệp cấp học bổng theo nguyên tắc cạnh tranh, nhưng ưu tiên cho sinh viên nghèo. Hoàn thiện mô hình tổ chức hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

Tăng cường hợp tác quốc tế nâng cao chất lượng nguồn nhân lực qua các kênh giáo dục, đào tạo và trao đổi thông tin có chọn lọc.

Hỗ trợ các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ ứng dụng tiến bộ công nghệ vào sản xuất. Tiếp tục hoàn thiện thị trường các nhân tố sản xuất theo hướng tăng tính minh bạch nhằm giảm rủi ro cho hoạt động kinh doanh, giảm chi phí kinh doanh và tạo sự bình đẳng trong tiếp cận các nhân tố sản xuất của các thành phần kinh tế.

Rà soát, nghiên cứu xóa bỏ những rào cản đối với nâng cao hiệu quả chất lượng đầu tư cũng như đối với tăng hiệu quả sử dụng vốn đầu tư không phân biệt sở hữu.

Điều chỉnh chính sách đầu tư công hướng vào nâng cao chất lượng tăng trưởng thay vì quá chú trọng nhằm tăng trưởng nhanh trước đây. Điều chỉnh chính sách đầu tư cho cơ sở hạ tầng theo hướng thu hút nhiều hơn đầu tư tư nhân thông qua các chính sách ưu đãi đầu tư, BT, BOT, PPP,... Thu hút mạnh mẽ đầu tư của tư nhân vào khâu sản xuất điện nhằm đẩy nhanh thị trường điện.

Tăng hiệu quả quản lý nhà nước là giải pháp then chốt để nâng cao chất lượng tăng trưởng, trong đó tăng cường nhận thức của các cấp lãnh đạo từ trung ương đến địa phương, ngành về sự cần thiết của nâng cao chất lượng tăng trưởng; nhanh chóng đổi mới phương pháp, quy trình hoạch định chính sách theo hướng thống nhất một mục tiêu, minh bạch hóa, chuyên nghiệp hóa và có căn cứ khoa học; phân cấp đầu tư cho các địa phương phải đi kèm với cơ chế thực hiện; phân cấp cho các địa phương phải đi đôi với thay đổi phương pháp đánh giá cán bộ từ chỗ quá chú trọng đến các chỉ tiêu tăng trưởng, đầu tư sang đánh giá theo chỉ tiêu tăng trưởng năng suất lao động, hiệu quả, chất lượng đầu tư gắn với giải quyết việc làm và tăng phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường; tăng năng lực của bộ máy hành chính theo hướng “ít nhưng có chuyên môn và có tính chuyên nghiệp cao”.

Đổi mới cơ chế thực hiện quyền chủ sở hữu tại DNNN, nâng cao chất lượng quản trị và cải thiện hiệu quả hoạt động của DNNN. Thúc đẩy quá trình sắp xếp lại, cổ phần hoá và tái cấu trúc các DNNN. Tiếp tục chuyển đổi tất cả các DNNN sang công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần được quản trị và hoạt động theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp. Đặc biệt, thực hiện cổ phần hoá, niêm yết một số DNNN lớn trong lĩnh vực viễn thông và sản xuất nước có ga như Viettel, Mobifone, Habeco, Sabeco. Tính đúng, tính đủ chi phí kinh doanh, đặc biệt quyền sử dụng đất và chi phí vốn.

Rà soát và đánh giá hiệu quả mô hình Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty mẹ- công ty con trong thời gian vừa qua. Thực hiện rà soát và tái cấu trúc một số DNNN có vấn đề trong quản trị theo các phát hiện và kiến nghị của Kiểm toán nhà nước để làm hình mẫu cho cải cách quản trị ở các DNNN khác. Công khai hoá và minh bạch hoá thông tin về các Tổng công ty (TCT), Tập đoàn kinh tế nhà nước. Đưa yêu cầu cải cách quản trị chiến lược (bên cạnh quản trị tổ chức) vào nội dung các đề án, chiến lược thành lập Tập đoàn, TCT nhà nước. Thúc đẩy tái cơ cấu, thực hiện sáp nhập & mua lại các TCT, công ty thành viên Tập đoàn kinh tế nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và kinh doanh. Thực hiện thủ tục



phá sản, giải thể đối với các DNNN thua lỗ.

Nghiên cứu đổi mới cơ chế quyền chủ sở hữu nhà nước. Đánh giá cơ chế hiện hành, xây dựng phương án mô hình thực hiện quyền chủ sở hữu (CSH) nhà nước thống nhất, nếu cần thiết. Nghiên cứu các phương án cổ phần hoá đối với các DNNN cung cấp hàng hoá thiết yếu, cơ sở hạ tầng như điện, nước, than, xăng dầu, cảng biển, hàng không. Thực hiện cơ chế giá trị trường đối với giá các mặt hàng thiết yếu.

Tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy gia tăng về số lượng và chất lượng quản trị, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp khu vực tư nhân. Theo dõi và đánh giá tác động của cuộc khủng hoảng lạm phát hiện nay đối với hoạt động của các doanh nghiệp khu vực tư nhân đặc biệt là các DNNVV, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn và thúc đẩy tái cấu trúc các DN khu vực tư nhân.

Rà soát, đánh giá toàn diện hệ thống chính sách, các quỹ khuyến khích đầu tư, khởi nghiệp và ứng dụng KH-CN vào sản xuất của các DNNVV trong thời gian qua trên thực tế. Đặc biệt, có thể lấy năm 2012 làm trọng điểm cải cách sâu rộng hệ thống các cơ quan và chính sách hỗ trợ đào tạo lao động, học tập kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực này, chẳng hạn của Singapore, xây dựng mối quan hệ mang tính cung- cầu, kết hợp hài hoà giữa yếu tố thị trường và hàng hoá công giữa người lao động- doanh nghiệp – đơn vị đào tạo – chính phủ. Xây dựng bộ quy tắc quản trị công ty sở hữu tư nhân, bộ quy tắc trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; tuyên truyền, vận động và có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp áp dụng.

Đánh giá tác động của các cam kết hội nhập, cụ thể là hai đợt giảm 3000 dòng thuế năm 2012 và giảm thuế xuống 0-5% đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc vào năm 2015 đối với các doanh nghiệp khu vực tư nhân, đặc biệt là DNNVV.

Rà soát lại các chính sách đầu tư nước ngoài, xây dựng Chiến lược thu hút ĐTNN theo định hướng chọn lọc, nâng cao hiệu quả đầu tư, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Đánh giá và phân tích thực trạng thu hút ĐTNN đạt thấp trong 2 năm 2009- 2010. Xây dựng Chiến lược thu hút ĐTNN theo định hướng chọn lọc, nâng cao hiệu quả đầu tư, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Thúc đẩy công khai, minh bạch, chống hiện tượng chuyển giá, trốn thuế của nhiều doanh nghiệp ĐTNN. Nghiên cứu cơ chế chính sách tăng cường hiệu ứng ‘tràn’ của các doanh nghiệp ĐTNN đối với doanh nghiệp trong nước, phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ có tính liên kết giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Rà soát và xây dựng các chính sách đối với hoạt động góp vốn, đầu tư trực tiếp của nhà ĐTNN vào các doanh nghiệp trong nước, các hạn chế, rào cản của cam kết hội nhập.

#### **4. Nâng cao chất chẽ công tác quy hoạch và dự báo phát triển kinh tế - xã hội**

Khẩn trương hoàn thiện cơ sở pháp lý về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; nghiên cứu xây dựng trình Quốc hội ban hành Luật Quy hoạch.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và có cơ chế, chính sách phù hợp để các vùng trong cả nước cùng phát triển, phát huy lợi thế của từng vùng, tạo sự liên kết giữa các vùng. Khẩn trương triển khai hoàn thiện quy hoạch đến năm 2020 của các vùng kinh tế - xã hội, các vùng kinh tế trọng điểm, các hành lang, vành đai kinh tế; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

#### **5. Đổi mới thể chế, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước**

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020. Trong đó, cải cách hành chính gắn kết chặt chẽ với việc xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Tiến hành sửa đổi Hiến pháp. Đồng thời, cải cách hành chính đi kèm với cải cách bộ máy nhà nước. Rà soát, hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương, bảo đảm quản lý thống nhất của Trung ương và phát huy chủ động, sáng tạo, sát thực tế của địa phương và cơ sở; gắn phân cấp với tăng cường kiểm tra, giám sát của cấp trên và chịu trách nhiệm của cấp dưới, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu.

Tiếp tục triển khai thực hiện thí điểm chính sách phát hiện, thu hút, bố trí và đãi ngộ người tài năng trong công vụ. Nâng cao chất lượng tham vấn người dân và doanh nghiệp trong các hoạt động cải cách thủ tục hành chính.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách để tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi; đơn giản hoá quy trình đăng ký thành lập và giải thể doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh rà soát, kiểm tra các chủ đầu tư dự án tuân thủ và thực hiện các nội dung được cấp chứng nhận đầu tư để thu hồi hoặc chuyển những dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư nhưng chậm triển khai hoặc chủ đầu tư không đủ năng lực cho chủ đầu tư khác có năng lực.

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện kiên quyết và đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, tập trung vào các giải pháp phòng ngừa, tăng cường tính công khai, minh bạch.

Tiếp tục nâng cao chất lượng phân tích và dự báo tình hình trong nước và quốc tế, đặc biệt là những biến động về tình hình kinh tế, tài chính thế giới. Chủ động xây dựng các phương án ứng phó với các tác động của tình hình kinh tế thế

giới tới kinh tế nước ta trong mọi tình huống.

6. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến kịp thời chính sách của Đảng và Nhà nước đến người dân. Các cấp, các ngành có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin chính thức cho các cơ quan báo chí truyền thông, bảo đảm thông tin chính xác, đầy đủ, minh bạch, góp phần tạo đồng thuận trong tất cả các ngành, các cấp và toàn dân nỗ lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch Nhà nước đã đề ra.

## **VI. TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2012**

Các nội dung phân công, quy trình, tiến độ và nhiệm vụ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2012 của các bộ, ngành, địa phương được thực hiện theo Chỉ thị số 922/CT-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2012.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính gửi văn bản hướng dẫn đến các bộ, ngành và địa phương về Khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2012.

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương, các địa phương căn cứ vào Chỉ thị số 922/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các tài liệu hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và tình hình cụ thể của bộ, ngành, địa phương, chủ động xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển, trong đó có đầu tư bằng nguồn vốn NSNN, trái phiếu Chính phủ,... và dự toán ngân sách nhà nước năm 2012 và gửi báo cáo đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Kiểm toán Nhà nước trước ngày 20 tháng 7 năm 2011

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính dự kiến phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thuộc NSNN và chi đầu tư phát triển của ngân sách trung ương cho các bộ, cơ quan trung ương và số bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện các chương trình, dự án quan trọng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổng hợp toàn bộ phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thuộc NSNN và các nguồn vốn khác của Nhà nước báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội quyết định./.



**HỆ THỐNG MẪU BIỂU**

**XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2012  
CỦA CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG**

*(Kèm theo công văn số 4106 /BKHT-TH ngày 4 tháng 6 năm 2011)*

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

Biểu số 1

## CÁC CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	TH 6 tháng năm 2011	Ước TH năm 2011	Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
								Ước TH 2011/ TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
1	<b>Tổng giá trị sản xuất (Theo giá cố định 1994)</b>								
	<i>Chia theo ngành:</i>								
a)	<i>Nông nghiệp:</i>	<i>Tỷ đồng</i>							
	- Trồng trọt	"							
	- Chăn nuôi	"							
	- Dịch vụ	"							
b)	<i>Lâm nghiệp:</i>	"							
	- Trồng và nuôi rừng	"							
	- Khai thác gỗ và lâm sản	"							
c)	<i>Thủy sản</i>	"							
	- Nuôi trồng	"							
	- Khai thác	"							
2	<b>Tổng giá trị gia tăng (theo giá cố định năm 1994)</b>	<b>Tỷ đồng</b>							
	<i>Chia theo ngành:</i>								
	- Nông nghiệp	"							
	- Lâm nghiệp	"							
	- Thủy sản	"							
3	<b>Diện tích, sản lượng một số cây trồng chủ yếu</b>								
a)	<i>Lúa cả năm:</i>								
	- Năng suất	Tạ/ha							
	- Sản lượng	Nghìn tấn							
b)	<i>Ngô:</i>								
	- Năng suất	Tạ/ha							
	- Sản lượng	Nghìn tấn							
c)	<i>Mía:</i>								
	- Năng suất	Tạ/ha							
	- Sản lượng	Nghìn tấn							
d)	<i>Cây lâu năm:</i>								
	- Sản lượng cà phê nhân	Nghìn tấn							
	- Sản lượng chè	Nghìn tấn							
	- Cao su	Nghìn tấn							
	- Hồ tiêu	Nghìn tấn							
	- Điều	Nghìn tấn							
e)	<i>Cây ăn quả:</i>								

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	TH 6 tháng năm 2011	Ước TH năm 2011	Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
								Ước TH 2011/ TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
<b>4</b>	<b>Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu</b>								
	- Thịt hơi các loại	Nghìn tấn							
	<i>Tr. đó:</i> Thịt lợn	"							
	- Sữa tươi	"							
<b>5</b>	<b>Lâm nghiệp</b>								
a)	<i>Lâm sinh</i>								
	- Khoán và bảo vệ rừng	Nghìn ha							
	- Khoanh nuôi rừng tái sinh	"							
	- Trồng rừng tập trung	"							
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Rừng phòng hộ đặc dụng	"							
	+ Rừng sản xuất	"							
	- Trồng cây phân tán	"							
	- Chăm sóc rừng trồng	"							
b)	<i>Khai thác gỗ</i>								
	- Tổng số gỗ khai thác	Nghìn m3							
	<i>Trong đó</i>								
	+ Gỗ tự nhiên	"							
	+ Gỗ rừng trồng	"							
<b>6</b>	<b>Diêm nghiệp</b>								
	- Sản lượng muối sản xuất	Nghìn tấn							
	<i>Tr. đó:</i> Muối công nghiệp	"							
<b>7</b>	<b>Thủy sản</b>								
	<i>Sản lượng</i>								
	- Sản lượng khai thác	Nghìn tấn							
	- Sản lượng nuôi trồng	"							
	<i>Tr. đó:</i> + Cá nuôi	"							
	+ Tôm nuôi	"							
<b>8</b>	<b>Phát triển nông thôn</b>								
	- Số xã chưa có điện thoại đến xã	Xã							
	- Số xã chưa có điện lưới	"							
	- Số xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã	"							
	- Tỷ lệ số dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ	%							



Biểu số 2

CÁC CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	TH 6 tháng năm 2011	Ước TH năm 2011	Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
								Ước TH 2011/ TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
1	<b>Tổng giá trị sản xuất (Theo giá cố định 1994)</b>	Tỷ đồng							
A	<b>Giá trị sản xuất ngành công nghiệp</b>								
	<i>Chia theo ngành</i>								
	- CN khai thác mỏ	"							
	- CN chế biến	"							
	- CN sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước								
	<i>Theo thành phần kinh tế</i>								
	- Thuế sử dụng đất nông								
	- Khu vực nhà nước	"							
	- Khu vực ngoài nhà nước	"							
	- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	"							
	<b>Giá trị sản xuất ngành xây dựng</b>								
2	<b>Tổng giá trị tăng thêm (Theo giá cố định 1994)</b>	Tỷ đồng							
	<b>Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp</b>								
	<i>Chia theo ngành</i>								
	- CN khai thác mỏ	"							
	- CN chế biến	"							
	- CN sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước								
	<b>Giá trị tăng thêm ngành xây dựng</b>								
3	<b>Sản phẩm công nghiệp chủ yếu</b>								
	- Điện sản xuất	Tỷ Kwh							
	- Dầu thô khai thác (cả khí)	Triệu tấn							
	Trong đó: Dầu thô	Triệu tấn							
	- Than sạch	Triệu tấn							
	- Xi măng	"							
	- Thép cán các loại (dài,	"							
	- Phân hóa học (đạm, lân, DAP)	Triệu tấn							
	- Giấy bìa các loại	Nghìn tấn							
	- Vải dệt từ sợi bông	Triệu m2							
	- Vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo	Triệu m2							

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	TH 6 tháng năm 2011	Ước TH năm 2011	Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
								Ước TH 2011/ TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
	- Bia	Triệu lít							
	- Giấy dếp các loại	Triệu đôi							
	- Sữa bột	Nghìn tấn							
	- .....								

www.LuatVietnam.vn

Biểu số 3

CÁC CHỈ TIÊU VỀ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	TH 6 tháng năm 2011	Ước TH năm 2011	Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
								Ước TH 2011/ TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
<b>I</b>	<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	Triệu USD							
<b>A</b>	Trong đó: Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Triệu USD							
	<i>Mặt hàng XK chủ yếu:</i>								
	- Gạo	Triệu tấn							
	- Cà phê	Nghìn tấn							
	- Cao su	Nghìn tấn							
	- Hạt điều	Triệu USD							
	- Thuế sử dụng đất nông								
	- Hạt tiêu	Triệu USD							
	- Hàng thủy sản	Triệu USD							
	- Hàng dệt may	Triệu USD							
	- Hàng giày dép	Triệu USD							
	- Hàng điện tử và linh kiện điện tử	Triệu USD							
	- Dầu thô	Triệu tấn							
	- Than đá	Triệu tấn							
	- Gỗ và sản phẩm gỗ	Triệu USD							
<b>II</b>	<b>Kim ngạch nhập khẩu</b>	Triệu USD							
	Trong đó: Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Triệu USD							
	<i>Mặt hàng NK chủ yếu:</i>								
	- Xăng dầu	Triệu tấn							
	- Thép thành phẩm	Triệu tấn							
	- Phôi thép	Triệu tấn							
	- Vải	Triệu USD							
	- Nguyên phụ liệu dệt, may, da	Triệu USD							
	- Tân dược	Triệu USD							
	- Linh kiện ô tô	Triệu USD							



TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	TH 6 tháng năm 2011	Ước TH năm 2011	Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
								Ước TH 2011/ TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
	- Linh kiện xe máy	Triệu USD							
	- Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng,...	Triệu USD							
	- Linh kiện điện tử, máy tính	Triệu USD							
	- Phân U-rê	Triệu USD							
<b>III</b>	<b>Chênh lệch XK-NK</b>	Triệu USD							
	- So với xuất khẩu	%							

www.LuatVietnam.vn

Biểu số 4

CÁC CHỈ TIÊU VỀ DỊCH VỤ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	TH 6 tháng năm 2011	Ước TH năm 2011	Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
								Ước TH 2011/ TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
<b>I</b>	<b>TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ</b>	Nghìn tỷ đồng							
<b>A</b>	<i>Trong đó:</i>								
	- Khu vực kinh tế nhà nước	"							
	- Khu vực ngoài quốc doanh trong nước	"							
	- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	"							
<b>II</b>	<b>VẬN TẢI</b>								
<b>1</b>	<b>Vận tải hàng hoá</b>								
	- Thuế sử dụng đất nông								
	- Khối lượng hàng hoá vận chuyển	Triệu tấn							
	- Khối lượng hàng hoá luân chuyển	Tỷ T.Km							
	<i>Trong đó:</i>	"							
<b>a)</b>	<b>Vận tải trong nước:</b>								
	- Khối lượng hàng hoá vận chuyển	Triệu tấn							
	- Khối lượng hàng hoá luân chuyển	Tỷ T.Km							
<b>b)</b>	<b>Vận tải ngoài nước:</b>								
	- Khối lượng hàng hoá vận chuyển	Triệu tấn							
	- Khối lượng hàng hoá luân chuyển	Tỷ T.Km							
<b>2</b>	<b>Vận tải hành khách</b>								
	- Khối lượng hành khách vận chuyển	Triệu HK							
	- Khối lượng hành khách luân chuyển	Triệu HK.Km							
<b>III</b>	<b>BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG</b>								
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu toàn ngành</b>	Tỷ đồng							
	<i>Chia ra:</i>								
	- Dịch vụ bưu chính	"							
	- Dịch vụ viễn thông	"							
	- Dịch vụ cáp, âm thanh, truyền hình	"							
	- Dịch vụ khác	"							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	TH 6 tháng năm 2011	Ước TH năm 2011	Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
								Ước TH 2011/ TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
<b>2</b>	<b>Các chỉ tiêu chủ yếu:</b>								
	- Số điểm bưu điện văn hóa xã	điểm							
	- Bán kính phục vụ	km/điểm							
	- Tổng số máy điện thoại	máy							
	Trong đó: Cố định	máy							
	- Số điện thoại/100 dân	máy							
	- Tỷ lệ xã có điện thoại	%							
	- Số thuê bao sử dụng Internet băng rộng	Triệu thuê bao							
	- Số thuê bao internet/100 dân	Thuê bao							
	- Số đơn vị có trang tin điện tử riêng	Đơn vị							
	- Số đơn vị có giao dịch thương mại điện tử ở mức độ hoàn chỉnh	Đơn vị							
	- .....								
<b>IV</b>	<b>DU LỊCH</b>								
<b>1</b>	Số lượt khách du lịch quốc tế	Triệu lượt người							
<b>2</b>	Số lượt khách du lịch nội địa	Triệu lượt người							
	~.....								



Biểu số 5

## THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chi tiêu	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	TH 6 tháng năm 2011	Ước TH năm 2011	Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
							Ước TH 2011/ TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
<b>A</b>	<b>TỔNG THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>							
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>							
	<i>Trong đó:</i>							
	- Thu từ kinh tế quốc doanh							
	- Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô)							
	- Thuế công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh							
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp							
	- Thuế thu nhập cá nhân							
	- Lệ phí trước bạ							
	- Thu phí xăng, dầu							
	- Các loại phí, lệ phí							
	- Các khoản thu về nhà, đất:							
	+ Thuế nhà đất							
	+ Thu tiền thuê đất							
	+ Thu tiền sử dụng đất							
	+ Thu bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước							
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>							
<b>III</b>	<b>Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>							
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu							
	- Thuế xuất khẩu, nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu							
	- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu							
2	Hoàn thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu							
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>							
<b>B</b>	<b>Thu sở xố kiến thiết</b>							
<b>C</b>	<b>TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>							
	<i>Trong đó:</i>							
1	Chi đầu tư phát triển							

TT	Chi tiêu	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	TH 6 tháng năm 2011	Ước TH năm 2011	Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
							Ước TH 2011/ TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
	Trong đó							
	- Chi giáo dục, đào tạo, dạy nghề							
	- Chi khoa học - công nghệ							
<b>2</b>	<b>Chi thường xuyên</b>							
	- Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo							
	- Chi sự nghiệp y tế							
	- Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ							
	- Chi sự nghiệp văn hoá thông tin							
	- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình							
	- Chi sự nghiệp thể dục, thể thao							
	- Chi lương hưu và bảo đảm xã hội							
	- Chi sự nghiệp kinh tế							
	- Chi quản lý hành chính							
	- Chi trợ giá mặt hàng chính sách							
	- Chi khác							
<b>III</b>	<b>BỘI CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>							
<b>1</b>	<b>Tỷ lệ bội chi/GDP (%)</b>							
<b>2</b>	<b>Nguồn bù đắp</b>							
	- Vay trong nước							
	- Vay nước ngoài							

**Biểu số 6**  
**CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ**

*Đơn vị: triệu USD*

	<b>Thực hiện 2009</b>	<b>Thực hiện 2010</b>	<b>Kế hoạch 2011</b>	<b>Thực hiện 6 tháng năm 2011</b>	<b>Ước thực hiện 2011</b>	<b>Dự báo 2012</b>
<b>Cán cân thương mại</b>						
Xuất khẩu						
Nhập khẩu						
Nhập khẩu (giá CIF)						
<b>Dịch vụ</b>						
Thu						
Chi						
<b>Thu nhập đầu tư</b>						
Thu						
Chi						
<b>Chuyển tiền</b>						
Nhà nước						
Tư nhân						
<b>Cán cân vãng lai</b>						



	<b>Thực hiện 2009</b>	<b>Thực hiện 2010</b>	<b>Kế hoạch 2011</b>	<b>Thực hiện 6 tháng năm 2011</b>	<b>Ước thực hiện 2011</b>	<b>Dự báo 2012</b>
<b><u>Cán cân vốn</u></b>						
<b>Đầu tư trực tiếp nước ngoài</b>						
<i>Đầu tư vào</i>						
<i>Đầu tư ra</i>						
<b>Vay trả nợ trung dài hạn</b>						
Vay						
Trả đến hạn						
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Vay						
Trả đến hạn						
<b>Đầu tư vào giấy tờ có giá</b>						
<b>Tiền và tiền gửi</b>						
<b>Lỗi - sai số</b>						
<b><u>Cán cân tổng thể</u></b>						

**Biểu số 7**  
**MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ**

		Đơn vị	Thực hiện 2009	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	Thực hiện 6 tháng năm 2011	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012
<b>1</b>	<b>Tổng phương tiện thanh toán</b>	<b>Tỷ đồng</b>						
	<i>Tốc độ tăng so với cuối năm trước</i>	<i>%</i>						
<b>2</b>	<b>Tiền mặt lưu thông ngoài hệ thống ngân hàng</b>	<b>Tỷ đồng</b>						
	<i>Tốc độ tăng so với cuối năm trước</i>	<i>%</i>						
<b>3</b>	<b>Tổng số dư tiền gửi khách hàng</b>	<b>Tỷ đồng</b>						
	<i>Tốc độ tăng so với cuối năm trước</i>	<i>%</i>						
	Trong đó:							
	- Huy động vốn VNĐ	<b>Tỷ đồng</b>						
	<i>Tốc độ tăng so với cuối năm trước</i>	<i>%</i>						
	- Huy động vốn USD	<b>Tỷ đồng</b>						
	<i>Tốc độ tăng so với cuối năm trước</i>	<i>%</i>						
<b>4</b>	<b>Tổng dư nợ tín dụng</b>	<b>Tỷ đồng</b>						
	<i>Tốc độ tăng so với cuối năm trước</i>	<i>%</i>						
	Trong đó:							
	- Cho vay bằng VNĐ	<b>Tỷ đồng</b>						

		Đơn vị	Thực hiện 2009	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	Thực hiện 6 tháng năm 2011	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012
	<i>Tốc độ tăng so với cuối năm trước</i>	%						
	- Cho vay bằng USD	Tỷ đồng						
	<i>Tốc độ tăng so với cuối năm trước</i>	%						
<b>5</b>	<b>Tổng đầu tư cho nền kinh tế</b>							
	<i>Tốc độ tăng so với cuối năm trước</i>							
	Trong đó:							
	- Bằng VNĐ							
	<i>Tốc độ tăng so với cuối năm trước</i>							
	- Bằng USD							
	<i>Tốc độ tăng so với cuối năm trước</i>							
<b>6</b>	<b>Tổng dư nợ cho vay hỗ trợ lãi suất</b>	Tỷ đồng						
	Trong đó:							
	- Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng						
	- Công nghiệp và Xây dựng	Tỷ đồng						
	- Dịch vụ	Tỷ đồng						
<b>7</b>	<b>Số tiền cấp bù chênh lệch lãi suất</b>							



Biểu số 8

CÁC CHỈ TIÊU VỀ VĂN HÓA, THỂ THAO, PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	TH 6 tháng năm 2011	Ước TH năm 2011	Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
								Ước TH 2011/ TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
<b>I</b>	<b>VĂN HOÁ</b>								
	- Tổng số sách xuất bản	Triệu bản							
	<i>Tr.đó:</i> Sách giáo khoa phổ thông	"							
	- Tổng số báo chí xuất bản	"							
	- Số phim truyện sản xuất theo đơn đặt hàng	Bộ							
	- Số di tích được tu bổ	Di tích							
<b>II</b>	<b>THỂ THAO</b>								
<b>1</b>	Số vận động viên đào tạo trong Chương trình đào tạo Vận động viên tài năng Quốc gia	Người							
	Trong đó: - Số kiện tướng	Người							
	- Số vận động viên cấp I	Người							
<b>2</b>	Số vận động viên cấp cao	Người							
	Trong đó: - Số vận động viên trẻ	Người							
<b>III</b>	<b>PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH</b>								
<b>1</b>	Các chỉ tiêu giá trị (tính riêng cho Đài Truyền hình Việt Nam)								
	- Tổng doanh thu	Tỷ đồng							
	- Giá trị tăng thêm	"							
<b>2</b>	Các chỉ tiêu khác:								
	- Số giờ chương trình Đài Tiếng nói VN	Nghìn giờ							
	- Số giờ phát sóng Đài Tiếng nói Việt Nam	"							
	- Số giờ phát thanh bằng tiếng dân tộc	"							
	- Tỷ lệ hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam	%							
	- Số giờ chương trình Đài Truyền hình Việt Nam	Nghìn giờ							
	- Số giờ phát sóng Đài Truyền hình Việt Nam	"							
	- Tỷ lệ hộ xem được Đài Truyền hình Việt Nam	%							

Biểu số 9

CÁC CHỈ TIÊU VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	TH 6 tháng năm 2011	Ước TH năm 2011	Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
								Ước TH 2011/ TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
<b>I</b>	<b>GIÁO DỤC</b>								
	- Số học sinh mẫu giáo	Nghìn hs							
	- Số học sinh tiểu học	"							
	- Số học sinh trung học cơ sở	"							
	- Số học sinh trung học phổ thông	"							
	- Số tỉnh đạt chuẩn phổ cập THCS	Tỉnh							
	- Số tỉnh đạt chuẩn phổ cập THPT	"							
<b>II</b>	<b>ĐÀO TẠO</b>								
<b>1</b>	<b>Các chỉ tiêu tuyển mới</b>								
	- Tuyển mới đại học và cao đẳng chính quy	Nghìn người							
	<i>Tốc độ tăng so với năm trước</i>	%							
	- Tuyển mới trung cấp chuyên nghiệp	"							
	<i>Tốc độ tăng so với năm trước</i>	%							
	- Tuyển mới cao đẳng nghề và trung cấp nghề	"							
	<i>Tốc độ tăng so với năm trước</i>	%							
	- Tuyển mới đào tạo sau đại học	"							
	<i>Tốc độ tăng so với năm trước</i>	%							
<b>2</b>	<b>Các chỉ tiêu khác</b>								
	- Đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ	Nghìn người							
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%							

Biểu số 10

## CÁC CHỈ TIÊU VỀ DÂN SỐ, LAO ĐỘNG, Y TẾ, XÃ HỘI

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	TH 6 tháng năm 2011	Ước TH năm 2011	Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
								Ước TH 2011/ TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
<b>I</b>	<b>DÂN SỐ</b>								
	- Dân số trung bình	Triệu người							
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Dân số nông thôn	"							
	+ Dân số thành thị	"							
	- Mức giảm tỷ lệ sinh	%							
	- Tốc độ tăng dân số	%							
<b>II</b>	<b>LAO ĐỘNG</b>								
	- Tổng số người trong độ tuổi lao động	Triệu người							
	- Tổng số lao động làm việc động trong nền kinh tế quốc dân	"							
	- Cơ cấu lao động:								
	+ Công nghiệp	%							
	+ Nông nghiệp	"							
	+ Dịch vụ	"							
	- Số người được giải quyết việc làm	Triệu người							
	- Số lao động được đào tạo	"							
	- Tỷ lệ lao động đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo	%							
	- Tỷ lệ lao động thất nghiệp ở thành thị	"							
<b>III</b>	<b>Y TẾ, XÃ HỘI</b>								
	- Tổng cơ sở y tế	Cơ sở							
	<i>Tr. đó: Bệnh viện công</i>	"							
	<i>Bệnh viện tư</i>	"							
	- Số giường bệnh (không gồm giường trạm y tế xã)	Giường							
	<i>Tr. đó: Giường bệnh viện công</i>	"							
	<i>Giường bệnh viện tư</i>	"							



Biểu số 11

CÁC CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	TH 6 tháng năm 2011	Ước TH năm 2011	Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
								Ước TH 2011/ TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
A	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%							
2	Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch	%							
3	Tỷ lệ che phủ rừng	%							
4	Tỷ lệ khu đô thị có hệ thống xử lý nước thải, chất thải đạt tiêu chuẩn quy	%							
5	Tỷ lệ KCN, KCX có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn quy định	%							
6	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn ở đô thị	%							
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp								
7	Tỷ lệ chất thải rắn y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%							
8	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%							
9	Số lượng các khu bảo tồn thiên nhiên được thành lập và bảo tồn	khu							
10	Diện tích rừng ngập mặn được phục hồi	ha							
11	Số chương trình phát triển bền vững ngành và địa phương được xây dựng và thực hiện	Chương trình							

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN KẾ HOẠCH NĂM 2011 VÀ NHU CẦU NĂM 2012

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch năm 2011			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/06/2011			Ước khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011			Ước giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012			Nhu cầu kế hoạch năm 2012			Ghi chú								
					Số quyết định	TMBT			Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN			Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN						
						Tổng số	Trong đó: vốn ĐTPT nguồn NSNN			Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước			Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước
							Tổng số	Trong nước																												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35		
	<b>TỔNG SỐ (A+B)</b>																																			
<b>A</b>	<b>ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC (I+II)</b>																																			
	<b>I Chuẩn bị đầu tư</b>																																			
	<i>1 Ngành .....</i>																																			
	(1) Dự án ...																																			
	(2) Dự án ...																																			
	.....																																			
	<i>2 Ngành .....</i>																																			
	(1) Dự án ...																																			
	(2) Dự án ...																																			
	.....																																			
	<b>II Thực hiện dự án</b>																																			
	<i>1 Ngành .....</i>																																			
	<b>a Dự án nhóm A</b>																																			
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																																			
	(1) Dự án ...																																			
	(2) Dự án ...																																			
	.....																																			
	<i>Dự án khởi công mới</i>																																			
	(1) Dự án ...																																			
	(2) Dự án ...																																			
	.....																																			
	<b>b Dự án nhóm ...</b>																																			
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																																			
	(1) Dự án ...																																			

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch năm 2011				Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/06/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/06/2011			Ước khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011			Ước giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012			Nhu cầu kế hoạch năm 2012				Ghi chú					
					Số quyết định	TMDT			Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN			Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN									
						Tổng số	Trong đó: vốn ĐTPT nguồn NSNN			Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước							
							Tổng số	Trong nước																					Ngoài nước		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	
(2)	Dự án ...																																		
	<i>Dự án khởi công mới</i>																																		
(1)	Dự án ...																																		
(2)	Dự án ...																																		
2	Ngành .....																																		
a	<i>Dự án nhóm A</i>																																		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																																		
(1)	Dự án ...																																		
(2)	Dự án ...																																		
	<i>Dự án khởi công mới</i>																																		
(1)	Dự án ...																																		
(2)	Dự án ...																																		
b	<i>Dự án nhóm ...</i>																																		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																																		
(1)	Dự án ...																																		
(2)	Dự án ...																																		
	<i>Dự án khởi công mới</i>																																		
(1)	Dự án ...																																		
(2)	Dự án ...																																		
B	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU																																		
1	Chương trình .....																																		
	Dự án .....																																		
	.....																																		
2	Chương trình .....																																		
	Dự án .....																																		



TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch năm 2011					Khởi lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Ước khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011			Ước giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012			Nhu cầu kế hoạch năm 2012				Ghi chú			
					Số quyết định	TMDT			Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN			Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN		Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN		Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN		Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN		Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN								
						Tổng số	Trong đó: vốn ĐTPT nguồn NSNN			Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước		Ngoài nước	Tổng số		Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước		Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số		Trong nước	Ngoài nước	
							Tổng số	Trong nước																										Ngoài nước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35

**Giải thích thông tin ghi các cột:**

Cột (1) là số thứ tự

Cột (2) là danh mục các dự án cắt giảm, ngừng khởi công mới, đình hoãn, giãn tiến độ thực hiện, điều chuyển bổ sung sử dụng vốn ĐTPT nguồn NSNN kế hoạch năm 2011 phân theo các ngành, lĩnh vực hoặc chương trình

Cột (3) là địa điểm xây dựng

Cột (4) là năng lực thiết kế của dự án theo quyết định đầu tư được phê duyệt

Cột (5) là thời gian khởi công - hoàn thành dự án theo quyết định đầu tư

Cột (6) là số quyết định đầu tư, ghi rõ số, kí hiệu và ngày, tháng, năm ban hành (nếu có nhiều quyết định đầu tư đề nghị ghi đầy đủ tất cả các quyết định đầu tư)

Cột (7) là tổng mức đầu tư của dự án sử dụng nhiều nguồn vốn theo quyết định đầu tư được phê duyệt

Cột (8) là tổng số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN trong tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư được phê duyệt

Cột (9) là số vốn đầu tư phát triển nguồn vốn NSNN (phần vốn trong nước) trong tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư được phê duyệt

Cột (10) là số vốn đầu tư phát triển nguồn vốn NSNN (phần vốn ngoài nước) trong tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư được phê duyệt

Cột (11) là tổng số các nguồn vốn bố trí cho dự án trong kế hoạch năm 2011

Cột (12) là tổng số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN bố trí cho dự án trong kế hoạch năm 2011

Cột (13) là số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (phần vốn trong nước) bố trí cho dự án trong kế hoạch năm 2011

Cột (14) là số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (phần vốn ngoài nước) bố trí cho dự án trong kế hoạch năm 2011

Cột (15) là tổng số khối lượng thực hiện các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (16) là tổng số khối lượng thực hiện nguồn vốn NSNN kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (17) là khối lượng thực hiện nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (18) là khối lượng thực hiện nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (19) là tổng số giải ngân các vốn kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (20) là tổng số giải ngân vốn NSNN kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (21) là giải ngân vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (22) là giải ngân vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (23) là tổng số khối lượng thực hiện các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (24) là tổng số khối lượng thực hiện nguồn vốn NSNN kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (25) là khối lượng thực hiện nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (26) là khối lượng thực hiện nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (27) là tổng số giải ngân các vốn kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (28) là tổng số giải ngân vốn NSNN kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (29) là giải ngân vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (30) là giải ngân vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (31) là tổng số nhu cầu các nguồn vốn năm 2012

Cột (32) là tổng số nhu cầu vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2012

Cột (33) là nhu cầu vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (phần vốn trong nước) năm 2012

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch năm 2011				Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/06/2011			Ước khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011			Ước giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012			Nhu cầu kế hoạch năm 2012				Ghi chú						
					Số quyết định	TMDT			Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN			Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Tổng số		Trong đó: Đầu tư từ NSNN					
						Tổng số	Trong đó: vốn ĐTPT nguồn NSNN			Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước			Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước
							Tổng số	Trong nước																												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35		

Cột (34) là nhu cầu vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (phần vốn ngoài nước) năm 2012

Cột (35) là ghi chú các nội dung khác

www.LuatVietnam.vn

Biểu số 13

Bộ, ngành, tổng công ty ....

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN NSNN VÀ CÁC NGUỒN VỐN KHÁC CÓ THUỘC TÍNH NSNN KẾ HOẠCH NĂM 2011 VÀ NHU CẦU NĂM 2012

Đơn vị: Tỷ đồng

TT		Kế hoạch năm 2011			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012			Nhu cầu kế hoạch 2012			Ghi chú
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	<b>TỔNG SỐ</b>																			
<b>A</b>	<b>ĐẦU TƯ TỪ NSNN (I+II+III)</b>																			
<b>I</b>	<b>Các khoản chi chung</b>																			
1	Bổ sung các Quỹ xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch																			
2	Góp vốn cổ phần các tổ chức tài chính quốc tế																			
3	Bổ sung vốn cho các doanh nghiệp công ích																			
4	Bù lãi suất tín dụng đầu tư và tín dụng chính sách xã hội																			
5	Chi bổ sung dự trữ nhà nước																			
6	Cho vay chính sách																			
	- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn																			
	- Nhà ở cho người nghèo																			
	- Cho vay hộ đồng bào nghèo vùng Đông bằng Sông Cửu Long																			
7	Lợi nhuận để lại đầu tư của Tập đoàn Dầu khí																			
(1)	Dự án .....																			
(2)	Dự án .....																			
	.....																			

TT		Kế hoạch năm 2011			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012			Nhu cầu kế hoạch 2012			Ghi chú
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
II	<b>Đầu tư theo ngành, lĩnh vực</b>																			
1	Vốn chuẩn bị đầu tư																			
2	Vốn thực hiện dự án																			
III	<b>Các chương trình mục tiêu quốc gia, các khoản hỗ trợ có mục tiêu</b>																			
B	<b>Đầu tư từ quảng cáo truyền hình</b>																			
I	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>																			
II	<i>Thực hiện dự án</i>																			
a	Dự án nhóm A																			
(1)	Dự án ...																			
(2)	Dự án ...																			
b	Dự án nhóm B																			
c	Dự án nhóm C																			
C	<b>Đầu tư từ vốn ngành bảo hiểm xã hội</b>																			
I	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>																			
II	<i>Thực hiện dự án</i>																			
a	Dự án nhóm A																			
(1)	Dự án ...																			
(2)	Dự án ...																			
b	Dự án nhóm B																			
c	Dự án nhóm C																			

**Giải thích thông tin ghi các cột:**

- Đối với các dự án nhóm A đề nghị báo cáo cụ thể từng dự án, đối với các dự án nhóm B, C chỉ cần báo cáo tổng hợp về tất cả các dự án
- Cột (3) là tổng số vốn ĐTPT kế hoạch 2011 theo quyết định giao kế hoạch đầu năm
- Cột (4) là vốn ĐTPT trong nước kế hoạch 2011 theo quyết định giao kế hoạch đầu năm
- Cột (5) là vốn ĐTPT nước ngoài kế hoạch 2011 theo quyết định giao kế hoạch đầu năm
- Cột (6) là tổng số khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (7) là khối lượng thực hiện phần vốn trong nước từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (8) là khối lượng thực hiện phần vốn nước ngoài từ 01/01/2011 đến 30/6/2011



TT		Kế hoạch năm 2011			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012			Nhu cầu kế hoạch 2012			Ghi chú
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21

- Cột (9) là tổng số giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (10) là giải ngân phần vốn trong nước từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (11) là giải ngân phần vốn nước ngoài từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (12) là tổng số khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011
- Cột (13) là khối lượng thực hiện phần vốn trong nước từ 01/01/2011 đến 31/12/2011
- Cột (14) là khối lượng thực hiện phần vốn nước ngoài từ 01/01/2011 đến 31/12/2011
- Cột (15) là tổng số giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012
- Cột (16) là giải ngân phần vốn trong nước từ 01/01/2011 đến 31/01/2012
- Cột (17) là giải ngân phần vốn nước ngoài từ 01/01/2011 đến 31/01/2012
- Cột (18) là tổng số nhu cầu vốn năm 2012
- Cột (19) là nhu cầu vốn trong nước năm 2012
- Cột (20) là nhu cầu vốn ngoài nước năm 2012
- Cột (21) là ghi chú các nội dung khác

www.LuatVietnam.vn

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN NHÓM A SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN NSNN KẾ HOẠCH NĂM 2011 VÀ NHU CẦU NĂM 2012**

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch năm 2011				Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Ước khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 đến 31/12/2011			Ước giải ngân kế hoạch năm 2011 đến 31/01/2012			Nhu cầu KH năm 2012			Ghi chú					
					Số quyết định	TMBT			Trong đó: Đầu tư từ NSNN			Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Trong đó: Đầu tư từ NSNN										
						Tổng số	Trong đó: vốn ĐTPT nguồn NSNN		Tổng số	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	
							Tổng số	Trong nước																										Ngoài nước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
<b>TỔNG SỐ</b>																																		
<b>I Ngành/Chương trình .....</b>																																		
1 Dự án ...																																		
2 Dự án ...																																		
.....																																		
<b>II Ngành/Chương trình .....</b>																																		
1 Dự án ...																																		
2 .....																																		
.....																																		

**Giải thích thông tin ghi các cột:**

- Cột (1) là số thứ tự
- Cột (2) là danh mục các công trình, dự án nhóm A
- Cột (3) là địa điểm xây dựng
- Cột (4) là năng lực thiết kế của dự án
- Cột (5) là thời gian khởi công - hoàn thành theo quyết định đầu tư
- Cột (6) là số quyết định đầu tư, ghi rõ số, kí hiệu và ngày, tháng, năm ban hành (nếu có nhiều quyết định đầu tư để nghị ghi đầy đủ tất cả các quyết định đầu tư)
- Cột (7) là tổng mức đầu tư của dự án sử dụng nhiều nguồn vốn theo quyết định đầu tư được phê duyệt
- Cột (8) là tổng số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN trong tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư được phê duyệt
- Cột (9) là số vốn đầu tư phát triển nguồn vốn NSNN (phần vốn trong nước) trong tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư được phê duyệt
- Cột (10) là số vốn đầu tư phát triển nguồn vốn NSNN (phần vốn ngoài nước) trong tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư được phê duyệt
- Cột (11) là tổng số các nguồn vốn bố trí cho dự án trong kế hoạch năm 2011
- Cột (12) là tổng số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN bố trí cho dự án trong kế hoạch năm 2011
- Cột (13) là số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (phần vốn trong nước) bố trí cho dự án trong kế hoạch năm 2011
- Cột (14) là số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (phần vốn ngoài nước) bố trí cho dự án trong kế hoạch năm 2011
- Cột (15) là tổng số khối lượng thực hiện các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (16) là tổng số khối lượng thực hiện nguồn vốn NSNN kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (17) là khối lượng thực hiện phần vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (18) là khối lượng thực hiện phần vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (19) là tổng số giải ngân các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (20) là tổng số giải ngân nguồn vốn NSNN kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch năm 2011			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/06/2011			Ước khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 đến 31/12/2011			Ước giải ngân kế hoạch năm 2011 đến 31/01/2012			Nhu cầu KH năm 2012			Ghi chú								
					Số quyết định	TMĐT			Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN			Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN						
						Tổng số	Trong đó: vốn ĐTPT nguồn NSNN			Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước			Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước
							Tổng số	Trong nước																												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35		

Cột (21) là giải ngân phần vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (22) là giải ngân phần vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (23) là tổng số khối lượng thực hiện các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (24) là tổng số khối lượng thực hiện nguồn vốn NSNN kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (25) là khối lượng thực hiện phần vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (26) là khối lượng thực hiện phần vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (27) là tổng số giải ngân các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (28) là tổng số giải ngân nguồn vốn NSNN kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (29) là giải ngân phần vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (30) là giải ngân phần vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (31) là tổng nhu cầu các nguồn vốn năm 2012

Cột (32) là nhu cầu vốn NSNN năm 2012

Cột (33) là nhu cầu phần vốn NSNN trong nước năm 2012

Cột (34) là nhu cầu phần vốn NSNN nước ngoài năm 2012

Cột (35) là ghi chú các nội dung khác

www.LuatVietnam.vn





## CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ DỰ ÁN LỚN

STT	Tên chương trình mục tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	Thực hiện đến 30/6/2011	Ước thực hiện đến 31/12/2011	Kế hoạch năm 2012	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Chương trình MTQG Giảm nghèo							
	- Chỉ tiêu							
	- Chỉ tiêu							
	...							
II	Chương trình MTQG Việc làm							
	- Chỉ tiêu							
	- Chỉ tiêu							
	...							
III	Chương trình MTQG nước sạch và VSMT nông thôn							
	- Chỉ tiêu							
	- Chỉ tiêu							
	...							
IV	Chương trình MTQG Phòng chống HIV/AIDS							
	- Chỉ tiêu							
	- Chỉ tiêu							
	...							
V	Chương trình MTQG Vệ sinh an toàn thực phẩm							
	- Chỉ tiêu							
	- Chỉ tiêu							
	...							
VI	Chương trình MTQG Văn hóa							
	- Chỉ tiêu							
	- Chỉ tiêu							
	...							
VII	Chương trình MTQG Giáo dục đào tạo							
	- Chỉ tiêu							
	- Chỉ tiêu							
	...							
VIII	Chương trình MTQG Phòng chống tội phạm							
	- Chỉ tiêu							
	- Chỉ tiêu							
	...							
IX	Chương trình MTQG phòng chống ma túy							
	- Chỉ tiêu							
	- Chỉ tiêu							
	...							
X	Chương trình MTQG sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả							
	- Chỉ tiêu							
	- Chỉ tiêu							
	...							

XI	Chương trình MTQG Ứng phó với biến đổi khí hậu							
	- Chỉ tiêu							
	- Chỉ tiêu							
	...							
XII	Chương trình MTQG Y tế							
	- Chỉ tiêu							
	- Chỉ tiêu							
	...							
XII	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới							
	- Chỉ tiêu							
	- Chỉ tiêu							
	...							
XIII	Chương trình MTQG Dân số và Kế hoạch hóa Gia đình							
	- Chỉ tiêu							
	- Chỉ tiêu							
	...							
XIV	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới							
	- Chỉ tiêu							
	- Chỉ tiêu							
	...							
XV	Chương trình MTQG đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo							
	- Chỉ tiêu							
	- Chỉ tiêu							
	...							

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA KẾ HOẠCH NĂM 2011 VÀ NHU CẦU NĂM 2012**

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Danh mục chương trình	Kế hoạch năm 2011				Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011				Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011				Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011				Giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012				Nhu cầu năm 2012				Ghi chú						
		Tổng số	Trong đó: NSNN		Tổng số	Trong đó: NSNN		Tổng số	Trong đó: NSNN		Tổng số	Trong đó: NSNN		Tổng số	Trong đó: NSNN		Tổng số	Trong đó: NSNN		Tổng số	Trong đó: NSNN											
			ĐTPT			Sự nghiệp			ĐTPT			Sự nghiệp			ĐTPT			Sự nghiệp			ĐTPT		Sự nghiệp									
			Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33
	<b>TỔNG SỐ</b>																															
I	Chương trình MTQG Giảm nghèo																															
	Mục tiêu/Dự án ...																															
	Mục tiêu/Dự án ...																															
	.....																															
II	Chương trình MTQG Việc làm																															
	Mục tiêu/Dự án																															
	Mục tiêu/Dự án ..																															
	.....																															
III	Chương trình MTQG nước sạch và VSMT nông thôn																															
	.....																															
IV	Chương trình MTQG Phòng chống HIV/AIDS																															
	.....																															
V	Chương trình MTQG Vệ sinh an toàn thực phẩm																															
	.....																															
VI	Chương trình MTQG Văn hóa																															
	.....																															
VII	Chương trình MTQG Giáo dục đào tạo																															
	.....																															
VIII	Chương trình MTQG Phòng chống tội phạm																															
	.....																															
IX	Chương trình MTQG phòng chống ma túy																															
	.....																															

TT	Danh mục chương trình	Kế hoạch năm 2011					Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011				Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011				Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011				Giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012				Nhu cầu năm 2012				Ghi chú					
		Trong đó: NSNN					Trong đó: NSNN				Trong đó: NSNN				Trong đó: NSNN				Trong đó: NSNN													
		Tổng số	ĐTPT		Sự nghiệp		Tổng số	ĐTPT		Sự nghiệp		Tổng số	ĐTPT		Sự nghiệp		Tổng số	ĐTPT		Sự nghiệp		Tổng số	ĐTPT		Sự nghiệp			Tổng số	ĐTPT		Sự nghiệp	
			Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước			Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33
X	Chương trình MTQG sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả																															
XI	Chương trình MTQG Ứng phó với biến đổi khí hậu																															
XII	Chương trình MTQG Y tế																															
XIII	Chương trình MTQG Dân số và Kế hoạch hóa Gia đình																															
XIV	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới																															
XV	Chương trình MTQG đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo																															

**Giải thích thông tin ghi các cột:**

Cột (1) là số thứ tự

Cột (2) là tên chương trình mục tiêu quốc gia hoặc mục tiêu của chương trình mục tiêu quốc gia

Cột (3) là tổng số vốn của chương trình/mục tiêu kế hoạch năm 2011

Cột (4) là khối lượng thực hiện vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu

Cột (5) là số vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu

Cột (6) là số vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu

Cột (7) là số vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu

Cột (8) là tổng số khối lượng thực hiện các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (9) là khối lượng thực hiện vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (10) là khối lượng thực hiện vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (11) là khối lượng thực hiện vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (12) là khối lượng thực hiện vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (13) là tổng số giải ngân các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (14) là giải ngân vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (15) là giải ngân vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (16) là giải ngân vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (17) là giải ngân vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 30/6/2011



TT	Danh mục chương trình	Kế hoạch năm 2011						Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011				Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011				Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011				Giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012				Nhu cầu năm 2012				Ghi chú				
		Trong đó: NSNN						Trong đó: NSNN				Trong đó: NSNN				Trong đó: NSNN				Trong đó: NSNN												
		ĐTPT		Sự nghiệp		Tổng số	ĐTPT		Sự nghiệp		Tổng số	ĐTPT		Sự nghiệp		Tổng số	ĐTPT		Sự nghiệp		Tổng số	ĐTPT		Sự nghiệp		Tổng số	ĐTPT		Sự nghiệp			
		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		Trong nước		Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33

Cột (18) là tổng số khối lượng thực hiện các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (19) là khối lượng thực hiện vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (20) là khối lượng thực hiện vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (21) là khối lượng thực hiện vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (22) là khối lượng thực hiện vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (23) là tổng số giải ngân các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu từ 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (24) là giải ngân vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (25) là giải ngân vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (26) là giải ngân vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (27) là giải ngân vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (28) là tổng số nhu cầu từ các nguồn vốn của chương trình/mục tiêu năm 2012

Cột (29) là nhu cầu vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2012 của chương trình/mục tiêu

Cột (30) là nhu cầu vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN nước ngoài năm 2012 của chương trình/mục tiêu

Cột (31) là nhu cầu vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN trong nước năm 2012 của chương trình/mục tiêu

Cột (32) là nhu cầu vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN nước ngoài năm 2012 của chương trình/mục tiêu

Cột (33) là ghi chú các nội dung khác

www.LuatVietnam.vn

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA SỬ DỤNG VỐN ĐTPPT NGUỒN NSNN  
KẾ HOẠCH NĂM 2011 VÀ NHU CẦU NĂM 2012**

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2011		Khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011		Giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/06/2011		Ước khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011		Ước giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012		Nhu cầu năm 2012		Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN	
						Tổng số	Trong đó: vốn ĐTPPT nguồn NSNN													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
<b>TỔNG SỐ</b>																				
<b>I</b>	<b>Chương trình MTQG nước sạch và VSMT nông thôn</b>																			
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																			
1	Dự án ...																			
	<i>Trong đó:</i>																			
	- <i>Vốn trong nước</i>																			
	- <i>Vốn nước ngoài</i>																			
2	Dự án ...																			
	<i>Trong đó:</i>																			
	- <i>Vốn trong nước</i>																			
	- <i>Vốn nước ngoài</i>																			
	.....																			
	<i>Dự án khởi công mới</i>																			
1	Dự án ...																			
	<i>Trong đó:</i>																			
	- <i>Vốn trong nước</i>																			
	- <i>Vốn nước ngoài</i>																			
2	Dự án ...																			
	<i>Trong đó:</i>																			
	- <i>Vốn trong nước</i>																			
	- <i>Vốn nước ngoài</i>																			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2011		Khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011		Giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/06/2011		Ước khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011		Ước giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012		Nhu cầu năm 2012		Ghi chú
					Số quyết định	TMDT		Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN	
						Tổng số	Trong đó: vốn ĐTPT nguồn NSNN													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
II	Chương trình MTQG Việc làm																			
III	Chương trình MTQG Giảm nghèo																			
IV	Chương trình MTQG Phòng chống HIV/AIDS																			
V	Chương trình MTQG Vệ sinh an toàn thực phẩm																			
VI	Chương trình MTQG Văn hóa																			
VII	Chương trình MTQG Phòng chống tội phạm																			
VIII	Chương trình MTQG phòng chống ma túy																			
IX	Chương trình MTQG sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả																			
X	Chương trình MTQG Ứng phó với biến đổi khí hậu																			
XI	Chương trình MTQG Y tế																			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2011		Khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011		Giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/06/2011		Ước khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011		Ước giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012		Nhu cầu năm 2012		Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN	
						Tổng số	Trong đó: vốn ĐTPT nguồn NSNN													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
XII	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới																			
XIII	Chương trình MTQG đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo																			

**Giải thích thông tin ghi các cột:**

Cột (1) là số thứ tự

Cột (2) là danh mục dự án sử dụng vốn ĐTPT nguồn NSNN thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia

Cột (3) là địa điểm xây dựng

Cột (4) là năng lực thiết kế theo quyết định đầu tư

Cột (5) là thời gian khởi công - hoàn thành theo quyết định đầu tư

Cột (6) là số quyết định đầu tư, ghi rõ số, kí hiệu và ngày, tháng, năm ban hành (nếu có nhiều quyết định đầu tư đề nghị ghi đầy đủ tất cả các quyết định đầu tư)

Cột (7) là tổng mức đầu tư của dự án sử dụng nhiều nguồn vốn theo quyết định đầu tư được phê duyệt

Cột (8) là tổng số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN trong tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư được phê duyệt

Cột (9) là tổng số các nguồn vốn bố trí cho dự án trong kế hoạch năm 2011

Cột (10) là tổng số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN bố trí cho dự án trong kế hoạch năm 2011



Biểu số 19

NĂNG LỰC MỚI TĂNG THÊM

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Năng lực có đến cuối năm 2010	Năng lực tăng thêm năm 2011	Năng lực tăng thêm năm 2012
<b>A</b>	<b>LĨNH VỰC KINH TẾ</b>				
<b>1</b>	<b>Nông nghiệp</b>				
a)	Thuỷ lợi:				
	- Năng lực tưới	Nghìn ha			
	- Năng lực tiêu	"			
	- Năng lực ngăn mặn	"			
b)	Lâm nghiệp				
	- Diện tích rừng trồng mới	Nghìn ha			
<b>2</b>	<b>Công nghiệp</b>				
a)	Ngành điện (công suất đặt)				
	- Thuỷ điện	MW			
	- Nhiệt điện than	"			
	- Nhiệt điện dầu	"			
	- Nhiệt điện khí	"			
b)	Ngành than				
	- Than sạch khai thác	Triệu tấn			
c)	Phân hoá học				
	- Phân U-rê	Nghìn tấn			
	- Phân NPK, phân lân	"			
d)	Dầu thô khai thác	Triệu tấn			
e)	Khí đốt	Tỷ m <sup>3</sup>			
g)	Thép (thép cán dài)	Nghìn tấn			
h)	Xi măng	Triệu tấn			
i)	Giấy các loại	"			
k)	Vải lụa các loại	Triệu mét			
l)	Giày dép các loại	Triệu đôi			
<b>3</b>	<b>Giao thông vận tải</b>				
a)	Đường bộ				

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Năng lực có đến cuối năm 2010	Năng lực tăng thêm năm 2011	Năng lực tăng thêm năm 2012
	- Đường quốc lộ (làm mới, nâng cấp, cải tạo)	Km			
	- Đường địa phương (làm mới, nâng cấp)	"			
b)	Đường sắt				
	- Số km đường sắt được nâng cấp	Km			
c)	Đường sông				
	- Năng lực thông qua các cảng	Triệu tấn			
d)	Đường biển				
	- Năng lực thông qua các cảng	Triệu tấn			
e)	Hàng không				
	- Năng lực thông qua các cảng	Triệu HK			
<b>4</b>	<b>Thương mại, du lịch</b>				
	<i>Năng lực tăng thêm ngành du lịch</i>				
	- Số khách sạn từ 3 sao trở lên	Khách sạn			
	- Số phòng khách sạn	Phòng			
	- Số lượng khu vui chơi giải trí	Khu			
	- Số lượng di sản văn hóa, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh được công nhận.	Di tích, di sản			
	- Số lượng nhà hàng cao cấp	Nhà hàng			
	<i>Năng lực tăng thêm ngành thương mại</i>				
	- Số lượng chợ đầu mối	Chợ			
	- Số lượng siêu thị	Siêu thị			
<b>B</b>	<b>LĨNH VỰC XÃ HỘI</b>				
	- Công suất nước máy ngày đêm	Triệu m <sup>3</sup> /ngày			
	- Số bác sỹ	Nghìn bs			
	- Số trường đào tạo nghề	Trường			

Biểu số 20

Bộ/ngành.....

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ KẾ HOẠCH NĂM 2011 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2012**

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2010		Khối lượng thực hiện từ KC đến 31/12/2010		Giải ngân từ KC đến 31/01/2011		Kế hoạch năm 2011		Thực hiện từ 1/1/2011 đến 30/6/2011				Ước thực hiện cả năm 2011				Nhu cầu kế hoạch 2012		Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT	Trong đó: phân sử dụng TPCP	Số quyết định	TMĐT	Trong đó: phân sử dụng TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
<b>TỔNG SỐ</b>																													
<b>I</b>	Ngành.....																												
1	Dự án ...																												
2	Dự án ...																												
	.....																												
<b>II</b>	Ngành.....																												
1	Dự án ...																												
2	Dự án ...																												
	.....																												

Giải thích thông tin ghi các cột:

Cột (1) là số thứ tự

Cột (2) là tên các dự án, phân theo các ngành, lĩnh vực hoặc chương trình cụ thể

Cột (3) là địa điểm xây dựng

Cột (4) là năng lực thiết kế

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2010		Khối lượng thực hiện từ KC đến 31/12/2010		Giải ngân từ KC đến 31/01/2011		Kế hoạch năm 2011		Thực hiện từ 1/1/2011 đến 30/6/2011				Ước thực hiện cả năm 2011				Nhu cầu kế hoạch 2012		Ghi chú		
					Số quyết định	TMĐT	Trong đó: phần sử dụng TPCP	Số quyết định	TMĐT	Trong đó: phần sử dụng TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP		Tổng số	Trong đó: TPCP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30		

Cột (5) là thời gian khởi công - hoàn thành theo quyết định đầu tư

Cột (6) là số quyết định đầu tư ban đầu, ghi rõ số, kí hiệu và ngày, tháng, năm ban hành

Cột (7) là tổng mức đầu tư của dự án theo quyết định đầu tư ban đầu

Cột (8) là phần sử dụng vốn trái phiếu chính phủ (TPCP) trong tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư ban đầu

Cột (9) là số quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có), ghi rõ số, kí hiệu và ngày, tháng, năm ban hành (nếu điều chỉnh bằng nhiều quyết định đầu tư, ghi đầy đủ tất cả số quyết định đầu tư đã điều chỉnh)

Cột (10) là tổng mức đầu tư điều chỉnh (nếu có) cuối cùng của dự án

Cột (11) là phần sử dụng vốn trái phiếu chính phủ (TPCP) điều chỉnh cuối cùng (nếu có) trong tổng mức đầu tư (trong đó ghi chú rõ điều chỉnh tăng quy mô dự án là bao nhiêu so với tổng mức đầu tư ban đầu)

Cột (12) là lũy kế các nguồn vốn bố trí cho dự án đến 31/12/2010 (bao gồm số vốn ứng trước các năm sau chưa hoàn trả trong kế hoạch, nếu dự án được ứng trước ghi thêm số ứng trước vào cột ghi chú)

Cột (13) là lũy kế vốn TPCP bố trí cho dự án đến 31/12/2010 (bao gồm số vốn trái phiếu Chính phủ ứng trước các năm sau chưa hoàn trả trong kế hoạch, nếu dự án được ứng trước ghi cụ thể số vốn ứng trước vào cột ghi chú)

Cột (14) là khối lượng thực hiện dự án từ khởi công đến 31/12/2010

Cột (15) là khối lượng thực hiện phần sử dụng vốn TPCP từ khởi công đến 31/12/2010

Cột (16) là giải ngân các nguồn vốn từ khởi công đến 31/01/2011 (bao gồm cả giải ngân số vốn ứng trước các năm sau chưa hoàn trả trong kế hoạch, ghi rõ số giải ngân phần ứng trước trong cột ghi chú)

Cột (17) là giải ngân phần vốn TPCP từ khởi công đến 31/01/2011 (bao gồm cả giải ngân số vốn TPCP ứng trước các năm sau chưa hoàn trả trong kế hoạch, ghi rõ số giải ngân TPCP ứng trước trong cột ghi chú)

Cột (18) là tổng số các nguồn vốn bố trí kế hoạch năm 2011

Cột (19) là kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2011

Cột (20) là khối lượng thực hiện các nguồn vốn của từng dự án từ 1/1/2011 đến 30/6/2011

Cột (21) là khối lượng thực hiện phần vốn TPCP kế hoạch năm 2011 từ 1/1/2011 đến 30/6/2011



TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2010		Khối lượng thực hiện từ KC đến 31/12/2010		Giải ngân từ KC đến 31/01/2011		Kế hoạch năm 2011		Thực hiện từ 1/1/2011 đến 30/6/2011				Ước thực hiện cả năm 2011				Nhu cầu kế hoạch 2012		Ghi chú		
					Số quyết định	TMĐT	Trong đó: phần sử dụng TPCP	Số quyết định	TMĐT	Trong đó: phần sử dụng TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP		Tổng số	Trong đó: TPCP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30		

Cột (22) là giải ngân từng dự án từ các nguồn vốn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011

Cột (23) là giải ngân phần vốn TPCP kế hoạch năm 2011 từ 1/1/2011 đến 30/6/2011

Cột (24) là lũy kế khối lượng thực hiện từng dự án từ các nguồn vốn từ 1/1/2011 đến hết năm 2011

Cột (25) là khối lượng thực hiện phần vốn TPCP kế hoạch năm 2011 từ 1/1/2011 đến hết năm 2011

Cột (26) là lũy kế giải ngân từng dự án từ các nguồn vốn từ 1/1/2011 đến hết năm 2011

Cột (27) là lũy kế giải ngân phần vốn TPCP kế hoạch năm 2011 từ 1/1/2011 đến hết năm 2011

Cột (28) là nhu cầu các nguồn vốn cho từng dự án năm 2012

Cột (29) là nhu cầu vốn TPCP cho từng dự án năm 2012

Cột (30) ghi chú

**Biểu số 21**

Bộ/ngành, Tập đoàn, Tổng công ty .....

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN NSNN VÀ CÁC NGUỒN VỐN KHÁC CÓ THUỘC TÍNH NSNN KẾ HOẠCH NĂM 2011 VÀ NHU CẦU NĂM 2012**

Đơn vị: Tỷ đồng

TT		Kế hoạch năm 2011			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012			Nhu cầu kế hoạch 2012			Ghi chú
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	<b>TỔNG SỐ</b>																			
<b>A</b>	<b>Đầu tư từ NSNN</b>																			
<i>I</i>	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>																			
<i>II</i>	<i>Thực hiện dự án</i>																			
a	Dự án nhóm A																			
(1)	Dự án ...																			
(2)	Dự án ...																			
...	.....																			
b	Dự án nhóm B																			
c	Dự án nhóm C																			
<b>B</b>	<b>Tín dụng đầu tư nhà nước</b>																			
<i>I</i>	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>																			
<i>II</i>	<i>Thực hiện dự án</i>																			
a	Dự án nhóm A																			
(1)	Dự án ...																			
(2)	Dự án ...																			
b	Dự án nhóm B																			
c	Dự án nhóm C																			
<b>C</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>																			
<i>I</i>	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>																			
<i>II</i>	<i>Thực hiện dự án</i>																			
a	Dự án nhóm A																			
(1)	Dự án ...																			

TT		Kế hoạch năm 2011			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012			Nhu cầu kế hoạch 2012			Ghi chú
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
i	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
(2)	Dự án ...																			
b	Dự án nhóm B																			
c	Dự án nhóm C																			
...	.....																			
<b>D</b>	<b>Vốn vay thương mại</b>																			
<i>I</i>	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>																			
<i>II</i>	<i>Thực hiện dự án</i>																			
a	Dự án nhóm A																			
(1)	Dự án ...																			
(2)	Dự án ...																			
b	Dự án nhóm B																			
c	Dự án nhóm C																			
<b>Đ</b>	<b>Các nguồn vốn khác</b>																			
<i>I</i>	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>																			
<i>II</i>	<i>Thực hiện dự án</i>																			
a	Dự án nhóm A																			
(1)	Dự án ...																			
(2)	Dự án ...																			
b	Dự án nhóm B																			
c	Dự án nhóm C																			

**Giải thích thông tin ghi các cột:**

- Đối với các dự án nhóm A đề nghị báo cáo cụ thể từng dự án, đối với các dự án nhóm B, C chỉ cần báo cáo tổng hợp về tất cả các dự án
- Cột (3) là tổng số vốn ĐTPT kế hoạch 2011 theo quyết định giao kế hoạch đầu năm
- Cột (4) là vốn ĐTPT trong nước kế hoạch 2011 theo quyết định giao kế hoạch đầu năm
- Cột (5) là vốn ĐTPT nước ngoài kế hoạch 2011 theo quyết định giao kế hoạch đầu năm
- Cột (6) là tổng số khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (7) là khối lượng thực hiện phần vốn trong nước từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (8) là khối lượng thực hiện phần vốn nước ngoài từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

TT		Kế hoạch năm 2011			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012			Nhu cầu kế hoạch 2012			Ghi chú
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21

- Cột (9) là tổng số giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (10) là giải ngân phần vốn trong nước từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (11) là giải ngân phần vốn nước ngoài từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (12) là tổng số khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011
- Cột (13) là khối lượng thực hiện phần vốn trong nước từ 01/01/2011 đến 31/12/2011
- Cột (14) là khối lượng thực hiện phần vốn nước ngoài từ 01/01/2011 đến 31/12/2011
- Cột (15) là tổng số giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012
- Cột (16) là giải ngân phần vốn trong nước từ 01/01/2011 đến 31/01/2012
- Cột (17) là giải ngân phần vốn nước ngoài từ 01/01/2011 đến 31/01/2012
- Cột (18) là tổng số nhu cầu vốn năm 2012
- Cột (19) là nhu cầu vốn trong nước năm 2012
- Cột (20) là nhu cầu vốn ngoài nước năm 2012
- Cột (21) là ghi chú các nội dung khác

www.LuatVietnam.vn



**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH***Đơn vị: Triệu đồng*

TT		Cấp phê duyệt	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Tổng dự toán được duyệt	Ước thực hiện đến hết 31/12/2011	Kế hoạch năm 2012		
						Tổng số	Trong đó	
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	<b>TỔNG SỐ</b>							
1	Dự án quy hoạch chuyển tiếp:							
	- Dự án quy hoạch.....							
	- Dự án quy hoạch.....							
2	Dự án quy hoạch triển khai mới:							
	- Dự án quy hoạch.....							
	- Dự án quy hoạch.....							

**HỆ THỐNG MẪU BIỂU**  
**XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2012**  
**CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**  
*(Kèm theo công văn số 4106 /BKHT-TH ngày 24 tháng 6 năm 2011)*

**(Đối với cấp huyện và cấp xã, căn cứ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cấp tỉnh sẽ ban hành các biểu mẫu cụ thể)**

## CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	TH 6 tháng năm 2011	Năm 2011		Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
					Kế hoạch	Ước thực hiện		Ước TH 2011/TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
A	B	C	1		2	3	4	5=3/1	6=4/3
<b>I</b>	<b>CHỈ TIÊU KINH TẾ</b>								
<b>1</b>	<b>Tổng giá trị gia tăng (giá cố định năm 1994)</b>	Tỷ đồng							
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Giá trị gia tăng ngành nông nghiệp	Tỷ đồng							
	+ Giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng							
	+ Giá trị gia tăng ngành dịch vụ	Tỷ đồng							
<b>2</b>	<b>Tổng giá trị gia tăng (giá hiện hành)</b>	Tỷ đồng							
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Giá trị gia tăng ngành nông nghiệp	Tỷ đồng							
	+ Giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng							
	+ Giá trị gia tăng ngành dịch vụ	Tỷ đồng							
	- Giá trị gia tăng bình quân đầu người	Nghìn đồng							
<b>3</b>	<b>Cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế (giá hiện hành)</b>								
	- Nông, lâm, ngư nghiệp	%							
	- Công nghiệp, xây dựng	"							
	- Dịch vụ	"							
<b>4</b>	<b>Cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo thành phần kinh tế (giá hiện hành)</b>								
	- Quốc doanh Trung ương	%							
	- Quốc doanh địa phương	"							
	- Kinh tế ngoài quốc doanh	"							
	- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	"							
<b>5</b>	<b>Giá trị sản xuất (giá cố định năm 1994)</b>	Tỷ đồng							

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	TH 6 tháng năm 2011	Năm 2011		Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
					Kế hoạch	Ước thực hiện		Ước TH 2011/TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
A	B	C	1		2	3	4	5=3/1	6=4/3
	- Nông, lâm, ngư nghiệp	"							
	- Công nghiệp, xây dựng	"							
	- Dịch vụ	"							
6	<b>Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ trên địa bàn</b>	Tỷ đồng							
7	<b>Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn</b>	Triệu USD							
	<i>Trg đó: Xuất khẩu Địa phương (quản lý)</i>	"							
8	<b>Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn</b>	Triệu USD							
	<i>Trg đó: Nhập khẩu Địa phương (quản lý)</i>	"							
9	<b>Thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn</b>	Tỷ đồng							
	<i>Trong đó:</i>								
	- Thu thuế xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng							
	- Thu nội địa	"							
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Thu từ kinh tế Trung ương	Tỷ đồng							
	+ Thu quốc doanh ĐP	"							
	+ Thu ngoài quốc doanh	"							
	+ Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	"							
10	<b>Ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách địa phương (hoặc điều tiết về Ngân sách Trung ương)</b>	Tỷ đồng							
11	<b>Chi ngân sách địa phương</b>	Tỷ đồng							
a)	<b>Chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý</b>	"							
	- Vốn cân đối NS địa phương	"							
	<i>Tr đó: đầu tư từ nguồn SD đất</i>	"							
	- Hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách Trung ương	"							
	- Nguồn ngân sách khác	"							
b)	<b>Chi thường xuyên</b>	"							
	<i>Trong đó:</i>								



TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	TH 6 tháng năm 2011	Năm 2011		Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
					Kế hoạch	Ước thực hiện		Ước TH 2011/TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
A	B	C	1		2	3	4	5=3/1	6=4/3
	- Chi cho sự nghiệp giáo dục	"							
	- Chi cho sự nghiệp y tế	"							
	- Chi cho sự nghiệp khoa học công nghệ	"							
	- Chi cho quản lý hành chính Nhà nước	"							
12	<b>Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn</b>	Tỷ đồng							
	- Trung ương quản lý	"							
	- Địa phương quản lý	"							
<b>II</b>	<b>CHỈ TIÊU XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG</b>								
1	Dân số trung bình	Nghìn người							
	<i>Tốc độ tăng dân số tự nhiên</i>	%							
	- Mức giảm tỷ lệ sinh	‰							
2	Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Nghìn người							
3	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%							
4	Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰							
5	Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰							
6	Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi	%							
7	Tỷ suất chết mẹ/ 100.000 trẻ đẻ sống	%							
8	Số xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	xã, phường							
9	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	%							
10	Số hộ nghèo	Nghìn hộ							
11	Tỷ lệ hộ nghèo	%							
12	Tỷ lệ che phủ rừng	%							

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	TH 6 tháng năm 2011	Năm 2011		Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
					Kế hoạch	Ước thực hiện		Ước TH 2011/TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
A	B	C	1		2	3	4	5=3/1	6=4/3
13	Tỉ lệ chất thải rắn được xử lý	%							
14	Tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch	%							
15	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%							

www.LuatVietnam.vn

## CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	TH 6 tháng năm 2011	Năm 2011		Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
					Kế hoạch	Ước thực hiện		Ước TH 2011/TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
A	B	C	1		2	3	4	5=3/1	6=4/3
<b>A</b>	<b>Nông, lâm, ngư nghiệp</b>								
1	Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp (theo giá cố định 1994):	Tỷ đồng							
	Trong đó:								
	- Nông nghiệp	"							
	Trong đó: + Trồng trọt	"							
	+ Chăn nuôi	"							
	- Lâm nghiệp	"							
	- Ngư nghiệp	"							
2	Sản phẩm chủ yếu:								
	- Sản lượng lương thực có hạt	Nghìn tấn							
	Trong đó: Thóc	"							
	- Cà phê nhân	Tấn							
	- Chè búp tươi	"							
	- Cao su mù khô	"							
	- Hạt điều	"							
	- Lạc vỏ	"							
	- Mía cây	Nghìn tấn							
...	- .....								
3	Lâm nghiệp								
3.1	Trồng mới rừng tập trung	ha							
	Trong đó:								
	+ Rừng phòng hộ và rừng đặc dụng	ha							
	+ Rừng sản xuất	"							
3.2	Bảo vệ rừng	nghìn ha							
3.3	Khoanh nuôi rừng tái sinh	nghìn ha							
4	Chăn nuôi								
4.1	Thịt hơi các loại	Nghìn tấn							
...	.....								
4.2	Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản	Nghìn tấn							
	Chia ra:								

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	TH 6 tháng năm 2011	Năm 2011		Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
					Kế hoạch	Ước thực hiện		Ước TH 2011/TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
A	B	C	1		2	3	4	5=3/1	6=4/3
a)	Sản lượng nuôi trồng thủy <i>Tr. đó: Sản lượng tôm</i>	Nghìn tấn "							
b)	Sản lượng khai thác hải sản	Nghìn tấn							
...	.....								
<b>B</b>	<b>Công nghiệp - xây dựng</b>								
<b>1</b>	<b>Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng:</b>								
1.1	- Theo giá cố định 1994	Tỷ đồng							
	Trong đó: Riêng công nghiệp	Tỷ đồng							
1.2	- Theo giá hiện hành	Tỷ đồng							
	Trong đó: Riêng công nghiệp	Tỷ đồng							
<b>2</b>	<b>Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu:</b>								
	- Thép cán các loại (dài, dẹt)	Triệu tấn							
	- Xi măng	"							
	- Gạch xây bằng đất nung	Triệu viên							
	- Đường kính	Nghìn tấn							
	- Vải dệt từ sợi bông	Triệu m <sup>2</sup>							
	-Vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo	Triệu m <sup>2</sup>							
	- Quần áo người lớn	Triệu cái							
	- Bia	Triệu lít							
	- Rượu	"							
	- Nước giải khát	"							
	- Hải sản đông lạnh	Tấn							
	- Muối	Nghìn tấn							
...	- .....								
<b>C</b>	<b>Dịch vụ</b>								
1	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ (giá hiện hành)	Tỷ đồng							
2	Doanh thu ngành dịch vụ (giá hiện hành)	"							
	Trong đó:								
	- Tài chính - ngân hàng	"							
	- Vận tải	"							
	- Khách sạn - nhà hàng - dịch vụ du lịch	"							



TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	TH 6 tháng năm 2011	Năm 2011		Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
					Kế hoạch	Ước thực hiện		Ước TH 2011/TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
A	B	C	1		2	3	4	5=3/1	6=4/3
3	<b>Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu:</b>								
	- Gạo	Triệu USD							
	- Cà phê	"							
	- Hải sản đông lạnh	"							
	- .....								
4	<b>Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu:</b>								
	- .....								
D	<b>Chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp</b>								
1	Doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động	DN							
	<i>Trong đó: Doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	DN							
2	Tổng vốn đầu tư của Doanh nghiệp nhà nước	Tỷ đồng							
3	Doanh nghiệp dân doanh đang hoạt động	DN							
	<i>Trong đó: Doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	DN							
4	Tổng vốn đầu tư của Doanh nghiệp dân doanh	Tỷ đồng							
5	Doanh nghiệp đăng ký kinh doanh mới	DN							
	<i>Trong đó: Tổng số vốn đăng ký kinh doanh mới</i>	Tỷ đồng							
6	Doanh nghiệp nước ngoài đăng ký mới	DN							
	<i>Trong đó</i>								
	<i>Tổng vốn đầu tư đăng ký mới</i>	Tỷ đồng							
	<i>Vốn điều lệ đăng ký mới</i>								
7	Doanh nghiệp nước ngoài đăng ký bổ sung	DN							
	<i>Trong đó</i>								
	<i>Tổng vốn đầu tư đăng ký bổ sung</i>	Tỷ đồng							
	<i>Vốn điều lệ đăng ký bổ sung</i>	Tỷ đồng							

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	TH 6 tháng năm 2011	Năm 2011		Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
					Kế hoạch	Ước thực hiện		Ước TH 2011/TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
A	B	C	1		2	3	4	5=3/1	6=4/3
8	Tổng số cán bộ DNNVV tham gia các khóa trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực	Người							
9	Tổng kinh phí hỗ trợ đào tạo DNNVV	Tỷ đồng							
<b>E</b>	<b>Chỉ tiêu phát triển kinh tế tập thể</b>								
1	Tổng số hợp tác xã	HTX							
	<i>Trong đó: thành lập mới</i>	<i>HTX</i>							
2	Tổng số Liên hiệp hợp tác xã	LHHTX							
	<i>Trong đó: thành lập mới</i>	<i>LHHTX</i>							
3	Tổng số xã viên hợp tác xã	người							
	<i>Trong đó: Xã viên mới</i>	<i>người</i>							
4	Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã qua đào tạo								
	+ Trình độ trung cấp	%							
	+ Trình độ Đại học, trên Đại học	%							
5	Thu nhập bình quân								
	+ Thu nhập bình quân một lao động trong kinh tế tập thể	triệu đồng							
	+ Thu nhập bình quân một xã viên HTX (1)	triệu đồng							
	+ Thu nhập bình quân một thành viên tổ hợp tác (1)	triệu đồng							
	- ...								

## CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	TH 6 tháng năm 2011	Năm 2011		Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
					Kế hoạch	Ước thực hiện		Ước TH 2011/TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
A	B	C	1		3.	3	4	5=3/1	6=4/3
<b>1</b>	<b>Giảm nghèo</b>								
-	Tổng số hộ của toàn tỉnh/thành phố	nghìn hộ							
-	Tỷ lệ hộ nghèo	%							
-	Số hộ thoát khỏi nghèo trong năm	Hộ							
<b>2</b>	<b>Cung cấp các dịch vụ CSHT thiết yếu</b>								
	- Tổng số xã của toàn tỉnh/thành phố	Xã							
	- Trong đó: số xã đặc biệt khó khăn (theo tiêu chuẩn của Chương trình 135)	Xã							
	- Tỷ lệ % Số xã có đường ô tô đến trung	%							
	- Tỷ lệ % Số xã có trạm y tế	%							
	- Tỷ lệ % số xã có bưu điện văn hoá xã	%							
	- Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện	%							
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch	"							
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Khu vực thành thị	%							
	+ Khu vực nông thôn	"							
	- Số xã có chợ xã, liên xã	xã							
<b>4</b>	<b>Tạo việc làm</b>								
	- Tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân	Ngh.người							
	- Số người được giải quyết việc làm	"							

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	TH 6 tháng năm 2011	Năm 2011		Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
					Kế hoạch	Ước thực hiện		Ước TH 2011/TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
A	B	C	1		3.	3	4	5=3/1	6=4/3
	- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi chưa có việc làm ở khu vực thành thị	%							
	- Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Ngh.người							
<b>5</b>	<b>Giáo dục và đào tạo</b>								
	- Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh							
	+ Mẫu giáo	"							
	+ Tiểu học	"							
	+ Trung học cơ sở	"							
	+ Trung học phổ thông	"							
	- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%							
	- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi:	%							
	+ Tiểu học	"							
	+ Trung học cơ sở	"							
	+ Trung học phổ thông	"							
	- Số xã đạt phổ cập trung học cơ sở	Xã							
	- Tỷ lệ xã đạt phổ cập THCS	%							
	- Số huyện đạt phổ cập THCS	Huyện							
	- Tỷ lệ huyện đạt phổ cập THCS	%							
<b>6</b>	<b>Y tế</b>								
	- Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường							
	- Số bác sỹ/10.000 dân	Bác sỹ							
	- Tỷ lệ trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế	%							
<b>7</b>	<b>Văn hoá</b>								
	- Số xã phường có nhà văn hoá, thư viện	xã, phường							



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	TH 6 tháng năm 2011	Năm 2011		Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
					Kế hoạch	Ước thực hiện		Ước TH 2011/TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
A	B	C	1		3.	3	4	5=3/1	6=4/3
	- Số hộ xem được Đài Truyền hình Việt Nam	Hộ							
	- Tỷ lệ hộ xem được Đài Truyền hình Việt Nam	%							
	- Số hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam	Hộ							
	- Tỷ lệ hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam	%							
<b>8</b>	<b>Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững</b>								
	- Diện tích nhà ở/người	m <sup>2</sup>							
	- Tỷ lệ che phủ rừng	%							
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh	%							
	- Tỷ lệ dân số thành thị được cấp nước sạch	%							
	- Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%							
	- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn ở đô thị	%							
	- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%							

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN NSNN VÀ CÁC NGUỒN VỐN KHÁC CÓ THUỘC TÍNH NSNN KẾ HOẠCH NĂM 2011 VÀ NHU CẦU NĂM 2012**

Đơn vị: Tỷ đồng

TT		Kế hoạch năm 2011			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012			Nhu cầu kế hoạch 2012			Ghi chú
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	<b>TỔNG SỐ</b>																			
I	<b>Đầu tư từ NSNN</b>																			
1	<b>Đầu tư trong cân đối NSDP</b>																			
	<i>Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất</i>																			
2	<b>Các chương trình MTQG</b>																			
3	<b>Bổ sung có mục tiêu từ NSTW</b>																			
II	<b>Đầu tư từ vốn xổ số kiến thiết</b>																			
1	<b>Dự án nhóm A</b>																			
(1)	Dự án ...																			
(2)	Dự án ...																			
2	<b>Các dự án nhóm B</b>																			
3	<b>Các dự án nhóm C</b>																			
III	<b>Đầu tư từ quảng cáo truyền hình</b>																			
1	<b>Dự án nhóm A</b>																			
(1)	Dự án ...																			
(2)	Dự án ...																			
2	<b>Các dự án nhóm B</b>																			
3	<b>Các dự án nhóm C</b>																			
IV	<b>Đầu tư từ vốn ngành bảo hiểm xã hội</b>																			
1	<b>Dự án nhóm A</b>																			

TT		Kế hoạch năm 2011			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012			Nhu cầu kế hoạch 2012			Ghi chú
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
(1)	Dự án ...																			
(2)	Dự án ...																			
2	<b>Các dự án nhóm B</b>																			
3	<b>Các dự án nhóm C</b>																			

**Giải thích thông tin ghi các cột:**

- Đối với các dự án nhóm A đề nghị báo cáo cụ thể từng dự án, đối với các dự án nhóm B, C chỉ cần báo cáo tổng hợp về tất cả các dự án
- Cột (3) là tổng số vốn ĐTPT kế hoạch 2011 theo quyết định giao kế hoạch đầu năm
- Cột (4) là vốn ĐTPT trong nước kế hoạch 2011 theo quyết định giao kế hoạch đầu năm
- Cột (5) là vốn ĐTPT nước ngoài kế hoạch 2011 theo quyết định giao kế hoạch đầu năm
- Cột (6) là tổng số khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (7) là khối lượng thực hiện phần vốn trong nước từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (8) là khối lượng thực hiện phần vốn nước ngoài từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (9) là tổng số giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (10) là giải ngân phần vốn trong nước từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (11) là giải ngân phần vốn nước ngoài từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Cột (12) là tổng số khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011
- Cột (13) là khối lượng thực hiện phần vốn trong nước từ 01/01/2011 đến 31/12/2011
- Cột (14) là khối lượng thực hiện phần vốn nước ngoài từ 01/01/2011 đến 31/12/2011
- Cột (15) là tổng số giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012
- Cột (16) là giải ngân phần vốn trong nước từ 01/01/2011 đến 31/01/2012
- Cột (17) là giải ngân phần vốn nước ngoài từ 01/01/2011 đến 31/01/2012
- Cột (18) là tổng số nhu cầu vốn năm 2012
- Cột (19) là nhu cầu vốn trong nước năm 2012
- Cột (20) là nhu cầu vốn ngoài nước năm 2012
- Cột (21) là ghi chú các nội dung khác

## VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2010	TH 6 tháng năm 2011	Năm 2011		Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Ước thực hiện		Ước TH 2011/TH 2010	KH năm 2012/Ước TH 2011
A	B	1		2	3	4	5	6
	<b>TỔNG SỐ VỐN ĐPTT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>							
<b>1</b>	<b>Vốn trong nước</b>							
	<i>Trong đó:</i>							
	- Vốn đối ứng ODA							
	- Chuẩn bị đầu tư							
<b>a)</b>	<b>Vốn cân đối NS địa phương</b>							
	<i>Trong đó:</i>							
	- Công nghiệp							
	- Nông, lâm, ngư nghiệp							
	<i>Tr. đó :</i> + Thuỷ lợi							
	+ Lâm nghiệp							
	+ Thuỷ sản							
	- Giao thông vận tải							
	- Giáo dục và đào tạo							
	- Khoa học công nghệ							
	- Công cộng							
	- Cấp nước							
	- Bảo vệ môi trường							
	- Y tế							
	- Xã hội							
	- Văn hoá thông tin							
	- Thể dục thể thao							
	- Quản lý nhà nước							
	- An ninh - Quốc phòng							
<b>b)</b>	<b>Vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương</b>							
<b>b.1</b>	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình 135, ...</i>							
<b>b.2</b>	<i>Hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu</i>							
	...							
<b>2</b>	<b>Vốn ngoài nước (ODA)</b>							



**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA KẾ HOẠCH NĂM 2011 VÀ NHU CẦU NĂM 2012**

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Đanh mục chương trình	Kế hoạch năm 2011				Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011				Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011				Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011				Giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012				Nhu cầu năm 2012				Ghi chú						
		Tổng số	Trong đó: NSNN			Tổng số	Trong đó: NSNN			Tổng số	Trong đó: NSNN			Tổng số	Trong đó: NSNN			Tổng số	Trong đó: NSNN			Tổng số	Trong đó: NSNN									
			ĐTPT		Sự nghiệp		ĐTPT		Sự nghiệp		ĐTPT		Sự nghiệp		ĐTPT		Sự nghiệp		ĐTPT		Sự nghiệp		ĐTPT		Sự nghiệp							
			Trong nước	Ngoài nước	Trong nước		Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước		Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước		Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33
	<b>TỔNG SỐ</b>																															
I	Chương trình MTQG Giảm nghèo																															
	Mục tiêu/Dự án ...																															
	Mục tiêu/Dự án ...																															
II	Chương trình MTQG Việc làm																															
	Mục tiêu/Dự án ...																															
	Mục tiêu/Dự án ...																															
III	Chương trình MTQG nước sạch và VSMT nông thôn																															
IV	Chương trình MTQG Phòng chống HIV/AIDS																															
V	Chương trình MTQG Vệ sinh an toàn thực phẩm																															
VI	Chương trình MTQG Văn hóa																															
VII	Chương trình MTQG Giáo dục đào tạo																															
VIII	Chương trình MTQG Phòng chống tội phạm																															
IX	Chương trình MTQG phòng chống ma túy																															

TT	Danh mục chương trình	Kế hoạch năm 2011					Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011				Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011				Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011				Giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012				Nhu cầu năm 2012				Ghi chú						
		Tổng số	Trong đó: NSNN				Tổng số	Trong đó: NSNN				Tổng số	Trong đó: NSNN				Tổng số	Trong đó: NSNN				Tổng số	Trong đó: NSNN										
			ĐTPT		Sự nghiệp			ĐTPT		Sự nghiệp			ĐTPT		Sự nghiệp			ĐTPT		Sự nghiệp			ĐTPT		Sự nghiệp								
			Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước							
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	
X	Chương trình MTQG sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả																																
XI	Chương trình MTQG Ứng phó với biến đổi khí hậu																																
XII	Chương trình MTQG Y tế																																
XIII	Chương trình MTQG Dân số và Kế hoạch hóa Gia đình																																
XIV	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới																																
XV	Chương trình MTQG đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo																																

**Giải thích thông tin ghi các cột:**

Cột (1) là số thứ tự

Cột (2) là tên chương trình mục tiêu quốc gia hoặc mục tiêu của chương trình mục tiêu quốc gia

Cột (3) là tổng số vốn của chương trình/mục tiêu kế hoạch năm 2011

Cột (4) là khối lượng thực hiện vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu

Cột (5) là số vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu

Cột (6) là số vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu

Cột (7) là số vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu

Cột (8) là tổng số khối lượng thực hiện các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (9) là khối lượng thực hiện vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (10) là khối lượng thực hiện vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (11) là khối lượng thực hiện vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (12) là khối lượng thực hiện vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (13) là tổng số giải ngân các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (14) là giải ngân vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (15) là giải ngân vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (16) là giải ngân vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (17) là giải ngân vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 30/6/2011

TT	Danh mục chương trình	Kế hoạch năm 2011				Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011				Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011				Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 31/12/2011				Giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012				Nhu cầu năm 2012				Ghi chú						
		Trong đó: NSNN				Trong đó: NSNN				Trong đó: NSNN				Trong đó: NSNN				Trong đó: NSNN														
		ĐTPT		Sự nghiệp		ĐTPT		Sự nghiệp		ĐTPT		Sự nghiệp		ĐTPT		Sự nghiệp		ĐTPT		Sự nghiệp		ĐTPT		Sự nghiệp								
		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33

Cột (18) là tổng số khối lượng thực hiện các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (19) là khối lượng thực hiện vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (20) là khối lượng thực hiện vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (21) là khối lượng thực hiện vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (22) là khối lượng thực hiện vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (23) là tổng số giải ngân các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu từ 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (24) là giải ngân vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (25) là giải ngân vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (26) là giải ngân vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (27) là giải ngân vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 bố trí cho chương trình/mục tiêu 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (28) là tổng số nhu cầu từ các nguồn vốn của chương trình/mục tiêu năm 2012

Cột (29) là nhu cầu vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2012 của chương trình/mục tiêu

Cột (30) là nhu cầu vốn ĐTPT nguồn vốn NSNN nước ngoài năm 2012 của chương trình/mục tiêu

Cột (31) là nhu cầu vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN trong nước năm 2012 của chương trình/mục tiêu

Cột (32) là nhu cầu vốn sự nghiệp nguồn vốn NSNN nước ngoài năm 2012 của chương trình/mục tiêu

Cột (33) là ghi chú các nội dung khác







TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2011		Khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011		Giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/06/2011		Ước khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011		Ước giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012		Nhu cầu năm 2012		Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN	
						Tổng số	Trong đó: vốn ĐTPT nguồn NSNN													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
XII	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới																			
XIII	Chương trình MTQG đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo																			

**Giải thích thông tin ghi các cột:**

Cột (1) là số thứ tự

Cột (2) là danh mục dự án sử dụng vốn ĐTPT nguồn NSNN thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia

Cột (3) là địa điểm xây dựng

Cột (4) là năng lực thiết kế theo quyết định đầu tư

Cột (5) là thời gian khởi công - hoàn thành theo quyết định đầu tư

Cột (6) là số quyết định đầu tư, ghi rõ số, kí hiệu và ngày, tháng, năm ban hành (nếu có nhiều quyết định đầu tư đề nghị ghi đầy đủ tất cả các quyết định đầu tư)

Cột (7) là tổng mức đầu tư của dự án sử dụng nhiều nguồn vốn theo quyết định đầu tư được phê duyệt

Cột (8) là tổng số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN trong tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư được phê duyệt

Cột (9) là tổng số các nguồn vốn bố trí cho dự án trong kế hoạch năm 2011

Cột (10) là tổng số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN bố trí cho dự án trong kế hoạch năm 2011

Cột (11) là tổng số khối lượng thực hiện của các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (12) là khối lượng thực hiện phần vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (13) là tổng số giải ngân của các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (14) là giải ngân phần vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (15) là tổng số khối lượng thực hiện của các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (16) là khối lượng thực hiện phần vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (17) là tổng số giải ngân của các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (18) là giải ngân phần vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (19) là tổng số nhu cầu các nguồn vốn năm 2012

Cột (20) là nhu cầu vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2012

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2011		Khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011		Giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/06/2011		Ước khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011		Ước giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012		Nhu cầu năm 2012		Ghi chú	
					Số quyết định	TMBT		Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số		Trong đó: Đầu tư từ NSNN
						Tổng số	Trong đó: vốn ĐTPT nguồn NSNN													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21

Cột (21) là ghi chú các nội dung khác

www.LuatVietnam.vn

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW KẾ HOẠCH NĂM 2011 VÀ NHU CẦU NĂM 2012**

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2011		Khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011		Giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/06/2011		Ước khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011		Ước giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012		Nhu cầu kế hoạch năm 2012		Ghi chú	
					Số quyết định	TMDT		Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số		Trong đó: Đầu tư từ NSNN
						Tổng số	Trong đó: ĐTP nguồn NSNN													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	<b>TỔNG SỐ</b>																			
I	Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng trung du và miền núi Bắc Bộ																			
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																			
1	Dự án ...																			
2	Dự án ...																			
	<i>Dự án khởi công mới</i>																			
1	Dự án ...																			
2	Dự án ...																			
II	Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông bằng sông Hồng																			
	Dự án ...																			
III	Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung																			
	Dự án ...																			
IV	Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên																			
	Dự án ...																			

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2011		Khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011		Giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/06/2011		Ước khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011		Ước giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012		Nhu cầu kế hoạch năm 2012		Ghi chú		
					Số quyết định	TMDT		Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN		Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN
						Tổng số	Trong đó: vốn ĐTPT nguồn NSNN															
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21		
V	Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long Dự án ...																					
VI	Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển từ Quảng Ninh đến Kiên Giang và nâng cấp hệ thống đê ... Dự án ...																					
VII	Chương trình phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản Dự án ...																					
VIII	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền Dự án ...																					
IX	Nâng cấp, xây dựng mới các hồ chứa nước ngọt và xây dựng hệ thống thủy lợi trên các đảo có đông dân cư Dự án ...																					
X	Đầu tư cho 62 huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP Dự án ...																					
XI	Chương trình di dân định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số																					

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2011		Khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011		Giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/06/2011		Ước khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011		Ước giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012		Nhu cầu kế hoạch năm 2012		Ghi chú		
					Số quyết định	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN		Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN
						Tổng số	Trong đó: vốn ĐTPT nguồn NSNN															
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21		
	Dự án ...																					
	.....																					
XII	Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định 193/2006/QĐ-TTg																					
	Dự án ...																					
	.....																					
XIII	Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng khu kinh tế ven biển																					
	Dự án ...																					
	.....																					
XIV	Hỗ trợ khu công nghiệp tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn																					
	Dự án ...																					
	.....																					
XV	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn																					
	Dự án ...																					
	.....																					
XVI	Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu																					
	Dự án ...																					
	.....																					
XVII	Chương trình Biển Đông - Hải đảo																					
	Dự án ...																					
	.....																					



TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2011		Khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011		Giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/06/2011		Ước khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011		Ước giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012		Nhu cầu kế hoạch năm 2012		Ghi chú		
					Số quyết định	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN		Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN
						Tổng số	Trong đó: vốn ĐTPT nguồn NSNN															
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21		
XVIII	Hỗ trợ đầu tư phát triển rừng và bảo vệ rừng bền vững																					
	Dự án ...																					
XIX	Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt - Trung, Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia																					
	Dự án ...																					
XX	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng vùng ATK																					
	Dự án ...																					
XXI	Chương trình quân lý, bảo vệ biên giới đất liền																					
	Dự án ...																					
XXII	Hỗ trợ đầu tư các tỉnh, huyện mới chia tách																					
	Dự án ...																					
XXIII	Hỗ trợ vốn đối ứng các dự án ODA do địa phương quản lý																					
	Dự án ...																					
XXIV	Hỗ trợ đầu tư các trung tâm giáo dục, lao động xã hội																					
	Dự án ...																					

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2011		Khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011		Giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/06/2011		Ước khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011		Ước giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012		Nhu cầu kế hoạch năm 2012		Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN	
						Tổng số	Trong đó: vốn ĐTPT nguồn NSNN													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
XXV	Hỗ trợ đầu tư các bệnh viện tuyến huyện, tỉnh																			
	Dự án ...																			
XXVI	Hỗ trợ đầu tư xây dựng các trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã																			
	Dự án ...																			
XXVII	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch																			
	Dự án ...																			
XXVIII	Hỗ trợ đầu tư có mục tiêu cho các dự án cấp bách mà ngân sách địa phương không cân đối được (được Lãnh đạo Đảng và Nhà nước cho phép thực hiện)																			
	Dự án ...																			
XXIX	Chương trình 135																			
	Dự án ...																			

**Giải thích thông tin ghi các cột:**

Cột (1) là số thứ tự

Cột (2) là danh mục các dự án cắt giảm, ngừng khởi công mới, đình hoãn, giãn tiến độ thực hiện, điều chuyển bổ sung sử dụng vốn ĐTPT nguồn NSNN kế hoạch năm 2011 phân theo các ngành, lĩnh

Cột (3) là địa điểm xây dựng

Cột (4) là thời gian khởi công - hoàn thành theo quyết định đầu tư

Cột (5) là số quyết định đầu tư, ghi rõ số, kí hiệu và ngày, tháng, năm ban hành (nếu có nhiều quyết định đầu tư đề nghị ghi đầy đủ tất cả các quyết định đầu tư)

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2011		Khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011		Giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/06/2011		Ước khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011		Ước giải ngân kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012		Nhu cầu kế hoạch năm 2012		Ghi chú		
					Số quyết định	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN	Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN		Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN
						Tổng số	Trong đó: vốn ĐTPT nguồn NSNN															
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21		

Cột (6) là tổng mức đầu tư của dự án sử dụng nhiều nguồn vốn theo quyết định đầu tư được phê duyệt

Cột (7) là tổng số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN trong tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư được phê duyệt

Cột (8) là số vốn đầu tư phát triển nguồn vốn NSNN (phần vốn trong nước) trong tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư được phê duyệt

Cột (9) là số vốn đầu tư phát triển nguồn vốn NSNN (phần vốn ngoài nước) trong tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư được phê duyệt

Cột (10) là lũy kế tổng số vốn từ các nguồn bố trí cho dự án từ khởi công đến 31/12/2010

Cột (11) là lũy kế số vốn nguồn NSNN bố trí cho dự án từ khởi công đến 31/12/2010

Cột (12) là lũy kế số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (phần vốn trong nước) bố trí cho dự án từ khởi công đến 31/12/2010

Cột (13) là lũy kế số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (phần vốn ngoài nước) bố trí cho dự án từ khởi công đến 31/12/2010

Cột (14) là tổng số các nguồn vốn bố trí cho dự án trong kế hoạch năm 2011

Cột (15) là tổng số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN bố trí cho dự án trong kế hoạch năm 2011

Cột (16) là số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (phần vốn trong nước) bố trí cho dự án trong kế hoạch năm 2011

Cột (17) là số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (phần vốn ngoài nước) bố trí cho dự án trong kế hoạch năm 2011

Cột (18) là số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (phần vốn trong nước) kế hoạch năm 2011 cắt giảm so với kế hoạch bố trí đầu năm

Cột (19) là số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (phần vốn trong nước) kế hoạch năm 2011 điều chuyển, bổ sung tăng thêm so với kế hoạch bố trí đầu năm

Cột (20): nếu dự án hoàn thành năm 2011 sau khi điều chuyển, bổ sung kế hoạch thì đánh dấu "X" vào cột này

Cột (21) là ghi chú các nội dung khác

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG TỈNH, HUYỆN MỚI CHIA TÁCH VÀ TRỤ SỞ XÃ**

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế (m2)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2011	Thực hiện khối lượng từ khởi công đến hết 30/6/2011		Ước thực hiện khối lượng từ khởi công đến hết 31/12/2011		Kế hoạch năm 2012	
				Tổng số	Trong đó: nguồn hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu từ NSTW		Tổng số	Trong đó: Nguồn hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu từ NSTW	Tổng số	Trong đó: Nguồn hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu từ NSTW	Tổng số	Trong đó: nguồn hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu từ NSTW
<b>TỔNG SỐ</b>												
<b>A CẤP TỈNH (1)</b>												
A.1	Trụ sở cơ quan quản lý hành chính nhà nước											
I	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng											
1	Chuyên tiếp											
	- Dự án...											
	- Dự án...											
2	Khởi công mới											
	- Dự án...											
	- Dự án...											
II	Xây dựng mới											
1	Chuyên tiếp											
	- Dự án...											
	- Dự án...											
2	Khởi công mới											
	- Dự án...											
	- Dự án...											
A2	Hạ tầng đô thị và các công trình công cộng thiết yếu											
	- Dự án...											
.....	- Dự án...											
<b>B CẤP HUYỆN (2)</b>												
B.1	Trụ sở cơ quan quản lý hành chính nhà nước											
I	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng											
1	Chuyên tiếp											
	- Dự án...											

TT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế (m2)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2011	Thực hiện khối lượng từ khởi công đến hết 30/6/2011		Ước thực hiện khối lượng từ khởi công đến hết 31/12/2011		Kế hoạch năm 2012	
				Tổng số	Trong đó: nguồn hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu từ NSTW		Tổng số	Trong đó: Nguồn hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu từ NSTW	Tổng số	Trong đó: Nguồn hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu từ NSTW	Tổng số	Trong đó: nguồn hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu từ NSTW
	- Dự án...											
2	Khởi công mới											
	- Dự án...											
	- Dự án...											
<b>II</b>	<b>Xây dựng mới</b>											
1	Chuyển tiếp											
	- Dự án...											
	- Dự án...											
2	Khởi công mới											
	- Dự án...											
	- Dự án...											
<b>B2</b>	<b>Hạ tầng đô thị và các công trình công cộng thiết yếu</b>											
	- Dự án...											
.....	- Dự án...											
<b>C</b>	<b>TRỤ SỞ XÃ (3)</b>											
<b>I</b>	<b>Cải tạo, nâng cấp, mở rộng</b>											
1	Chuyển tiếp											
	- Dự án											
	- Dự án...											
2	Khởi công mới											
	- Dự án...											
	- Dự án...											
<b>II</b>	<b>Xây dựng mới</b>											
1	Chuyển tiếp											
	- Dự án											
	- Dự án...											
2	Khởi công mới											
	- Dự án...											
	- Dự án...											



TT		Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế (m2)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2011	Thực hiện khối lượng từ khởi công đến hết 30/6/2011		Ước thực hiện khối lượng từ khởi công đến hết 31/12/2011		Kế hoạch năm 2012	
					Tổng số	Trong đó: nguồn hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu từ NSTW		Tổng số	Trong đó: Nguồn hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu từ NSTW	Tổng số	Trong đó: Nguồn hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu từ NSTW	Tổng số	Trong đó: nguồn hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu từ NSTW

Ghi chú:

(1) - Chỉ gồm các tỉnh: Lai Châu, Đắk Nông, Hậu Giang

- Chi bao gồm trụ sở các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, hạ tầng đô thị và một số công trình công cộng thiết yếu của đô thị mới (đường nội thị, cấp thoát nước, trường học, bệnh viện)

(2) các huyện mới chia tách từ năm 2004 đến nay (gửi kèm cáo cáo danh sách các huyện chia tách, thành lập mới theo nghị định của Chính phủ

(3) Các xã chưa có trụ sở xã hoặc trụ sở xã hiện đang xuống cấp, hư hỏng trầm trọng



**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN NHÓM A SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN KẾ HOẠCH NĂM 2011 VÀ NHU CẦU NĂM 2012**

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch năm 2011				Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Ước khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 đến 31/12/2011				Ước giải ngân kế hoạch năm 2011 đến 31/01/2012			Nhu cầu năm 2012			Ghi chú				
					Số quyết định	TMDT			Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN			Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN		Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN		Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN		Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN		Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN								
						Tổng số	Trong đó: vốn ĐTPT nguồn NSNN	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước		Ngoài nước	Tổng số		Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước		Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước					
																															Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
	<b>TỔNG SỐ</b>																																	
<b>I</b>	<b>Ngành/Chương trình</b>																																	
1	Dự án ...																																	
2	Dự án ...																																	
<b>II</b>	<b>Ngành/Chương trình</b>																																	
1	Dự án ...																																	
2	Dự án ...																																	

**Giải thích thông tin ghi các cột:**

Cột (1) là số thứ tự

Cột (2) là danh mục các dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN

Cột (3) là địa điểm xây dựng

Cột (4) là năng lực thiết kế của dự án

Cột (5) là thời gian khởi công - hoàn thành theo quyết định đầu tư

Cột (6) là số quyết định đầu tư, ghi rõ số, kí hiệu và ngày, tháng, năm ban hành (nếu có nhiều quyết định đầu tư để nghị ghi đầy đủ tất cả các quyết định đầu tư)

Cột (7) là tổng mức đầu tư của dự án sử dụng nhiều nguồn vốn theo quyết định đầu tư được phê duyệt

Cột (8) là tổng số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN trong tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư được phê duyệt

Cột (9) là số vốn đầu tư phát triển nguồn vốn NSNN (phần vốn trong nước) trong tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư được phê duyệt

Cột (10) là số vốn đầu tư phát triển nguồn vốn NSNN (phần vốn ngoài nước) trong tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư được phê duyệt

Cột (11) là tổng số các nguồn vốn bố trí cho dự án trong kế hoạch năm 2011

Cột (12) là tổng số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN bố trí cho dự án trong kế hoạch năm 2011

Cột (13) là số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (phần vốn trong nước) bố trí cho dự án trong kế hoạch năm 2011

Cột (14) là số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (phần vốn ngoài nước) bố trí cho dự án trong kế hoạch năm 2011

Cột (15) là tổng số khối lượng thực hiện các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (16) là tổng số khối lượng thực hiện nguồn vốn NSNN kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (17) là khối lượng thực hiện phần vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (18) là khối lượng thực hiện phần vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2011			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Giải ngân từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			Ước khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2011 đến 31/12/2011			Ước giải ngân kế hoạch năm 2011 đến 31/01/2012			Nhu cầu năm 2012			Ghi chú			
					Số quyết định	TMBT			Trong đó: Đầu tư từ NSNN			Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Trong đó: Đầu tư từ NSNN						
						Tổng số	Trong đó: vốn ĐTPT nguồn NSNN			Tổng số	Trong đó: Đầu tư từ NSNN			Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Tổng số	Trong đó: vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN			Tổng số		Trong đó: Đầu tư từ NSNN		
							Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước			Tổng số	Trong nước	Ngoài nước
6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	

Cột (19) là tổng số giải ngân các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (20) là tổng số giải ngân nguồn vốn NSNN kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (21) là giải ngân phần vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (22) là giải ngân phần vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 30/6/2011

Cột (23) là tổng số khối lượng thực hiện các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (24) là tổng số khối lượng thực hiện nguồn vốn NSNN kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (25) là khối lượng thực hiện phần vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (26) là khối lượng thực hiện phần vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

Cột (27) là tổng số giải ngân các nguồn vốn kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (28) là tổng số giải ngân nguồn vốn NSNN kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (29) là giải ngân phần vốn NSNN trong nước kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (30) là giải ngân phần vốn NSNN nước ngoài kế hoạch năm 2011 từ 01/01/2011 đến 31/01/2012

Cột (31) là tổng nhu cầu các nguồn vốn năm 2012

Cột (32) là nhu cầu vốn NSNN năm 2012

Cột (33) là nhu cầu phần vốn NSNN trong nước năm 2012

Cột (34) là nhu cầu phần vốn NSNN nước ngoài năm 2012

Cột (35) là ghi chú các nội dung khác

www.LuatVietnam.vn

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ODA**  
(Nguồn vốn Ngân sách Nhà nước)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư hoặc Tổng dự toán được			Kế hoạch năm 2011		Thực hiện đến 30/6/2011				Ước thực hiện đến 31/12/2011				Kế hoạch năm 2012				
						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Vốn nước ngoài	Khối lượng hoàn thành		Cấp phát		Khối lượng hoàn thành		Cấp phát		Tổng số	Trong đó			
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			Tổng số	Trong đó: Vốn nước ngoài	Tổng số	Trong đó: Vốn nước ngoài	Tổng số	Trong đó: Vốn nước ngoài	Tổng số	Trong đó: Vốn nước ngoài		Tổng số	Vốn trong nước		Vốn ngoài nước
																					Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ vốn đối ứng ODA	
<b>TỔNG SỐ</b>																							
<b>A</b>	<b>Các dự án do địa phương quản lý</b>																						
<b>I</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>																						
1	Dự án .....																						
2	Dự án .....																						
<b>II</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>																						
1	Dự án .....																						
2	Dự án .....																						
<b>III</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>																						
1	Dự án .....																						
2	Dự án .....																						
<b>B</b>	<b>Các dự án Trung ương trên địa bàn</b>																						
<b>I</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>																						
1	Dự án .....																						
2	Dự án .....																						
<b>II</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>																						
1	Dự án .....																						
2	Dự án .....																						
<b>III</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>																						
1	Dự án .....																						
2	Dự án .....																						



**Biểu số 13**

Cơ quan chủ quản:

**GIẢI NGÂN 6 THÁNG NĂM 2011 VÀ KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN ODA 2012**

Đơn vị tính: Triệu VND

Tỷ giá: USD/VND

Tên chương trình, dự án	Nhà tài trợ	Giải ngân ODA 6 tháng 2011								Dự kiến giải ngân ODA cả năm 2011								Kế hoạch giải ngân ODA 2012								
		Tổng ODA	Trong đó				Đối ứng	KH		Tổng ODA	Trong đó				Đối ứng	% so với KH		Tổng ODA	Trong đó				Đối ứng			
			XDCB	HCSN	CVL	HTNS		ODA	Đ.Ú		XDCB	HCSN	CVL	HTNS		ODA	Đ.Ú		XDCB	HCSN	CVL	HTNS				
<b>TỔNG SỐ</b>																										
<b>I/ Dự án kết thúc năm 2010</b>																										
1/ Vay																										
2/ Viện trợ																										
<b>II/ Dự án chuyển tiếp</b>																										
1/ Vay																										
2/ Viện trợ																										
<b>III/ Dự án khởi công mới</b>																										
1/ Vay																										
2/ Viện trợ																										

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ KẾ HOẠCH NĂM 2011 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2012**

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2010		Khối lượng thực hiện từ KC đến 31/12/2010		Giải ngân từ KC đến 31/01/2011		Kế hoạch năm 2011		Thực hiện từ 1/1/2011 đến 30/6/2011				Ước thực hiện cả năm 2011				Nhu cầu kế hoạch 2012		Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT	Trong đó: phần sử dụng TPCP	Số quyết định	TMĐT	Trong đó: phần sử dụng TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
<b>TỔNG SỐ</b>																													
<b>I</b>	Ngành.....																												
1	Dự án ...																												
2	Dự án ...																												
	.....																												
<b>II</b>	Ngành.....																												
1	Dự án ...																												
2	Dự án ...																												
	.....																												

**Giải thích thông tin ghi các cột:**

Cột (1) là số thứ tự

Cột (2) là tên các dự án, phân theo các ngành, lĩnh vực hoặc chương trình cụ thể

Cột (3) là địa điểm xây dựng

Cột (4) là năng lực thiết kế

Cột (5) là thời gian khởi công - hoàn thành theo quyết định đầu tư

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2010		Khối lượng thực hiện từ KC đến 31/12/2010		Giải ngân từ KC đến 31/01/2011		Kế hoạch năm 2011		Thực hiện từ 1/1/2011 đến 30/6/2011				Ước thực hiện cả năm 2011				Nhu cầu kế hoạch 2012		Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: phần sử dụng TPCP	Số quyết định	TMDT	Trong đó: phần sử dụng TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	

Cột (6) là số quyết định đầu tư ban đầu, ghi rõ số, kí hiệu và ngày, tháng, năm ban hành

Cột (7) là tổng mức đầu tư của dự án theo quyết định đầu tư ban đầu

Cột (8) là phần sử dụng vốn trái phiếu chính phủ (TPCP) trong tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư ban đầu

Cột (9) là số quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có), ghi rõ số, kí hiệu và ngày, tháng, năm ban hành (nếu điều chỉnh bằng nhiều quyết định đầu tư, ghi đầy đủ tất cả số quyết định đầu tư đã điều chỉnh)

Cột (10) là tổng mức đầu tư điều chỉnh (nếu có) cuối cùng của dự án

Cột (11) là phần sử dụng vốn trái phiếu chính phủ (TPCP) điều chỉnh cuối cùng (nếu có) trong tổng mức đầu tư (trong đó ghi chú rõ điều chỉnh tăng quy mô dự án là bao nhiêu so với tổng mức đầu tư ban đầu)

Cột (12) là lũy kế các nguồn vốn bố trí cho dự án đến 31/12/2010 (bao gồm số vốn ứng trước các năm sau chưa hoàn trả trong kế hoạch, nếu dự án được ứng trước ghi thêm số ứng trước vào cột ghi chú)

Cột (13) là lũy kế vốn TPCP bố trí cho dự án đến 31/12/2010 (bao gồm số vốn trái phiếu Chính phủ ứng trước các năm sau chưa hoàn trả trong kế hoạch, nếu dự án được ứng trước ghi cụ thể số vốn ứng trước vào cột ghi chú)

Cột (14) là khối lượng thực hiện dự án từ khởi công đến 31/12/2010

Cột (15) là khối lượng thực hiện phần sử dụng vốn TPCP từ khởi công đến 31/12/2010

Cột (16) là giải ngân các nguồn vốn từ khởi công đến 31/01/2011 (bao gồm cả giải ngân số vốn ứng trước các năm sau chưa hoàn trả trong kế hoạch, ghi rõ số giải ngân phần ứng trước trong cột ghi chú)

Cột (17) là giải ngân phần vốn TPCP từ khởi công đến 31/01/2011 (bao gồm cả giải ngân số vốn TPCP ứng trước các năm sau chưa hoàn trả trong kế hoạch, ghi rõ số giải ngân TPCP ứng trước trong cột ghi chú)

Cột (18) là tổng số các nguồn vốn bố trí kế hoạch năm 2011

Cột (19) là kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2011

Cột (20) là khối lượng thực hiện các nguồn vốn của từng dự án từ 1/1/2011 đến 30/6/2011

Cột (21) là khối lượng thực hiện phần vốn TPCP kế hoạch năm 2011 từ 1/1/2011 đến 30/6/2011

Cột (22) là giải ngân từng dự án từ các nguồn vốn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011

Cột (23) là giải ngân phần vốn TPCP kế hoạch năm 2011 từ 1/1/2011 đến 30/6/2011

Cột (24) là lũy kế khối lượng thực hiện từng dự án từ các nguồn vốn từ 1/1/2011 đến hết năm 2011

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2010		Khối lượng thực hiện từ KC đến 31/12/2010		Giải ngân từ KC đến 31/01/2011		Kế hoạch năm 2011		Thực hiện từ 1/1/2011 đến 30/6/2011				Ước thực hiện cả năm 2011				Nhu cầu kế hoạch 2012		Ghi chú
					Số quyết định	TMDT	Trong đó: phần sử dụng TPCP	Số quyết định	TMDT	Trong đó: phần sử dụng TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Khối lượng thực hiện từ 1/1/2011 đến 30/6/2011		Giải ngân từ 1/1/2011 đến 30/6/2011		Khối lượng thực hiện năm 2011		Giải ngân năm 2011		Tổng số	Trong đó: TPCP	
																			Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP			

Cột (25) là khối lượng thực hiện phần vốn TPCP kế hoạch năm 2011 từ 1/1/2011 đến hết năm 2011

Cột (26) là lũy kế giải ngân từng dự án từ các nguồn vốn từ 1/1/2011 đến hết năm 2011

Cột (27) là lũy kế giải ngân phần vốn TPCP kế hoạch năm 2011 từ 1/1/2011 đến hết năm 2011

Cột (28) là nhu cầu các nguồn vốn cho từng dự án năm 2012

Cột (29) là nhu cầu vốn TPCP cho từng dự án năm 2012

Cột (30) ghi chú

www.LuatVietnam.vn

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ**  
(Thuộc các nguồn vốn khác)

TT		Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư hoặc Tổng dự toán được duyệt	Thực hiện từ khởi công đến hết 30/6/2011	Số vốn đã được cấp đến 30/6/2011	Ước thực hiện từ khởi công đến hết 31/12/2011	Số vốn đã được cấp đến 31/12/2011	Từ nguồn vốn	Dự án thuộc nhóm A, B, C	Kế hoạch năm 2012
	<b>TỔNG SỐ</b>											
<b>I</b>	<b>Ngành .....</b>											
1	<i>Dự án chuyển tiếp:</i>											
	- Dự án .....											
	- Dự án .....											
2	<i>Dự án khởi công mới:</i>											
	- Dự án .....											
	- Dự án .....											
<b>II</b>	<b>Ngành .....</b>											
	(Phân loại như trên)											
...	...											



**NỢ XÂY DỰNG CƠ BẢN NGUỒN VỐN NSNN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Đã thực hiện đến hết 31/12/2010	Đã thanh toán đến 31/12/2010	Đã bố trí kế hoạch 2011 (để thanh toán nợ)	Kế hoạch năm 2012	Số nợ còn lại	Ghi chú
<b>TỔNG SỞ</b>										
<b>I</b>	<b>Nợ XDCB từ nguồn ngân sách theo kế hoạch nhà nước giao</b>									
<b>A</b>	<b>Ngành Giao thông</b>									
	<i>Dự án hoàn thành</i>									
1	- Dự án ...									
2	- Dự án ...									
	<i>Dự án chuyển tiếp:</i>									
1	- Dự án .....									
2	- Dự án .....									
<b>B</b>	<b>Ngành Nông nghiệp, thủy lợi</b>									
1	- Dự án ...									
2	- Dự án ...									
	<i>Dự án chuyển tiếp:</i>									
1	- Dự án .....									
2	- Dự án .....									
<b>C</b>	<b>Ngành ....</b>									
	(Ghi tương tự như trên)									

TT		Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Đã thực hiện đến hết 31/12/2010	Đã thanh toán đến 31/12/2010	Đã bố trí kế hoạch 2011 (để thanh toán nợ)	Kế hoạch năm 2012	Số nợ còn lại	Ghi chú
II	<b>Nợ XDCB từ nguồn vay kho bạc nhà nước và các khoản nợ XDCB từ nguồn ngân sách khác</b>										
1	- Dự án .....										
2	- Dự án .....										

www.LuatVietnam.vn

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH**

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT		Cấp phê duyệt	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Tổng dự toán được duyệt	TH 6 tháng năm 2011	Ước thực hiện đến hết 31/12/2011	Kế hoạch năm 2012		
							Tổng số	Trong đó	
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	<b>TỔNG SỐ</b>								
1	Dự án quy hoạch chuyển tiếp:								
	- Dự án quy hoạch.....								
	- Dự án quy hoạch.....								
2	Dự án quy hoạch triển khai mới:								
	- Dự án quy hoạch.....								
	- Dự án quy hoạch.....								